



**Tự lực ở Ba Lan
– Tuyển Tập thông tin
cho người nước ngoài
– công dân các nước thứ ba**

Tổng biên tập Agnieszka Mikulska

**Tổ chức bảo vệ quyền
con người Helsinki.
Vac Sa Va 2009**

 **HELŚIŃSKA FUNDACJA
PRAW CZŁOWIEKA**

 **UNIA EUROPEJSKA
EUROPEJSKI FUNDUSZ NA RZECZ
INTEGRACJI OBYWATELI PAŃSTW TRZECICH**

 **OPEN SOCIETY INSTITUTE**

Tự lực ở Ba Lan – Tuyển Tập thông tin cho người nước ngoài – công dân các nước thứ ba

Tổng biên tập Agnieszka Mikulska

Tổ chức bảo vệ quyền con người Helsinki,
Warszawa 2009

 HELSIŃSKA FUNDACJA
PRAW CZŁOWIEKA



UNIA EUROPEJSKA
EUROPEJSKI FUNDUSZ NA RZECZ
INTEGRACJI OBYWATELI PAŃSTW TRZECICH



OPEN SOCIETY INSTITUTE

**Tự lực ở Ba Lan – Tuyển Tập thông tin cho người nước ngoài
– công dân các nước thứ ba.**

©Copyright – Helsińska Fundacja Praw Człowieka

Soạn thảo và biên tập: Agnieszka Mikulska

Dịch và sửa: (Vũ Duy Hiên)

Quyển sách này hình thành trong chương trình dự án *Những người di dân ở Ba lan-
thông tin và giúp đỡ pháp luật.*

Những người thực hiện dự án:

Agata Foryś

Ewa Ostaszewska

Karolina Rusiłowicz

Agnieszka Mikulska

Maciej Kawiński/Maciej Fagasiński

Đỡ đầu nội dung cho dự án /pro bono/) – giáo sư Irena Rzeplińska



UNIA EUROPEJSKA
EUROPEJSKI FUNDUSZ NA RZECZ
INTEGRACJI OBYWATELI PAŃSTW TRZECICH

Dự án được tài trợ chung từ tài chính của Ủy Ban Châu Âu trong phạm vi chương trình Châu Âu cho việc Hòa Đồng của công dân các nước thứ ba cùng với ngân sách nhà nước. Toàn bộ trách nhiệm về nội dung có trong cuốn sách này do nhà xuất bản chịu. Ủy ban Châu Âu không chịu trách nhiệm về những nội dung trong cuốn sách này và cách sử dụng những thông tin được tiếp cận



OPEN SOCIETY INSTITUTE

Sách được Open Society Institute cùng tài trợ.

Sắp chữ, hiệu chỉnh và in:

CG AMK Sp. z o.o.

www.cgamk.com

Mục lục

Lời dẫn dắt.....	9
Chương I. Một số thông tin về Ba Lan.....	11
1. Thể chế chính trị.....	12
2. Tôn giáo.....	12
3. Lễ tết và những ngày nghỉ việc.....	13
4. Số điện thoại báo động ở Ba Lan.....	13
Chương II. Những chữ viết tắt và khái niệm quan trọng.....	15
Chương III. Việc gì và ở đâu – danh mục những cơ quan quan trọng cùng với chỉ dẫn có thể giải quyết được những việc gì ở đó.....	17
Chương IV. Hợp pháp cư trú ở Ba Lan.....	19
1. Người nước ngoài phải thỏa mãn những điều kiện gì để có thể sang Ba Lan?.....	19
2. Các loại thị thực.....	19
2.1. Xin thị thực thế nào?.....	20
2.2. Xin thị thực với mục đích lao động thế nào?.....	21
2.3. Có thể kéo dài thị thực đang có ở Ba Lan không ?.....	21
3. Xin quyền cư trú ở Ba Lan thế nào?.....	22
4. Những hậu quả của việc cư trú bất hợp pháp ở Ba Lan.....	23
5. Những thông tin chung về thủ tục hợp pháp hóa cư trú.....	23
6. Có thể hợp pháp hóa cư trú thế nào trong trường hợp bắt đầu lao động trên lãnh thổ CH Ba Lan?.....	24
7. Có thể hợp pháp hóa cư trú thế nào trong trường hợp kết hôn với công dân CH Ba Lan?.....	25
8. Trong thời hạn nào cần nộp đơn xin giấy phép tạm cư và giấy phép được cấp cho thời gian bao lâu?.....	27
9. Có thể làm gì trong trường hợp bị từ chối cấp giấy phép tạm cư / giấy phép định cư/giấy phép cư trú dài hạn Châu Âu (WE)?.....	27
10. Có thể lấy lại được lệ phí không trong trường hợp bị từ chối cấp giấy phép cư trú?.....	28
11. Làm thế nào để có đăng ký hộ khẩu (meldunek)?.....	28
12. Số PESEL là gì và làm thế nào để có số đó?.....	29
13. Giấy phép cư định cư ở Ba Lan.....	30
13.1. Làm thế nào để có giấy phép định cư?.....	30
13.2. Làm thế nào để có giấy phép cư trú dài hạn WE?.....	31
14. Thẻ cư trú là gì và trên cơ sở nào cấp thẻ?.....	33
15. Có thể đi lại trong khu vực khối Schengen không cần thị thực khi có giấy phép cư trú ở Ba lan không?.....	34
Chương V. Lao động.....	35
1. Giấy phép lao động.....	35
1.1. Ai được miễn trách nhiệm phải có giấy phép lao động ?.....	35
1.2. Dễ dàng hơn cho công dân Bạch Nga, U-kra-in, Nga và Moldavi trong việc bắt đầu lao động.....	36
1.3. Các loại giấy phép lao động.....	37

2.	Thủ tục xin giấy phép lao động	37
2.1.	Ai đi xin cấp giấy phép lao động ?	37
2.2.	Ai cấp giấy phép lao động?.....	37
2.3.	Những điều kiện gì phải thỏa mãn để xin được giấy phép lao động loại A?	38
2.4.	Những điều kiện gì phải thỏa mãn để xin được giấy phép lao động loại B?	39
2.5.	Những điều kiện gì phải thỏa mãn để xin được giấy phép lao động loại C-E?	40
2.6.	Giấy phép lao động cấp cho thời gian bao lâu?	40
2.7.	Khi nào cần phải nộp đơn xin giấy phép hoặc kéo dài giấy phép lao động?	40
2.8.	Những giấy tờ gì cần thiết để có giấy phép lao động	40
2.9.	Những giấy tờ gì cần thiết để kéo dài giấy phép lao động?.....	42
2.10.	Giấy phép lao động được cấp ở hình thức gì?	43
2.11.	Cần phải trả bao nhiêu tiền cho việc cấp giấy phép lao động?.....	43
2.12.	Thủ tục cấp giấy phép lao động kéo dài bao lâu?.....	43
3.	Từ chối cấp giấy phép lao động.....	43
3.1.	Khi nào Tỉnh trưởng từ chối cấp giấy phép lao động?	43
3.2.	Có thể khiếu nại được quyết định về từ chối cấp giấy phép lao động không?.....	44
4.	Khi nào Tỉnh trưởng có thể hủy giấy phép lao động?	44
Chương VI. Thuế		45
1.	Đóng những thuế gì ở Ba Lan?	45
2.	Số Nhận dạng Thuế (NIP) – là cái gì và làm thế nào để có nó?	45
3.	Ai phải trả thuế thu nhập cá nhân và trả khoản gì?.....	46
4.	Những gì bị đánh thuế thu nhập cá nhân?.....	47
5.	Tính toán và trả thuế thu nhập cá nhân thế nào?	47
6.	Tờ khai PIT là gì?	49
7.	Ai nộp khai báo thuế?	49
8.	Khi nào và nộp tờ khai thuế thế nào?	50
9.	Cái gì sẽ xảy ra khi đối tượng trả thuế không nộp tờ khai thuế đúng thời hạn? ..	52
10.	Tính tiền netto thế nào, tức là thu nhập cầm tay được bao nhiêu tiền	52
Chương VII. Bảo hiểm		55
1.	Bảo hiểm xã hội	55
1.1.	Những loại Bảo hiểm xã hội gì ở Ba Lan?	55
1.2.	Ai có bảo hiểm trách nhiệm hưu trí và bảo hiểm trách nhiệm trợ cấp?....	55
1.3.	Ai có trách nhiệm bảo hiểm ốm đau ?	56
1.4.	Ai phải bảo hiểm tai nạn?	56
1.5.	Trong những khoảng thời gian nào bị bảo hiểm trách nhiệm: hưu trí, trợ cấp, ốm đau, và tai nạn?	56
1.6.	Ai trả tiền lệ phí bảo hiểm ?	56
1.7.	Tính tiền bảo hiểm thế nào?.....	57
1.8.	Ai và khi nào thông báo người được bảo hiểm lên sở bảo hiểm ZUS?	57

1.9	Kiểm tra thế nào sự đúng đắn trả tiền lệ phí bảo hiểm ?	58
2.	Những thông tin thêm liên quan đến bảo hiểm hưu trí.	58
2.1	Cột trụ II là gì và đăng ký vào đây thế nào ?	58
2.2	Ai bắt buộc phải chọn Cột trụ II?	59
2.3	Cột trụ III là cái gì?	59
3.	Bảo hiểm y tế.	60
3.1	Có thể tự nguyện bảo hiểm trong quỹ NFZ không?	60
3.2	Tiền bảo hiểm y tế là bao nhiêu ?	61
3.3	Những dịch vụ y tế gì người được bảo hiểm có quyền hưởng?	61
3.4	Những dịch vụ gì không được bảo đảm ?	62
3.5	Chọn trạm xá và bác sỹ trong phạm vi bảo hiểm trong quỹ NFZ.	62
3.6	Giấy khăng định có quyền hưởng dịch vụ y tế là gì?	63
3.7	Giới thiệu đến bác sỹ chuyên môn và khám nghiệm.	64
3.8	Điều trị bệnh viện.	65
3.9	Y tế ngoài hệ thống công cộng.	65
4.	Những bảo hiểm khác.	65
4.1	Những bảo hiểm khác nào có tính chất trách nhiệm?	65
4.2	Bảo hiểm OC là gì?	65
4.3	Ở đâu và ký hợp đồng bảo hiểm OC cho thời gian bao lâu?	66
4.4	Bảo hiểm hai chiều autocasco (AC) là gì?	66
4.5	Bảo hiểm NNW là gì?	66
4.6	Bảo hiểm nhà hoặc căn hộ.	66
Chương VIII. Trợ cấp xã hội		69
1.	Ai được hưởng quyền lợi từ trợ cấp xã hội?	69
2.	Trong những tình huống nào thì được hưởng quyền trợ cấp xã hội?	70
3.	Có những loại lợi ích gì từ trợ cấp xã hội?	70
4.	Ai được hưởng trợ cấp cố định?	71
5.	Khi nào thì được hưởng trợ cấp định kỳ?	71
6.	Khi nào được công nhận trợ cấp mục đích?	72
7.	Ai có quyền được chỗ ăn náu, ăn uống và quần áo?	72
8.	Xin trợ cấp xã hội thế nào?	72
Chương IX. Bảo vệ pháp lý – những vấn đề chọn lọc		73
1.	Hệ thống tòa án ở Ba Lan.	73
1.1.	Các loại tòa án.	73
1.1.1.	Tòa án tối cao (SN).	73
1.1.2.	Tòa án phổ thông-địa phương, vùng và thượng thẩm.	73
1.1.3.	Các tòa án hành chính tỉnh (WSA).	75
1.1.4.	Tòa án quân đội.	75
2.	Phạm pháp.	75
2.1.	Tôi có thể làm gì khi là nạn nhân của việc phạm pháp?	75
2.2.	Những loại phạm pháp và tiếp theo hậu quả của nó là gì ?	75
2.3.	Từ đâu có thể biết là cảnh sát có xử lý việc được thông báo ?	76
2.4.	Người bị thiệt hại có thể có luật sư không và nếu như không có khả năng thuê sự trợ giúp đó thì cần làm gì?	77

2.5.	Phạm pháp vì lòng căm thù là gì?.....	77
2.6.	Người nước ngoài với tư cách bị tố cáo.....	78
3.	Bảo vệ trước sự kỳ thị.....	78
3.1.	Kỳ thị là gì?.....	78
3.2.	Kỳ thị trong việc làm.....	78
3.3.	Bằng cách gì người bị kỳ thị có thể đòi quyền của mình?.....	79
3.4.	Bằng cách gì nạn nhân của sự kỳ thị không liên quan đến việc tuyển dụng có thể đòi quyền của mình?.....	80
4.	Đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người.....	80
4.1.	Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người là gì và phụ trách những gì?.....	80
4.2.	Ai có thể nộp đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người (ETPC)?.....	81
4.3.	Đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người liên quan đến gì?.....	81
4.4.	Những điều kiện thủ tục gì phải thỏa mãn đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người ?.....	81
4.5.	Bằng cách gì cần đưa đơn kiện?.....	82
4.6.	Việc xét xử trước Hội đồng thẩm phán sẽ như thế nào?.....	82
5.	Người phát ngôn quyền công dân.....	83
5.1.	Người phát ngôn quyền công dân là ai và phụ trách việc gì?.....	83
5.2.	Người nước ngoài có thể được sự giúp đỡ của Người phát ngôn quyền công dân không?.....	83
5.3.	Nộp đơn cho Người phát ngôn quyền công dân thế nào và đơn cần ghi những gì?.....	83
5.4.	Người phát ngôn hành động bằng cách gì?.....	84
5.5.	Người phát ngôn không phụ trách điều gì?.....	84
6.	Người phát ngôn quyền của trẻ em.....	85
6.1.	Người phát ngôn quyền của trẻ em là ai và phụ trách việc gì?.....	85
6.2.	Bằng cách gì có thể liên hệ được với Người phát ngôn.....	85
6.3.	Bằng cách gì Người phát ngôn hoạt động.....	85
	Phụ lục	87
	Phụ lục 1. Các nhà thờ và tổ chức tín ngưỡng.....	87
	Phụ lục 2. Địa chỉ các ủy ban tình.....	89
	Phụ lục 3. Các cơ quan và các tổ chức giúp đỡ người nước ngoài.....	91
	Phụ lục 4. Các tổ chức của người nước ngoài.....	93
	Phụ lục 5. Những hoàn cảnh là cơ sở cấp giấy phép tạm cư, theo pháp luật ra ngày 13 tháng sáu năm 2003 về người nước ngoài (Công báo năm 2003, số 128, mục 128 cùng những thay đổi sau này).....	95
	Phụ lục 6. Thư mục.....	98
	Các văn bản đã được phát hành.....	99

Lời dẫn dắt

Theo ý tưởng chính thì độc giả của quyển sách này là những người di dân hợp pháp ngoài khối Liên minh Châu Âu sang Ba Lan, với ý định làm việc và ở lại đây một thời gian dài. Sự lựa chọn độc giả tự nhiên có ảnh hưởng đến nội dung của sách xuất bản này. Trong sách này phần giới thiệu về những quy định pháp luật, đặc biệt là những quy định liên quan đến tuyển dụng và hợp pháp hóa cư trú không liên quan đến những người sang từ các nước Liên minh Châu Âu, cũng như công dân của các nước trong khu vực kinh tế Châu Âu. Trong sách cũng không có thông tin về vấn đề giáo dục, cũng như mở hoạt động kinh doanh ở Ba Lan. Cũng nên nhắc lại, đây là những tài liệu về các vấn đề đã được biên soạn trong những sách có tính chất tương tự đã phát hành cách đây không lâu¹. Trong cuốn sách này, chúng tôi đã cố gắng cho vào những thông tin cần thiết nhất, cần cho sự hoạt động ở Ba Lan, cho những ai đang làm việc hoặc muốn xin làm việc tại đây. Cũng vì vậy nội dung chính của cuốn sách này là những quy định pháp luật, thủ tục hành chính về lĩnh vực hợp pháp hóa cư trú, giấy phép làm việc, hệ thống thuế và bảo hiểm (giới hạn cho những tình huống thường gặp). Để thuận tiện cho việc tìm kiếm giữa những nội dung đó, chúng tôi đã bố trí từ điển nhỏ, những khái niệm quan trọng nhất và những chữ viết tắt hay được sử dụng hàng ngày mỗi khi nói đến những nội dung trên. Thêm vào đó, chúng tôi đã đưa danh sách những Ủy ban quan trọng cho người ngoại quốc và chỉ dẫn các cơ quan đó giải quyết những việc gì. Lưu ý đến vấn đề người di dân là những nhóm người đặc biệt hay bị đe dọa, bị kỳ thị và áp bức về phương diện phân biệt chủng tộc, cũng như có thể hay là nạn nhân của việc phạm pháp hơn người Ba Lan, chúng tôi đã soạn thảo một chương dành về vấn đề bảo vệ pháp lý. Toàn bộ sách được bổ sung bằng những thông tin vắn tắt về Ba Lan, về thể chế chính trị, hành chính, các ngày lễ tết, ngày được nghỉ việc cùng danh sách các nhà thờ và tổ chức tín ngưỡng, tổ chức của người di dân hoặc những tổ chức giúp đỡ người nước ngoài.

Cuốn sách không bao trùm được tất cả các vấn đề liên quan đến người nước ngoài ở Ba Lan. Khi lựa chọn các đề tài, chúng tôi đã lưu ý đến những kết luận được rút ra khi thực hiện dự án “Những người di dân ở Ba Lan – thông tin và sự giúp đỡ pháp lý”, chúng tôi cũng vận dụng kinh nghiệm lâu năm các chương trình hoạt động của Tổ chức bảo vệ quyền con người Helsinki – chương trình “giúp đỡ pháp lý miễn phí cho người nước ngoài và tị nạn, chương trình “Quyền của thiểu số” cùng với “Điểm liên hệ quốc gia của hệ thống RAXEN”. Hoạt động của chi nhánh Tổ chức các quyền cơ bản của Liên minh Châu Âu. Nội dung của cuốn sách cũng đã được thảo luận với những người nước ngoài (và những người thân của họ) sống ở Ba Lan. Chúng tôi đã hỏi họ về những kinh nghiệm về “tự lực” ở Ba Lan. Đặc biệt chúng tôi đã hỏi những vấn đề gì trong cuộc sống họ khó xử lý nhất, những thông tin gì khó tìm tới nhất, những thủ tục gì gây ra nhiều khó khăn nhất. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các bạn đã cho những ý kiến, lời khuyên và chỉ dẫn.

¹ Ví dụ: Viện cố vấn Pháp luật khu vực đã xuất bản thông tin cho người nước ngoài liên quan đến việc nghiên cứu khoa học và học đại học ở Ba Lan (Vac sa va 2009). Nguyên tắc thành lập công ty (hoạt động kinh doanh) của người nước ngoài đã được viết chẳng hạn trên trang WEB www.migrant.info.pl

Như trên chúng tôi đã nhấn mạnh là độc giả của cuốn sách này được xác định cụ thể. Song nhiều thông tin trong này chắc chắn có lợi đối với nhiều nhóm người rộng hơn.

Chúng tôi hy vọng là cuốn sách sẽ giúp cho những người di dân đến Ba Lan dễ dàng thâm nhập vào (những con đường quanh co) thực tế ở Ba Lan và cũng nhờ vậy dẫn đến sự thích ứng nhanh hơn, dễ dàng hơn với xã hội Ba Lan.

Chương I

Một số thông tin về Ba Lan.

Diện tích: 312.685 km²

Dân số: 38 .157 .055 người (năm 2006)

Thủ đô: Vác sa va

Tiếng nói hành chính: tiếng Ba Lan

Tiền tệ: z – lô – ti (bằng 100 xu)

Đơn vị đo lường: hệ mét, nhiệt độ: theo độ C

Thời gian: mùa đông theo múi giờ Đông Âu CET (UCT +1), mùa hè CET (UCT +2)

Chia các đơn vị hành chính: 2478 xã, 314 huyện, 16 tỉnh.

Thủ phủ của các tỉnh: tỉnh dolnośląskie (đọc là Đôn nô sờ lông sờ kie) là V – rô – slav (Wrocław), Tỉnh kujawsko – pomorskie là Bydgoszcz/Toruń, tỉnh Lubelskie là Lublin, tỉnh Lubuskie là Gorzów Wielkopolski/Zielona Góra, tỉnh Łódzkie là Łódź, tỉnh Małopolskie là Kraków, tỉnh Mazowieckie Tỉnh Vác sa va là Warszawa, tỉnh Opolskie là Opole, tỉnh Podkarpackie là Rzeszów, tỉnh Podlaskie là Białystok, tỉnh Pomorskie là Gdańsk, tỉnh Śląskie là Katowice, tỉnh Świętokrzyskie là Kielce, tỉnh Warmińsko-mazurskie là Olsztyn, tỉnh Wielkopolskie là Poznań, tỉnh Zachodniopomorskie là Szczecin. (Tên các tỉnh người Việt nam hay gọi theo thủ phủ của tỉnh)

Bản đồ hành chính Ba Lan (woj – là chữ viết tắt của chữ “tỉnh”, bên cạnh chữ woj là tên của tỉnh đó theo màu tô trên bản đồ).



Nguồn tin: Wikipedia, được sử dụng theo những điều kiện hợp đồng sử dụng GNU Free Documentation License.

1. Thể chế chính trị.

Cộng hòa Ba Lan là nước Cộng hòa với hệ thống Quốc hội – Chính phủ (do Quốc hội phê chuẩn), đa Đảng. Đứng đầu Nhà nước là Chủ tịch nước (Tổng thống). Áp dụng chế độ Tam quyền phân lập. Quyền Lập pháp thuộc hai viện của Quốc hội (Hạ nghị viện, Thượng nghị viện), quyền Tư pháp là của các Tòa án và Hội đồng Thẩm phán, còn quyền Hành pháp là của Hội đồng Bộ trưởng do Thủ tướng và Chủ tịch nước điều hành. Chính phủ thực hiện quyền lực ở mức Trung ương, Chính phủ cũng có đại diện của mình ở cấp tỉnh – đó là các Tỉnh trưởng (để Tỉnh trưởng hoạt động được lập ra các Ủy ban tỉnh)

Thể chế của Ba Lan thiết lập, chia quyền lực xuống địa phương – phần quyền lực được luật pháp xác định của chính quyền địa phương được lập ra trong phạm vi công đồng tự quản. Các đơn vị cơ quan tự quản là xã (đó là công đồng nhỏ nhất), huyện (trong đó có cả thành phố với quyền lực như huyện) và tỉnh. Cơ quan thành lập các cấp đó là các hội đồng – hội đồng xã, huyện, thành phố và hội đồng tỉnh. Quyền Hành pháp ở các tỉnh do các Chủ tịch hội lập, ở huyện do các huyện trưởng, còn ở xã – tùy theo tầm cỡ và đặc tính – do Xã trưởng, Thị trưởng hoặc các Chủ tịch thành phố.

Tổng thống Cộng hòa Ba Lan, Quốc hội và chính quyền địa phương được chọn bằng hình thức bầu cử toàn thể. Bầu cử Tổng thống tiến hành 5 năm một lần. Bầu cử vào Quốc hội, trong đó bầu cử Nghị sĩ vào Hạ nghị viện và Thượng nghị viện, diễn ra 4 năm một lần (Có thể thường xuyên hơn trong trường hợp rút ngắn nhiệm kỳ). Cũng 4 năm một lần bầu cử chính quyền địa phương. Xã trưởng, Thị trưởng và Chủ tịch thành phố, trong đó cả Tổng thống Cộng hòa Ba Lan được công dân bầu chọn trong bầu cử trực tiếp.

Tất cả các công dân Ba Lan kết thúc tuổi 18 (và không bị tước quyền bầu cử) có quyền tham gia bầu cử. Người ngoại quốc, (nhưng chỉ những công dân của Liên minh Châu Âu định cư ở Ba Lan) có thể bỏ phiếu và ứng cử trong những đợt bầu cử địa phương. Những người đó có thể bỏ phiếu, cũng như ứng cử trong những đợt bầu cử vào Quốc hội Châu Âu.

2. Tôn giáo.

Phần lớn người Ba Lan theo đạo Thiên chúa giáo – xấp xỉ 95% là theo đạo Thiên Chúa giáo La mã. Ở Ba Lan còn có hàng loạt những nhà thờ thiên chúa khác. Nhà thờ tầm cỡ thứ hai là Nhà thờ Chính thống Độc lập. Một nhóm lớn gồm những tín đồ đạo giáo Kháng cách của những trường phái truyền thống khác nhau – Tin lành, Tin lành cải cách, Rửa tội, Tin lành giám lý, Tin lành Thiên phú, Chúa Giê su phục sinh ngày thứ bảy. Ở Ba Lan cũng có những xã hoạt động theo tín ngưỡng Do thái và vài cộng đồng người Hồi giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo (danh sách các nhà thờ và tổ chức tín ngưỡng trong phụ lục số 1).

Người Ba Lan là dân tộc sùng đạo. Vì thế sự có mặt của Nhà thờ Thiên Chúa giáo La mã nổi bật trong cuộc sống công cộng và xã hội, trong các trường học có môn học về đạo giáo, còn ở nhiều nơi công cộng có treo những hình tượng đạo giáo.

3. Lễ tết và những ngày nghỉ việc.

Ở Ba Lan tất cả những ngày chủ nhật và mười hai ngày khác là những ngày được nghỉ việc theo pháp luật – đó là lễ quốc gia và nhà thờ, trong đó những ngày lễ nhà thờ quan trọng nhất là lễ Thiên Chúa giáo. Vậy người Ba Lan nghỉ lễ như sau: mừng 1 tháng một – Năm mới, ngày đầu và ngày thứ hai của Lễ Phục sinh (đó là ngày lễ di động, rơi vào tháng ba hoặc tháng tư), mừng 1 tháng năm – là Ngày Quốc tế lao động, mừng 3 tháng năm – là lễ phê chuẩn Hiến chương đầu tiên năm 1791, lễ Hạ trần (thường gọi là Lễ Xanh, đó là lễ di động sau lễ Phục sinh 49 ngày, bao giờ cũng rơi vào ngày chủ nhật), Lễ thánh thể (lễ di động, thường rơi vào tháng sáu, bao giờ cũng vào thứ năm), 15 tháng tám – là ngày Lễ Đức Mẹ lên trời và đồng thời là ngày lễ Quân đội Ba Lan, mừng 1 tháng mười một – Lễ tảo mộ, ngày 11 tháng 11 – lễ kỷ niệm ngày Ba Lan giành lại độc lập năm 1918, 25 tháng mười hai – ngày thứ nhất lễ Giáng sinh, ngày 26 tháng mười hai – ngày thứ hai Lễ Giáng sinh. Cần nhớ là trong những ngày lễ này cấm buôn bán, vì vậy phần lớn các cửa hàng và những điểm dịch vụ đóng cửa. Chỉ có những trạm xăng và những cửa hàng nhỏ mở cửa.

Pháp luật Ba Lan quy định là chỉ làm việc 5 ngày trong tuần, còn hai ngày trong tuần được nghỉ. Một ngày nghỉ theo luật là chủ nhật, ngày nghỉ thứ hai do ông chủ xác định, thông thường đó là ngày thứ bảy.

Cần biết trên cơ sở hiệu lực pháp luật về lương tâm và tự do tín ngưỡng thì những người theo tín ngưỡng khác mà những ngày lễ đạo không phải là những ngày nghỉ làm việc theo luật quy định, thì có thể tự xin nghỉ làm việc hoặc nghỉ học trong thời gian cần thiết để làm những lễ đó, đúng như những quy định theo tín ngưỡng của mình. Những người chưa đủ tuổi thành niên có thể sử dụng quyền đó trên cơ sở đơn của bố mẹ hoặc người đỡ đầu hợp pháp. Có thể được phép nghỉ làm việc với điều kiện làm bù thời gian được nghỉ, không có quyền hưởng thêm lương như cho những ngày nghỉ làm việc theo luật hoặc công việc ngoài giờ.

4. Số điện thoại báo động ở Ba Lan

999 – Cứu thương

997 – Cảnh sát

998 – Cứu hỏa

986 – Cảnh vệ thành phố (chỉ có ở một số thành phố)

981 – Giúp đỡ giao thông

112 – Số báo động Châu Âu, cần gọi vào số này trong trường hợp: hỏa hoạn, tai nạn giao thông, trộm cắp cửa vào, ăn cắp, trường hợp bị áp bức, nhận ra người đang bị truy nã ở Ba Lan, bị điện giật, bị ngất bất ngờ và bất tỉnh, bị thương tích có thể nghiêm trọng, chảy máu nhiều cùng những tình huống đe dọa tính mạng hoặc sức khỏe. Khi gọi vào số này, sẽ được nối với người điều hành mà tùy theo nhu cầu sẽ gọi cứu viện thích ứng (cấp cứu, cứu hỏa, cảnh sát).

I.C.E. – dưới ký hiệu này trong điện thoại của mình, cần ghi số điện thoại của người cần thông báo trong tình huống bất chắc.

Có thể tìm thêm thông tin về Ba Lan trên trang WEB: www.poland.gov.pl.

Chương II

Những chữ viết tắt và khái niệm quan trọng.

Số PESEL – PESEL là chữ viết tắt của Powszechny Elektroniczny System Ewidencji Ludności (Hệ thống thống kê dân số điện tử phổ thông), còn số PESEL là chuỗi 11 số, cho mỗi người dân khi đăng kí trong danh bạ. Đó cũng là số để nhận dạng người đó. Số PESEL cấp cho những người ở Ba Lan định cư hoặc tạm cư trong thời gian vượt quá 3 tháng. Trong nhiều tình huống cuộc đời, ví dụ: khi sử dụng bảo hiểm y tế, cần thiết phải nhận dạng bằng số PESEL.

Zameldowanie (Đăng ký hộ khẩu) (thường gọi là – **meldunek**) – đó là đăng ký tại Ủy ban xã/thành phố sự việc một người ở chỗ đó (trong căn hộ, nhà). Có thể làm đăng ký hộ khẩu cho thời gian cư trú đến 3 tháng, cư trú trên 3 tháng và định cư.

Karta pobytu (thẻ cư trú) – là giấy tờ nhận dạng người nước ngoài ở Ba Lan. Thẻ này cấp cho người nước ngoài đã có giấy phép tạm trú, giấy phép cư trú dài hạn Châu Âu (WE) hoặc giấy phép định cư trên lãnh thổ Ba Lan. Thẻ cư trú (cùng với giấy thông hành) cho phép qua biên giới Ba Lan nhiều lần không cần có thị thực.

NIP – là chữ viết tắt của tên gọi Numer Identyfikacji Podatkowej (Số đăng ký nhận dạng thuế). Đó là chuỗi 10 số nhận dạng cụ thể một đối tượng trả thuế, cần thiết khi tiến hành thanh toán thuế. Số này do giám đốc Sở thuế thích hợp tại nơi ở cấp.

PIT – đó là mẫu tờ khai thuế. Các mẫu PIT có những số khác nhau, phụ thuộc vào loại thu nhập khai ra. Mẫu PIT có thể tải từ Internet, tốt nhất là từ trang (của bộ Tài chính) Ministerstwa Finansów (www.mf.gov.pl).

OFE – (là Quỹ Hưu trí mở) Otwarty Fundusz Emerytalny. Ở Ba Lan lệ phí bảo hiểm hưu trí theo quy định phải trả vào hai cơ quan: Sở Bảo hiểm xã hội (đó là Cột trụ I) và một trong những Quỹ hưu trí Mở (Cột trụ II). Người bắt đầu làm việc ở Ba Lan tự chọn cho mình Quỹ hưu trí Mở OFE để tiền bảo hiểm của mình được gửi vào đó. Trong trường hợp thiếu sự lựa chọn thì sẽ được chọn bốc thăm một trong những quỹ đó.

ZUS RMUA – đó là báo cáo về vấn đề trả tiền bảo hiểm xã hội và y tế. Hàng tháng do ông chủ/chủ công ty/ đưa cho nhân viên.

NFZ – (là Quỹ Y tế Quốc gia) Narodowy Fundusz Zdrowia – là đơn vị của nhà nước quản lý tiền từ khoản tiền bảo hiểm trách nhiệm y tế. Logo (biểu tượng) **NFZ** được đánh dấu ở những điểm thực hiện dịch vụ y tế trong phạm vi Y tế công cộng.

ZUS – Zakład Ubezpieczeń Społecznych (Sở Bảo hiểm xã hội) – là cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi bảo hiểm xã hội ở Ba Lan.

OC – bảo hiểm trách nhiệm dân sự, là trách nhiệm của những chủ xe cơ giới (trang trải khi có thể xảy ra thiệt hại khi sử dụng xe đó), có thể tự nguyện bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong những tình huống khác trong cuộc đời.

Chương III

Việc gì và ở đâu – danh mục những cơ quan quan trọng cùng với chỉ dẫn có thể giải quyết được những việc gì ở đó.

Tên cơ quan	Chỉ dẫn	Các việc giải quyết
Urząd Wojewódzki (Ủy Ban Tỉnh)	Cơ quan Hành chính nhà nước ở cấp Tỉnh. Các Ủy Ban Tỉnh nằm tại thủ đô của các tỉnh và những chi nhánh của mình. Danh sách các Ủy Ban Tỉnh – phụ lục 2	Hợp pháp cư trú của người ngoại quốc, cấp thẻ cư trú, xử lý các việc trong phạm vi hồi hương, giấy phép lao động của người nước ngoài.
Urząd do Spraw Cudzoziemców (Ủy Ban về những việc của người nước ngoài)	Ủy ban Trung Ương Địa chỉ: phố Koszykowa 16 00-564 Warszawa điện thoại:(22) 601 74 02 fax (22) 601 74 13 trang WEB: www.udsc.gov.pl	Khiếu nại trong việc hợp pháp cư trú (khi nhận quyết định từ chối của Tỉnh trưởng), xét những đơn xin tị nạn.
Urząd gminy (Ủy Ban Xã) Urząd miasta (Ủy Ban Thành phố)	Các Ủy ban này có ở tất cả các Xã và Thành phố. Ở những thành phố lớn các Ủy ban chia thành những Sở cho từng quận của thành phố - cần xin ở Ủy ban/Sở - thích ứng với chỗ ở.	Đăng ký hộ khẩu tạm trú hoặc định cư của người nước ngoài, cấp số PESEL, đăng ký xe ô tô, cấp bằng lái xe.
Urząd stanu cywilnego (Ủy Ban Dân Sự)	Đơn vị tổ chức của Ủy Ban Xã/ Thành phố	Làm giấy khai sinh cho con, làm giấy báo tử, đăng ký kết hôn và những việc khác liên quan đến sự thay đổi tình trạng dân sự, cấp bản sao giấy khai sinh, giấy kết hôn và giấy báo tử, ghi giấy tờ dân sự nước ngoài vào sổ đăng ký Ba Lan, nhận con cho đứa trẻ sơ sinh hoặc đang trong bụng mẹ.
Urząd Skarbowy (Sở Thuế)	Các Ủy Ban này có ở hầu hết các Thành phố. Ở những Thành phố lớn có mấy Sở thuế - cần giải quyết ở Sở thích ứng với chỗ ở.	Mọi sự thanh toán thuế.

Chương IV

Tác giả Karolina Rusilowicz

Hợp pháp cư trú ở Ba Lan

1. Người nước ngoài phải thỏa mãn những điều kiện gì để có thể sang Ba Lan?

Người nước ngoài có thể qua biên giới và ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan nếu có:

- 1) Giấy thông hành có giá trị.
- 2) Thị thực có giá trị hoặc giấy tờ khác có giá trị (ví dụ giấy phép, giấy cho phép vào trong những trường hợp cụ thể) cho phép đi vào và ở trên lãnh thổ này nếu như những giấy tờ đó cần có.

Trách nhiệm có Thị thực đến 90 ngày miễn cho công dân các nước sau: Andora, Antigua và Barbuda, Argentina, Úc, Quần Đảo Bahama, Barbados, Brasil, Brunei, Chile, Croatia, Guatemala, Honduras, Israel, Nhật Bản, Canada, Nam Triều Tiên (Hàn Quốc), Costa Rica, Malaysia, Mauritius, Mexico, Monaco, Nicaragua, New Zealand (Tân Tây Lan), Panama, Paraguay, El Salvador, San Marino, Saint Kitts và Nevis, Seszele, Singapore, Hoa Kỳ, Uruguay, Thành Vatican, Venezuela, Na Uy, Lichtenstein, Iceland, Thụy Sĩ. Ngoài ra những dân cư ở Hongkong SAR và Makao SAR, Đặc khu hành chính thuộc Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa cùng với công dân Hong Kong người Anh quốc (ang. *British Nationals (Overseas)*). Công dân các nước Liên minh Châu Âu cũng không phải có thị thực.

Chú ý: Miễn trách nhiệm có thị thực không áp dụng cho những người sang vì mục đích đi học, làm việc hay hoạt động kinh doanh khác.

Trường hợp bắt buộc phải có thị thực thì nếu thiếu thị thực sẽ có hậu quả là bị từ chối không cho vào lãnh thổ Ba Lan. Sự có mặt trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan sau khi hết hạn thị thực hoặc trường hợp bị từ chối kéo dài thì coi là ở bất hợp pháp.

2. Các loại thị thực.

Thị thực có thể cho phép ra vào một lần, hai lần hoặc không có giới hạn trong thời gian cư trú bao nhiêu ngày được ghi trên thị thực.

- 1) **Thị thực cư trú đồng nhất (còn gọi là thị thực Schengen) được ký hiệu bằng chữ „C”** cho phép ra vào một hoặc nhiều lần, với điều kiện là không những thời gian cư trú một lần mà tổng cộng thời gian cư trú của những lần cư trú khác trên lãnh thổ các nước khối Schengen² không vượt quá 3 tháng trong mỗi khoảng thời gian 6 tháng tính từ ngày đi vào đầu tiên đến khu vực này.

2 Các nước nằm trong khối Schengen là phần lớn các nước Liên minh Châu Âu: Áo, Bỉ, Đan Mạch, Phần lan, Pháp, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Luxembourg, Hà Lan, Đức, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Ý, Estonia, Litva, Latvia, Malta, Ba Lan, CH Séc, Slovakia, Slovenia, Hung và cùng với Na Uy, Iceland, Thụy sĩ.

- 2) **Thị thực nội địa ký hiệu bằng chữ „D”** cho phép đi vào và cư trú trên lãnh thổ Ba Lan hoặc vài lần cư trú trực tiếp theo, mà tổng cộng thời gian các lần đó lâu hơn 3 tháng và tổng cộng không vượt 1 năm trong thời kỳ thị thực còn hạn.

Chú ý: Người nước ngoài có thị thực nội địa ký hiệu bằng chữ “D”, có quyền một lần đi qua lãnh thổ những nước khác của khối Schengen, để một lần đến nước đã cấp cho thị thực đó. Thị thực nói trên, không cho phép đi quá cảnh trở lại qua các nước khối Schengen để về nước sở tại.

2.1. Xin thị thực thế nào?

Lãnh sự cấp và từ chối cấp thị thực. Vậy thì đơn xin thị thực cần nộp lên lãnh sự. Những lãnh sự làm việc tại các lãnh sự quán và những cục lãnh sự của đại sứ quán Ba Lan ở các nước khác nhau- đơn xin thị thực cần nộp đến một trong những cơ quan đó. Nếu ở nước sở tại của người nước ngoài không có lãnh sự quán Ba Lan, thì phải đến lãnh sự gần nhất ở nước khác. Quyết định từ chối cấp thị thực của lãnh sự là quyết định cuối cùng. Thị thực được cấp là thị thực đồng nhất: cư trú hoặc quá cảnh và thị thực nội địa.

Có thể xin thị thực, nếu người nước ngoài có giấy thông hành có giá trị mà thời hạn giá trị vượt ít nhất 3 tháng từ lúc thời hạn phải xuất cảnh trên cơ sở thị thực được cấp trên lãnh thổ Ba Lan hoặc từ khối Schengen trong trường hợp thị thực đồng nhất.

Cần trả lệ phí lãnh sự cho việc nhận và xét đơn xin cấp thị thực (Theo nguyên tắc lệ phí là 60 euro trong trường hợp thị thực đồng nhất, cũng như nội địa). Lệ phí lãnh sự cần trả trước khi nộp đơn xin cấp thị thực. Lệ phí đó sẽ không trả lại trong trường hợp bị từ chối cấp thị thực.

Khi xin cấp thị thực, cần nộp cho lãnh sự đơn và nộp kèm theo đơn:

- 1) Ảnh của những người có trong đơn.
- 2) Giấy tờ khẳng định mục đích nhập cảnh (giấy mời, bằng chứng nhận vào học...).
- 3) Bằng chứng có bảo hiểm, trong đó hãng bảo hiểm chịu trách nhiệm trang trải chi phí chữa bệnh trên lãnh thổ các nước khối Schengen đến số tiền ít nhất là 30 000 euro trong thời gian định ở trên lãnh thổ này – trong trường hợp đơn xin cấp thị thực đồng nhất.
- 4) Bằng chứng có bảo hiểm y tế hiểu theo pháp luật quy định về những dịch vụ y tế đài thọ từ nguồn công cộng hoặc là do hãng bảo hiểm chi trả chữa bệnh trên lãnh thổ Ba Lan trong thời gian định ở trên lãnh thổ này – trong trường hợp đơn xin cấp thị thực nội địa.
- 5) Bằng chứng đã trả lệ phí lãnh sự.

Người nước ngoài cũng cần có đủ phương tiện sinh sống trong thời gian ở theo kế hoạch, cùng với việc quay trở lại nước xuất xứ hoặc quá cảnh và giấy chứng nhận có khả năng có những phương tiện đó đúng theo pháp luật (ví dụ: bằng chứng ấy có thể là giấy mời, trong đó người mời chịu trách nhiệm trang trải chi phí).

Điều trên không áp dụng cho người ngoại quốc sang Ba Lan trên cơ sở thị thực với mục đích lao động.

2.2. Xin thị thực với mục đích lao động thể nào?

Thị thực với mục đích lao động có thể được cấp như thị thực nội địa hay thị thực cư trú đồng nhất. Thị thực với mục đích làm việc có thể được cấp nếu người ngoại quốc trình bày giấy phép lao động trên lãnh thổ Ba Lan hoặc nếu như giấy phép như vậy không bắt buộc thì là văn bản xác nhận của chủ công ty tuyên bố ý định giao cho người ngoại quốc làm việc.

Thị thực với mục đích lao động do lãnh sự thích hợp với nơi thường trú của người nước ngoài cấp hoặc từ chối cấp. Nếu người nước ngoài đang ở hợp pháp trên lãnh thổ các nước khối Liên minh Châu Âu, các nước thành viên Hiệp ước Tự do buôn bán Châu Âu (EFTA)³, thì thị thực với mục đích lao động có thể do lãnh sự khác cấp.

Thị thực cư trú với mục đích lao động, cấp cho thời gian cư trú tương đương với thời gian chỉ ra trong giấy phép làm việc hoặc văn bản xác nhận của chủ hãng. Song thị thực không cấp dài hơn 1 năm trong trường hợp người nước ngoài xin thị thực nội địa, hoặc 3 tháng trong trường hợp thị thực cư trú đồng nhất.

Thủ tục xin thị thực công nhân giống hệt như thị thực cư trú.

2.3. Có thể kéo dài thị thực đang có ở Ba Lan không ?

Thị thực có thể kéo dài chỉ trong trường hợp thỏa mãn đồng thời tất cả những điều kiện:

- 1) Việc đó có tính thuyết phục vì lợi ích quan trọng công việc hoặc cá nhân hay là lý do nhân đạo.
- 2) Nếu nguyên nhân xin kéo dài thị thực là những sự việc đã xảy ra ngoài ý định của người ngoại quốc và không thể phỏng đoán trước được khi cấp thị thực.
- 3) Những hoàn cảnh của sự việc không chỉ ra rằng mục đích ở lại sẽ khác với mục đích khai báo.
- 4) Không xảy ra những yếu tố là lý do từ chối cấp thị thực.

Thời gian ở trên lãnh thổ Ba Lan trên cơ sở thị thực kéo dài không thể vượt thời gian tối đa phỏng đoán cho từng loại thị thực (3 tháng trong trường hợp thị thực cư trú đồng nhất hoặc 1 năm trong trường hợp thị thực nội địa).

Cơ quan thích ứng để kéo dài thị thực là Tỉnh trưởng thuộc khu vực người nước ngoài cư trú. Vì vậy đơn xin kéo dài thị thực cần nộp cho Tỉnh trưởng, dùng tờ khai như quy định (có thể tải từ trang WEB www.mazowieckie.pl). Cần làm việc đó ít nhất 7 ngày trước khi hết hạn thị thực cư trú đồng nhất đang có ký hiệu loại “C” hoặc 14 ngày trước lúc hết hạn cư trú trên cơ sở thị thực nội địa ký hiệu loại “D”.

Người nước ngoài xin kéo dài thị thực có trách nhiệm trình bày lý do đơn xin, kèm theo vào những giấy tờ khẳng định những hoàn cảnh đưa ra trong đơn cùng với ảnh của những người có trong đơn. Cũng cần nộp lệ phí 60 euro cho việc kéo dài thị thực đồng nhất hoặc 406 z-lô-ti cho thị thực nội địa. Được kéo dài hoặc bị từ chối kéo dài thị thực sẽ được diễn ra bằng hình thức quyết định.

³ Na Uy, Lichtenstein, Iceland, Thụy sĩ.

Nếu Tỉnh trưởng không kịp ra quyết định trong việc kéo dài thị thực trước lúc hết hạn cư trú hợp pháp trên cơ sở thị thực trước đây có, người ngoại quốc được cấp thị thực nội địa cho thời gian thụ lý việc kéo dài thị thực (gọi là thị thực thủ tục). Sau khi cấp quyết định thì thị thực thủ tục bị hủy.

Nếu đơn xin kéo dài thị thực không nộp đúng thời hạn như đã chỉ ra ở trên, còn việc thụ lý trong việc này chưa kết thúc được trước lúc hết hạn cư trú hợp pháp trên cơ sở thị thực đang có, thì người ngoại quốc sẽ phải ra khỏi Ba Lan và chờ đợi quyết định ở nước ngoài.

3. Xin quyền cư trú ở Ba Lan thế nào?

Nếu có những lý do ở lại trên lãnh thổ Ba Lan một thời gian dài hơn 3 tháng, thì người nước ngoài có thể xin giấy phép tạm trú.

Những hoàn cảnh mà trên cơ sở đó người nước ngoài hay xin giấy phép tạm cư nhất là:

- 1) Có giấy phép lao động hoặc văn bản chứng nhận của ông chủ/chủ hãng ý định giao việc làm cho người nước ngoài, nếu giấy phép lao động không phải là bất buộc.
- 2) Hoạt động kinh doanh trên cơ sở những quy định đang chấp hành ở Ba Lan, có lợi cho kinh tế quốc gia, và đặc biệt dẫn đến tăng cường đầu tư, chuyển giao công nghệ hiện đại, đưa vào áp dụng những đổi mới có lợi hoặc tạo ra chỗ làm việc mới.
- 3) Kết hôn với công dân Ba Lan.
- 4) Ý định sang Ba Lan vì là thành viên gia đình của người nước ngoài hoặc ở Ba Lan với mục đích đoàn tụ với gia đình⁴.
- 5) 5) Nhập cảnh hoặc cư trú ở Ba Lan với mục đích bắt đầu hoặc tiếp tục học đại học hệ chính quy hay làm bằng phó tiến sỹ (cũng trong trường hợp bắt đầu học trên lãnh thổ nước thành viên khác trong khối Liên minh Châu Âu, mà việc học đó phải tiếp tục hoặc bổ sung trên lãnh thổ Ba Lan).

CHÚ Ý: Trên đây chưa chỉ ra tất cả những cơ sở để xin giấy phép tạm cư. Tất cả những hoàn cảnh là cơ sở để xin giấy phép tạm cư được ghi ở phụ lục số 5.

Thủ tục xin giấy phép tạm cư phụ thuộc vào vì lý do gì đương sự muốn xin giấy phép. Thủ tục khác nhau trong trường hợp xin làm việc, trường hợp kết hôn với công dân CH Ba Lan. Các thủ tục đó đã được viết trong những chương tiếp theo.

⁴ Quy định này liên quan tới người nước ngoài ở Ba Lan trên cơ sở giấy phép định cư, giấy phép cư trú dài hạn WE hoặc đã ở Ba Lan ít nhất 2 năm trên cơ sở giấy phép tạm cư. Trong các trường hợp này, trực tiếp trước khi nộp đơn xin giấy phép tạm cư cho thành viên gia đình, người nước ngoài đó phải ở Ba Lan trên cơ sở giấy phép tạm cư đã cấp cho thời gian không ít hơn một năm. Thành viên gia đình được coi là vợ, chồng (chỉ áp dụng cho những mối quan hệ được pháp luật Ba Lan công nhận, ví dụ: không được công nhận chế độ đa thê, đa phu hoặc đồng tính), cùng con cái ít tuổi của mình, và cả con nuôi đỡ đầu.

4. Những hậu quả của việc cư trú bất hợp pháp ở Ba Lan.

Người nước ngoài buộc phải ra khỏi lãnh thổ trước khi hết thời hạn giá trị của thị thực hoặc giấy phép tạm cư trước nếu chưa có giấy phép tạm cư tiếp theo, giấy phép định cư hoặc giấy phép cư trú dài hạn WE. Trong trường hợp ngược lại thì sự có mặt của người nước ngoài trên lãnh thổ CH Ba Lan sẽ là bất hợp pháp.

CHÚ Ý: Cũng như vậy người nước ngoài được miễn trách nhiệm có thị thực, mà đã vào lãnh thổ Ba Lan trên cơ sở thị thực (ví dụ: vì mục đích lao động, đi học) có trách nhiệm ra khỏi lãnh thổ này sau khi hết thị thực, trong trường hợp không được kéo dài hoặc không được giấy phép cư trú.

Người ở Ba Lan bất hợp pháp có thể bị biên phòng hoặc cảnh sát bắt giữ, bị bắt buộc ra khỏi Ba Lan, bị đưa vào trại có bảo vệ để trục xuất, và cuối cùng sẽ bị trục xuất (trên cơ sở quyết định của tòa án). Trong trường hợp có quyết định trục xuất thì những dữ liệu cá nhân của người nước ngoài, được chuyển sang danh sách những người mà sự có mặt trên lãnh thổ Ba Lan không được khuyến khích (person non grata) đồng thời vào hệ thống thông tin của Schengen trong 3 hoặc 5 năm. Trong trường hợp có quyết định về quy trách nhiệm ra khỏi Ba Lan thì dữ liệu của người nước ngoài được chuyển vào danh sách những người mà sự có mặt ở Ba Lan không được khuyến khích trong thời gian 1 năm⁵.

5. Những thông tin chung về thủ tục hợp pháp hóa cư trú.

Tất cả đơn từ và văn bản phải viết bằng tiếng Ba Lan. Các Ủy ban không bảo đảm cho phiên dịch lúc phỏng vấn, vậy cần đến cùng với phiên dịch. Người nước ngoài có thể tiến hành thông qua người được ủy quyền, mà người đó có thể là bất cứ ai có đủ khả năng thực hiện những việc pháp lý, có nghĩa là đó là một người đủ tuổi thành niên và minh mẫn. Song cần cẩn thận với những người ủy quyền không lương thiện.

Trong nhiều đơn có đòi hỏi thông tin về vấn đề đi ra nước ngoài của người nước ngoài trong vòng 5 năm cuối. Cần nhấn mạnh là đưa thông tin sai, khai không đúng sự thật hoặc dấu sự thật là cơ sở để từ chối giấy phép.

Nếu người nước ngoài đích danh nộp đơn thì cán bộ Ủy ban không được từ chối nhận, thậm chí nếu thiếu một số giấy tờ hay nhìn qua có cảm tưởng là đơn không có lý do. Trong trường hợp không kèm đủ tất cả những giấy tờ đòi hỏi, Tỉnh trưởng yêu cầu người nước ngoài bổ xung những thiếu sót thủ tục trong vòng 7 hoặc 14 ngày. Trong thư từ liên lạc với Ủy ban việc điền số ký hiệu của sự việc chắc chắn khiến việc thụ lý chạy hơn. Không bổ xung những thiếu sót của đơn xin giấy phép đó trong thời hạn quy định có thể gây hậu quả là đơn không được xét.

⁵ Quy định trên không liên quan đến dữ liệu cá nhân vợ/chồng công dân Ba Lan và vợ/ chồng đang ở Ba Lan của người nước ngoài có giấy phép định cư hoặc giấy phép cư trú dài hạn WE (trừ khi sự có mặt của đương sự trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan là sự đe dọa cho quốc phòng hay an toàn quốc gia hoặc an toàn và trật tự công cộng) cùng với những dữ liệu cá nhân của người nước ngoài có giấy phép định cư hoặc giấy phép cư trú dài hạn WE.

Theo pháp luật thì thời hạn xét đơn là một tháng, còn trong trường hợp việc phức tạp là hai tháng. Trong trường hợp khi thời hạn nêu trên không giữ được thì người nước ngoài phải được thông báo về những lý do chưa giải quyết được việc đó, trong thời hạn đồng thời về thời hạn mới để kết thúc việc thụ lý hành chính trong việc này. Như thực tế cho thấy việc thông báo đó thường áp dụng vài lần.

Mỗi thụ lý trong việc cấp phép cư trú gồm hai cấp. Điều đó có nghĩa là có thể khiếu nại quyết định của cơ quan sơ thẩm (cấp I) lên cơ quan thượng thẩm (cấp II). Quyết định của Tỉnh trưởng cần phải khiếu nại lên Giám đốc Ủy ban về những việc của người nước ngoài. Quyết định của cơ quan cấp II là quyết định cuối cùng, tuy vậy có thể kiện lên tòa án hành chính tỉnh (nộp đơn kiện không mất tiền, có thể xin được quyền giúp đỡ).

6. Có thể hợp pháp hóa cư trú thế nào trong trường hợp bắt đầu lao động trên lãnh thổ CH Ba Lan?

Người nước ngoài đã có giấy phép lao động hoặc có văn bản của chủ hãng, xác nhận về ý định giao việc làm cho mình (khi giấy phép lao động không bắt buộc) thì có thể xin giấy phép tạm cư.

Đơn xin cấp giấy phép tạm cư nộp lên Tỉnh trưởng thích ứng với nơi cư trú của người nước ngoài

Người nước ngoài xin cấp giấy phép cần nộp các giấy tờ sau đây:

- 1) **04** tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ của đơn xin cấp giấy phép tạm cư (mẫu tờ khai có ở các Ủy ban tỉnh, cả ở trên trang WEB của Ủy ban Tỉnh Vác sa va – www.mazowieckie.pl),
- 2) **04** ảnh màu kích thước 4,5 cm x 3,5 cm, không hư hỏng, rõ ràng, màu, giới thiệu người để đầu trần và không đeo kính màu ở vị trí góc trái và thấy rõ tai trái, cùng với giữ ánh sáng đều đặn trên khuôn mặt⁶. (thêm một ảnh thứ 5 chắc chắn khiến việc thụ lý chạy hơn).
- 3) Giấy thông hành có giá trị (2 bản phô tô + bản gốc để trình bày), trong trường hợp có lý do đặc biệt có thể đưa trình giấy tờ nhận dạng khác.
- 4) Biên lai trả tiền lệ phí trước bạ – 340 z-lô-ti.
- 5) Giấy xác minh đăng ký hộ khẩu (hãy xem ở điểm 11 chương này).
- 6) Cơ sở pháp lý sử dụng căn hộ (được coi là cơ sở pháp lý sử dụng căn hộ, ví dụ: hợp đồng thuê nhà, không được chấp nhận hợp đồng cho mượn nhà, trừ khi người cho mượn là thân nhân gần nhất trong gia đình).
- 7) Giấy phép lao động hoặc văn bản của chủ hãng xác nhận về ý định giao việc làm cho mình (khi giấy phép lao động không bắt buộc).
- 8) Giấy phép lao động của người nước ngoài trên lãnh thổ CH Ba Lan cho thời gian cư trú trên cơ sở giấy phép /thị thực hoặc văn bản của ông chủ/chủ hãng xác nhận về ý định giao việc làm cho người nước ngoài nếu giấy phép lao động không bắt buộc.

6 Đó là ảnh tiêu chuẩn hóa thực hiện ở Ba Lan cho các giấy tờ - để làm ảnh hợp lệ tốt nhất đến hiệu ảnh và để nghị làm ảnh cho chứng minh thư.

- 9) Hợp đồng làm việc (hợp đồng ủy thác, hợp đồng tác phẩm).
- 10) Tờ khai thanh toán thuế PIT-37 hoặc PIT-40 của năm trước (trong trường hợp nộp giấy phép).
- 11) Giấy chứng nhận làm tròn trách nhiệm thuế với Tài chính Quốc gia do Sở thuế tương ứng cấp.
- 12) Giấy tờ khẳng định có bảo hiểm y tế hoặc khẳng định của hãng bảo hiểm sẽ trang trải chi phí chữa bệnh ở Ba Lan.
- 13) Giấy tờ khẳng định mức chi phí nhà ở (chấp nhận là những khoản chi phí bao gồm ít nhất là những lệ phí cố định liên quan đến sử dụng căn hộ đang ở, tính đều cho số người cùng ở trong căn hộ đó và chi phí cho điện, ga, nước cùng với thoát nước thải, rác và nước bẩn từ căn hộ).

Người nước ngoài xin giấy phép tạm cư cần có nguồn thu nhập ổn định và đều đặn đủ để trang trải chi phí sinh sống của bản thân và các thành viên của gia đình, dưới sự nuôi dưỡng của mình. Nên nhớ là điều kiện này cũng được coi là thỏa mãn khi chi phí sinh sống do thành viên gia đình của người nước ngoài sống ở Ba Lan chịu, có trách nhiệm nuôi dưỡng người nước ngoài. Thu nhập sau khi đã trừ chi phí nhà ở, tính cho mỗi thành viên gia đình dưới sự nuôi dưỡng của người nước ngoài đó phải cao hơn mức thu nhập mà từ dưới mức đó được công nhận trợ cấp tiền từ quỹ trợ cấp xã hội, có nghĩa là 351 z-lô-ti⁷ (trường hợp người nước ngoài sống một mình sẽ là 477 z-lô-ti).

Theo pháp luật thì thời hạn xét đơn là một tháng, còn trong trường hợp việc phức tạp – là hai tháng. Trong trường hợp khi thời hạn nêu trên sẽ không giữ được thì người nước ngoài phải được thông báo về những lý do chưa giải quyết được việc đó trong thời hạn quy định đồng thời về thời hạn mới kết thúc việc thụ lý hành chính trong việc này. Thực tế cho thấy việc thông báo đó thường áp dụng vài lần.

Tình trường cấp quyết định cho giấy phép tạm cư và cấp thẻ cư trú. Trong trường hợp nhận được quyết định từ chối thì có thể nộp đơn khiếu nại.

7. Có thể hợp pháp hóa cư trú thế nào trong trường hợp kết hôn với công dân CH Ba Lan?

Người nước ngoài đã kết hôn với công dân Ba Lan có thể xin giấy phép tạm cư. Vợ/chồng của công dân Ba Lan thì nhập cảnh vào Ba Lan theo nguyên tắc chung. Tuy vậy việc cư trú bất hợp pháp của người nước ngoài này không phải là cơ sở để từ chối giấy phép tạm cư.

Người nước ngoài đã kết hôn với công dân Ba Lan và đang ở nước ngoài, cũng có thể nộp đơn xin cấp giấy phép tạm cư thông qua lãnh sự đến Tỉnh trưởng tương ứng với nơi định cư trú.

⁷ Tình trạng ngày 15.08.2009.

Người nước ngoài định xin giấy phép cần nộp lên Tỉnh trưởng các giấy tờ sau:

- 1) 4 tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ của đơn xin cấp giấy phép tạm cư (mẫu tờ khai có ở các Ủy ban tỉnh, cả ở trên trang WEB của Ủy ban tỉnh Vác sa va – www.mazowieckie.pl).
- 2) 4 ảnh màu kích thước 4,5 cm x 3,5 cm, không hư hỏng, rõ ràng, màu, giới thiệu người để đầu trần và không đeo kính màu ở vị trí góc trái và thấy rõ tai trái, cùng với giữ ánh sáng đều đặn trên khuôn mặt⁸ (thêm một ảnh thứ 5 chắc chắn khiến việc thụ lý chạy hơn).
- 3) Giấy thông hành có giá trị (2 bản phô tô + bản gốc để trình bày), trong trường hợp có lý do đặc biệt có thể đưa trình giấy tờ nhận dạng khác.
- 4) Biên lai trả tiền lệ phí chức bạ – 340 z-lô-ti.
- 5) Giấy xác minh đăng ký hộ khẩu tạm trú (hãy xem ở điểm 11 chương này).
- 6) Cơ sở pháp lý sử dụng căn hộ (được coi là cơ sở pháp lý sử dụng căn hộ ví dụ hợp đồng thuê nhà, không được chấp nhận hợp đồng cho mượn nhà, trừ phi người cho mượn là thân nhân gần nhất trong gia đình).
- 7) Bản sao giấy kết hôn hiện tại.
- 8) Phôtô giấy chứng minh thư của vợ/ chồng.

Nếu người nước ngoài đang ở Ba Lan bất hợp pháp thì vì những lý do tất nhiên không thể trình bày giấy đăng ký hộ khẩu tạm cư được. Điều đó không là cơ sở từ chối giấy phép.

Người nước ngoài là vợ/chồng công dân Ba Lan khi xin cấp giấy phép tạm cư thì không phải chứng minh nguồn thu nhập ổn định và đều đặn đủ trang trải chi phí và bảo hiểm y tế cho cho bản thân và các thành viên phải nuôi trong gia đình như những người nước ngoài khác. Trong trường hợp xin giấy phép tạm cư vì lý do vợ chồng có thể xin cấp cho thời gian tối đa, đó là 2 năm (ví dụ trong phần trình bày lý do).

Trong quá trình thụ lý, Tỉnh trưởng kiểm tra xem quan hệ vợ chồng có thật không và có phải đã kết hôn để nhằm mục đích tránh pháp luật. Sự đáng tin của việc hôn nhân bị lung lay khi mà xảy ra những yếu tố sau:

- 1) Một trong hai người vợ chồng nhận quyền lợi vật chất để kết hôn (nếu như đó không xuất phát từ phong tục tập quán gắn bó với nước này hoặc trong nhóm xã hội).
- 2) Hai vợ chồng không thực hiện những trách nhiệm pháp lý như kết quả của việc hôn nhân.
- 3) Hai vợ chồng không sống với nhau.
- 4) Hai vợ chồng không bao giờ gặp nhau trước khi kết hôn.
- 5) Hai vợ chồng không nói cùng một thứ tiếng hiểu được cho hai người.
- 6) Hai vợ chồng không thuận với nhau về những dữ liệu cá nhân của họ và những yếu tố khác quan trọng đối với họ.
- 7) Một trong hai người hoặc cả hai vợ chồng trong quá khứ đã có kết hôn giả tạo.

⁸ Đó là ảnh tiêu chuẩn hóa thực hiện ở Ba Lan cho các giấy tờ - để làm ảnh hợp lệ tốt nhất đến hiệu ảnh và đề nghị làm ảnh cho chứng minh thư.

Để kiểm tra độ tin cậy của sự kết hôn, Tỉnh trưởng gọi – thậm chí vài lần – người vợ/chồng của người nước ngoài lên để phỏng vấn, và cả những thành viên trong gia đình hoặc bạn bè của vợ/chồng. Hai vợ chồng sẽ được phỏng vấn riêng, phải trả lời cho những câu hỏi khác nhau (từ hoàn cảnh làm quen nhau cho đến món ăn yêu thích của người chồng/vợ), và sau đó những câu trả lời của cả hai sẽ được so sánh với nhau. Biên phỏng hoặc cảnh sát thường kiểm tra xem hai vợ chồng có sống chung dưới địa chỉ đã khai và hỏi dư luận hàng xóm (ví dụ: có nhìn thấy người nước ngoài ở chỗ công dân Ba Lan ở không – trong trường hợp khi hai vợ chồng sống riêng). Vì lý do trên thủ tục cấp giấy phép tạm cư cho vợ/chồng của công dân Ba Lan thường là vượt quá thời gian mà những việc hành chính cần phải được giải quyết (1 tháng, hoặc 2 tháng trong trường hợp phức tạp), về điều đó người nước ngoài phải được thông báo.

Trong trường hợp góa vợ/chồng hoặc li dị, giấy phép tạm cư chỉ cấp nếu như đó là quyền lợi đặc biệt quan trọng của người nước ngoài. Không thể trục xuất người nước ngoài mà đã kết hôn với công dân Ba Lan, trừ phi là người đó là đe dọa cho quốc phòng hoặc an ninh Quốc gia hoặc an toàn và trật tự công cộng, hoặc sự kết hôn được làm để tránh bị trục xuất. Tuy vậy không thể coi là bản thân việc kết hôn với công dân Ba Lan là hợp pháp hóa luôn cư trú ở Ba Lan.

8. Trong thời hạn nào cần nộp đơn xin giấy phép tạm cư và giấy phép được cấp cho thời gian bao lâu?

Người nước ngoài đang ở trên lãnh thổ Ba Lan cần nộp đơn xin cấp giấy phép tạm cư ít nhất 45 ngày trước khi hết hạn cư trú ghi trên thị thực đang có hoặc thời hạn giá trị giấy phép giấy phép tạm cư trước. Nếu giữ được thời hạn trên thì Tỉnh trưởng cấp thị thực cho thời gian thụ lý (được gọi là thị thực thủ tục). Thị thực này là thị thực nội địa. Nếu thời hạn để nộp đơn xin giấy phép tạm cư không được giữ đúng thì người nước ngoài phải ra khỏi lãnh thổ Ba Lan trước khi hết hạn cư trú ghi trên thị thực hoặc thời hạn trong giấy phép tạm cư (không phải đi ra nếu như việc thụ lý kết thúc với quyết định tốt đẹp trước khi hết thời hạn cư trú).

Giấy phép tạm cư được cấp mỗi lần cho thời gian cần thiết để thực hiện mục đích cư trú trên lãnh thổ Ba Lan, không dài hơn 2 năm.

9. Có thể làm gì trong trường hợp bị từ chối cấp giấy phép tạm cư / giấy phép định cư/giấy phép cư trú dài hạn Châu Âu (WE)?

Tỉnh trưởng cấp hoặc từ chối cấp giấy phép bằng hình thức ra quyết định. Nếu người nước ngoài không hài lòng với quyết định của cơ quan này thì có thể nộp đơn khiếu nại lên Giám đốc Ủy ban việc của người nước ngoài trong vòng 14 ngày. Thời hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày nhận quyết định. Trong trường hợp gửi đơn khiếu nại qua bưu điện thì thời hạn nộp đơn khiếu nại là ngày gửi thư bảo đảm ở bưu điện (chú ý: phải là Bưu điện Ba Lan). Khiếu nại cần trình bày bằng văn bản. Trong đó cần viết là

mình không hài lòng với quyết định đã cấp. Điều cũng cần thiết là trong đơn khiếu nại có trình bày lý do, có nghĩa là giải thích tại sao nộp đơn khiếu nại.

Đơn khiếu nại phải do người nước ngoài kí. Đơn khiếu nại nộp thông qua cơ quan đã cấp quyết định, có nghĩa là qua Tỉnh trưởng. Vì vậy bản thân Tỉnh trưởng có thể tự hủy quyết định của mình sau khi nhận được đơn khiếu nại. Nếu Tỉnh trưởng không làm thế thì sẽ gửi hồ sơ lên Giám đốc Ủy ban việc của người nước ngoài, mà cơ quan này phải xét vụ việc trong thời hạn 1 tháng kể từ lúc nhận được đơn khiếu nại. Nếu như điều đó không làm trong thời hạn đó – sẽ định thời hạn mới xét vụ việc. Quyết định của Giám đốc Ủy ban những việc của người nước ngoài là quyết định cuối cùng. Nếu như đương sự không hài lòng với quyết định của Giám đốc Ủy ban những việc của người nước ngoài, thì có khả năng nộp đơn kiện lên tòa án hành chính tỉnh, đó là tòa án thi hành việc kiểm tra hoạt động hành chính công cộng dưới phương diện phù hợp với pháp luật. Điều đó cần tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận tận tay quyết định (nộp thông qua Giám đốc Ủy ban những việc của người nước ngoài).

10. Có thể lấy lại được lệ phí không trong trường hợp bị từ chối cấp giấy phép cư trú?

Lệ phí được trả lại nếu như không được cấp giấy phép. Lệ phí được trả lại sau khi nộp đơn lên xã trưởng (thị trưởng, chủ tịch thành phố). Lệ phí sẽ không trả lại sau khi 5 năm đã trôi qua, tính từ cuối năm khi đã nộp lệ phí.

11. Làm thế nào để có đăng ký hộ khẩu (meldunek)?

Đăng ký hộ khẩu (thường gọi là: meldunek/ trình diện) là đăng ký ở Ủy ban xã/thành phố sự việc người nước ngoài sống ở một chỗ (căn hộ, nhà). Đăng ký hộ khẩu có thể làm cho tạm trú đến 3 tháng, tạm trú trên 3 tháng và định cư. Đăng ký hộ khẩu làm ở Ủy ban thích ứng với nơi ở. Việc đăng ký hộ khẩu đó không có lệ phí. Việc này được giải quyết ngay.

Để đăng ký hộ khẩu tạm trú cho người nước ngoài cần có hộ chiếu của người đó (giấy thông hành) cùng với thẻ cư trú, thị thực hoặc giấy phép cư trú, giấy tờ nhận dạng của chủ nhà hoặc chủ thuê chính của căn hộ. Cần phải có để trình bày giấy tờ khẳng định quyền pháp lý đối với căn hộ đó. Giấy tờ đó có thể là một hợp đồng dân sự pháp lý, trích lục sổ đỏ, quyết định hành chính, quyết định của tòa án hoặc giấy tờ khác khẳng định quyền pháp lý với căn hộ đó. Chủ nhà hoặc chủ chính thuê nhà cần có mặt trong lúc làm thủ tục đăng ký hộ khẩu.

Đăng ký hộ khẩu tạm trú đến 3 tháng tiến hành bằng hình thức nói miệng. Để đăng ký hộ khẩu tạm trú cho người nước ngoài lâu hơn 3 tháng cần điền, ký tờ khai thích hợp lấy ở Ủy ban và nộp ở ủy ban thành phố (tờ khai cũng tải được từ trang WEB của Ủy ban Thành phố Thủ đô Vác sa va www.um.warszawa.pl). Chủ nhà hoặc một đối tác khác có quyền pháp lý với căn hộ khẳng định sự cư trú hơn 3 tháng trong căn hộ

đó của người đứng khai bằng chữ ký của mình trên tờ khai. Đăng ký hộ khẩu định cư tiến hành như cách đăng ký hộ khẩu tạm cư hơn 3 tháng. Song, điều kiện để đăng ký hộ khẩu định cư là có giấy phép định cư ở Ba Lan (cần trình bày thẻ cư trú hoặc quyết định về cấp giấy phép).

Trong trường hợp bị từ chối đăng ký hộ khẩu tạm trú trên 3 tháng hoặc định cư, người nước ngoài có thể khiếu nại lên Tỉnh trưởng khu vực đó, trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày trao tay quyết định, thông qua cơ quan đã cấp quyết định.

Không có đăng ký hộ khẩu là điều vi phạm theo Bộ luật vi phạm và bị phạt tù, phạt tiền hoặc khiển trách. Tuy vậy thiếu đăng ký hộ khẩu không là cơ sở để từ chối cấp giấy phép tạm cư.

Chú ý: việc thường xuyên xảy ra là cảnh sát kiểm tra xem người nước ngoài này có thực sự ở địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu không. Trong trường hợp không gặp người nước ngoài ở đó, cảnh sát có thể để lại giấy gọi trình diện lên đồn cảnh sát hoặc hỏi hàng xóm xem người nước ngoài có thực sự ở trong căn hộ đó không.

12. Số PESEL là gì và làm thế nào để có số đó?

PESEL là chữ viết tắt của Hệ thống Điện tử đăng ký hộ khẩu phổ thông, còn số PESEL là 11 số mà mỗi người dân được đăng ký trong danh bạ hộ khẩu đó, số đó đồng thời cũng nhận dạng người này. Số PESEL cấp cho những ai ở Ba Lan định cư hoặc tạm cư hơn 3 tháng. Tồn tại hai khả năng cấp số PESEL cho người nước ngoài. Nếu người nước ngoài trình diện đến Ủy ban xã (quận, thành phố) để đăng ký hộ khẩu định cư hoặc tạm cư trên 3 tháng, cán bộ Ủy ban tự động bắt đầu thủ tục cấp số PESEL, không cần thêm đơn của người nước ngoài (sau khoảng một tháng người nước ngoài phải được cấp số PESEL). Nếu người nước ngoài không đăng ký hộ khẩu bằng cách trên, thì người trả tiền lệ phí bảo hiểm cho người nước ngoài, thường là ông chủ/chủ công ty, sẽ xin cấp số PESEL cho người đó. Thông báo đó tiến hành trên tờ khai, gửi trực tiếp đến Cục Phát triển Danh bạ của Bộ nội vụ và Hành chính. Người trả lệ phí bảo hiểm (ví dụ: chủ công ty) nộp lên Cục tờ khai đã điền cùng với photô copy thẻ cư trú của người nước ngoài hoặc photô copy hộ chiếu của người nước ngoài. Cấp cho số PESEL bằng con đường này không bị lệ phí, còn phỏng đoán thời gian chờ đợi là 3 tuần. Có thể tìm thấy nhiều thông tin hơn về số PESEL và tờ khai để tải trên trang WEB của Bộ nội vụ và Hành chính.

Thiếu số PESEL có thể dẫn đến tình huống khi một người có thật sẽ bị coi như không tồn tại, trong tất cả những trường hợp khi không nhận dạng được vì phải sử dụng số PESEL. Điều đó có thể dẫn đến việc không có khả năng tận dụng một số quyền được hưởng, ví dụ: quyền được bù giá thuốc men (trên đơn thuốc phải có số PESEL).

13. Giấy phép cư định cư ở Ba Lan

Giấy phép cấp vô thời hạn là giấy phép định cư và giấy phép cư trú dài hạn Châu Âu WE.

13.1. Làm thế nào để có giấy phép định cư?

Giấy phép định cư cấp cho người nước ngoài khi mà:

- 1) Là con nhỏ của người nước ngoài có giấy phép định cư, sinh ra trên lãnh thổ Ba Lan.
- 2) Đang là vợ/chồng với công dân Ba Lan mà đã từng kết hôn ít nhất là 3 năm trước khi nộp đơn và trực tiếp trước khi nộp đơn đã ở không gián đoạn ít nhất 2 năm trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan theo giấy phép tạm cư.
- 3) Trực tiếp trước khi nộp đơn đã ở không gián đoạn trên lãnh thổ Ba Lan trong thời gian ít nhất 10 năm theo giấy đồng ý cư trú nhân đạo hoặc thời gian ít nhất 5 năm vì việc được nhận tị nạn hoặc bảo hộ bổ xung.
- 4) Là con của công dân Ba Lan và ở dưới quyền cha mẹ của người này.

Người nước ngoài có thể nộp đơn xin giấy phép định cư trong thời gian như quyền cư trú trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan. Đơn của người nước ngoài đang ở Ba Lan bất hợp pháp hoặc ở ngoài biên giới nước chúng tôi sẽ không được xem xét. Đơn xin giấy phép định cư nộp lên Tỉnh trưởng thích ứng với nơi ở của người nước ngoài trên mẫu tờ khai.

Như trên đã viết, người vợ/chồng của công dân CH Ba Lan sau ba năm kể từ lúc kết hôn có thể xin giấy phép định cư, nếu trực tiếp trước khi nộp đơn đã ở không gián đoạn trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan ít nhất 2 năm trên cơ sở giấy phép tạm cư. “Ở không gián đoạn” hiểu ở đây không theo nghĩa đen, và được coi là ở không gián đoạn nếu không lần gián đoạn nào dài hơn 6 tháng (một lần) và tổng cộng các đợt gián đoạn không vượt quá 10 tháng trong cả thời gian được đề ý (ví dụ: đó là trong thời gian 2 năm trong trường hợp vợ/chồng công dân CH Ba Lan). Sự gián đoạn trong cư trú có thể dài hơn và sẽ không phải là cơ sở từ chối giấy phép định cư khi mà nguyên nhân là:

- 1) Thực hiện trách nhiệm công vụ hoặc làm việc ngoài lãnh thổ Ba Lan, trên cơ sở hợp đồng kí với ông chủ/chủ hãng có trụ sở ở Ba Lan.
- 2) Đi cùng vợ/chồng thực hiện trách nhiệm công vụ hoặc làm việc trong những điều kiện như trên.
- 3) Việc chữa bệnh của người nước ngoài.

Nếu người nước ngoài đã nhận giấy phép tạm cư đầu tiên và khát vọng nộp ngay đơn xin giấy phép định cư, để thỏa mãn đòi hỏi 2 năm trực tiếp ở trên cơ sở giấy phép tạm cư và để tránh bị gián đoạn trong cư trú hợp pháp, cần phải:

- trước khi hết hạn giấy phép tạm cư đầu tiên 45 ngày (tất nhiên khi đã được cấp cho 2 năm) thì nộp đơn mới xin giấy phép tạm cư.
- sau khi nhận giấy phép tạm cư thứ hai, lúc đó mới nộp đơn xin giấy phép định cư.

Nếu không thì sẽ không thỏa mãn điều kiện đầy hai năm cư trú. Điều trên không liên quan đến người nước ngoài đang ở trên cơ sở giấy phép tạm cư tiếp theo dài hơn 2 năm.

Khi xin cấp giấy phép cư định cư người nước ngoài có trách nhiệm nộp lên Tỉnh trưởng thích ứng:

- 1) 4 tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ của đơn xin cấp giấy phép (mẫu tờ khai có ở các Ủy ban tỉnh, cả ở trên trang WEB của Ủy ban tỉnh Vác sa va – www.mazowieckie.pl).
- 2) 4 ảnh màu kích thước 4,5 cm x 3,5 cm, không hư hỏng, rõ ràng, màu, giới thiệu người để đầu trần và không đeo kính màu ở vị trí góc trái và thấy rõ tai trái, cùng với giữ ánh sáng đều đặn trên khuôn mặt⁹. (thêm một ảnh thứ 5 chắc chắn khiến việc thụ lý chạy hơn).
- 3) Giấy thông hành có giá trị (2 bản phô tô + bản gốc để trình bày).
- 4) Biên lai trả tiền lệ phí trước bạ – 640 z-lô-ti.
- 5) Giấy xác minh đăng ký hộ khẩu (hãy xem ở điểm 11 chương này).
- 6) Giấy tờ khẳng định cư trú không gián đoạn như đòi hỏi ở Ba Lan.
- 7) Giấy chứng nhận làm tròn trách nhiệm thuế đối với Tài chính Quốc gia.
- 8) Trường hợp kết hôn với công dân Ba Lan – giấy kết hôn hiện tại cùng phôtô copy giấy chứng minh thư của vợ/chồng.
- 9) Trong trường hợp đưa con nhỏ của người nước ngoài có giấy phép định cư, sinh ra trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan – giấy khai sinh hiện tại cùng phôtô copy quyết định cấp giấy phép định cư hoặc thẻ cư trú của người đại diện pháp lý.

Cũng cần nhấn mạnh là trong trường hợp kết hôn với công dân Ba Lan sẽ bị kiểm tra xem có phải đã kết hôn với mục đích tránh luật không (xem điểm 7 chương này).

Giấy phép cư định cư cấp vô thời hạn. Thẻ định cư cấp cho 10 năm. Trong thời gian thụ lý người nước ngoài nhận thị thực (vài thị thực) thủ tục. Trường hợp bị từ chối cấp giấy phép có thể khiếu nại lên cơ quan cấp cao hơn (xem điểm 9 chương này).

13.2. Làm thế nào để có giấy phép cư trú dài hạn WE?

Giấy phép cư trú dài hạn WE cấp cho những người nước ngoài ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan trực tiếp trước khi nộp đơn hợp pháp và không gián đoạn ít nhất 5 năm và có:

- 1) Nguồn thu nhập ổn định và đều đặn đủ để trang trải chi phí nuôi bản thân và những thành viên gia đình mình phải nuôi.
- 2) Bảo hiểm y tế theo như những quy định về bảo hiểm sức khỏe phổ thông hoặc giấy xác nhận trang trải chi phí chữa bệnh ở Ba Lan của hãng bảo hiểm.

Người nước ngoài có thể nộp đơn xin giấy phép cư trú dài hạn WE trong thời gian như quyền cư trú trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan. Đơn của người nước ngoài đang ở Ba Lan bất hợp pháp hoặc ở ngoài biên giới nước chúng tôi sẽ không được xem xét.

⁹ Đó là ảnh tiêu chuẩn hóa thực hiện ở Ba Lan cho các giấy tờ - để làm ảnh hợp lệ tốt nhất đến hiệu ảnh và đề nghị làm ảnh cho chứng minh thư.

Đơn xin giấy phép cư trú dài hạn WE nộp lên Tỉnh trưởng đúng với nơi ở của người nước ngoài trên mẫu tờ khai. (mẫu tờ khai có ở các Ủy ban tỉnh, cũng có thể tải từ trang WEB www.mazowieckie.pl). Trong quá trình thụ lý sẽ kiểm tra rất kỹ xem nguồn thu nhập có thỏa mãn đòi hỏi về ổn định và đều đặn không. Thu nhập sau khi đã trừ đi chi phí nhà ở cho mỗi đầu thành viên gia đình còn phải nuôi, phải cao hơn mức thu nhập mà thấp hơn sẽ được công nhận trợ cấp từ quỹ giúp đỡ xã hội, có nghĩa là 351 z-lô-ti10 (trong trường hợp người nước ngoài sống một mình thì sẽ là 477 z-lô-ti). Về chi phí nhà ở, được coi là những chi phí tối thiểu phải bao gồm mức chi phí cố định liên quan đến sử dụng căn hộ được dùng tính đều cho số người sống chung trong căn hộ này, ngoài ra là chi phí cung cấp điện, ga, nước cho căn hộ và phí thoát nước thải, rác và những nước bẩn.

Việc đánh giá xem người nước ngoài trong 5 năm có cư trú liên tục không gián đoạn tiến hành bằng cách tương tự như khi cấp giấy phép định cư.

Cần nhớ là không được tính vào thời gian 5 năm cư trú thời gian ở của người nước ngoài khi:

- Bị bắt giữ, giam trong trại có bảo vệ để trục xuất, đối với người đó đã được áp dụng biện pháp phòng ngừa ở hình thức cấm rời khỏi nước hoặc bị mất quyền tự do trên cơ sở những quyết định đã cấp theo pháp luật.
- Cư trú ở Ba Lan với tư cách nhân viên “au pair”, làm công việc thời vụ, được công ty dịch vụ cử sang,
- Ở Ba Lan với mục đích dịch vụ qua biên giới hoặc của hãng dịch vụ làm dịch vụ quá cảnh.
- Ở Ba Lan trên cơ sở thị thực đồng nhất chỉ cho phép nhập cảnh Ba Lan vì lý do nhân đạo, lý do lợi ích quốc gia hoặc trách nhiệm quốc tế, thị thực được cấp vì mục đích bắt đầu học hoặc tiếp tục học, giấy phép tạm cư cấp trên cơ sở là thành viên gia đình của người nước ngoài và được cho trên cơ sở bắt đầu học khác với học đại học chính quy.

Ngược lại, thời gian cư trú của người nước ngoài đã ở Ba Lan trên cơ sở thị thực/giấy phép tạm cư đã cấp trên cơ sở học đại học hệ chính quy hoặc trường học nghề, thì chỉ được tính một nửa. Thời gian cư trú trên cơ sở những thị thực và giấy phép khác tính hết vào thời gian 5 năm như trên đã nói.

Khi xin giấy phép cư trú dài hạn WE, người nước ngoài có trách nhiệm nộp:

- 1) 4 tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ của đơn xin cấp giấy phép (mẫu tờ khai có ở các Ủy ban tỉnh, cả ở trên trang WEB của Ủy ban Tỉnh Vác sa va – www.mazowieckie.pl).
- 2) 4 ảnh màu kích thước 4,5 cm x 3,5 cm, không hư hỏng, rõ ràng, màu, giới thiệu người để đầu trần và không đeo kính màu bằng cách để thấy đầu ở vị trí góc trái và thấy rõ tai trái, cùng với giữ ánh sáng đều đặn trên khuôn mặt.¹¹ (thêm một ảnh thứ 5 chắc chắn khiến việc thụ lý chạy hơn).

10 Tỉnh trạng ngày 15.08.2009 r.

11 Đó là ảnh tiêu chuẩn hóa thực hiện ở Ba Lan cho các giấy tờ - để làm ảnh hợp lệ tốt nhất đến hiệu ảnh và để nghị làm ảnh cho chứng minh thư.

- 3) Giấy thông hành có giá trị (2 bản phô tô + bản gốc để trình bày).
- 4) Biên lai trả tiền lệ phí trước bạ – 640 z-lô-ti.
- 5) Giấy xác minh đăng ký hộ khẩu tạm trú (hãy xem ở điểm 11 chương này).
- 6) Giấy tờ khẳng định cư trú không gián đoạn như đòi hỏi ở Ba Lan.
- 7) Giấy tờ khẳng định có nguồn thu nhập ổn định và đều đặn đủ để trang trải chi phí sinh sống cho bản thân và những thành viên gia đình mình phải nuôi.
- 8) Giấy tờ khẳng định có bảo hiểm y tế, cơ sở pháp lý sử dụng căn hộ, nơi đang ở hoặc có ý định sẽ ở (cơ sở pháp lý sử dụng căn hộ mà người nước ngoài đang ở hoặc định ở không được chấp nhận ở hình thức hợp đồng cho mượn nhà, trừ phi người cho mượn là thân nhân gần nhất trong gia đình).
- 9) Giấy tờ khẳng định mức chi phí nhà ở.

Giấy phép cư trú dài hạn WE cấp vô thời hạn. Thẻ được cấp cho 5 năm. Trong thời gian thụ lý người nước ngoài nhận thị thực (vài thị thực) thủ tục. Trường hợp bị từ chối cấp giấy phép có thể khiếu nại lên cơ quan cấp cao hơn (xem điểm 9 chương này).

14. Thẻ cư trú là gì và trên cơ sở nào cấp thẻ?

Thẻ cư trú trong thời gian đã được cấp, khẳng định nhận dạng người nước ngoài trong thời gian cư trú trên lãnh thổ Ba Lan, đồng thời cho phép cùng với giấy thông hành xuất nhập cảnh nhiều lần không cần có thị thực. Không có thẻ cư trú cũng đồng nghĩa với không có giấy tờ khẳng định nhận dạng và khẳng định cư trú hợp pháp ở Ba Lan trên cơ sở một loại giấy phép.

Thẻ cư trú cấp cho người nước ngoài khi đã có:

- 1) Giấy phép tạm cư – khi đó thẻ cư trú có giá trị như giá trị giấy phép đó.
- 2) Giấy phép định cư – khi đó thẻ có giá trị 10 năm.
- 3) Giấy phép cư trú dài hạn WE – khi đó thẻ có giá trị 5 năm.

Người nước ngoài có trách nhiệm đổi thẻ cư trú trong trường hợp:

- 1) Thay đổi những dữ liệu có trên thẻ.
- 2) Thay đổi hình dạng gây khó khăn trong việc nhận dạng của người đó.
- 3) Thẻ bị hư hỏng ở mức độ gây khó khăn trong khi sử dụng thẻ.
- 4) Hết thời hạn giá trị trên thẻ được cấp vì được giấy phép định cư hoặc giấy phép cư trú dài hạn WE.
- 5) Mất thẻ hoặc hư hại.

Thẻ cư trú do Tỉnh trưởng đã cấp giấy phép cư trú tương ứng cấp cho người nước ngoài, còn đổi thẻ do Tỉnh trưởng phù hợp với nơi ở của người nước ngoài lúc đổi thẻ. Đơn xin đổi thẻ cư trú điền trên mẫu đơn cùng với 2 ảnh và quyết định cấp giấy phép cư trú cùng loại ở Ba Lan.

Cấp thẻ và đổi thẻ bị mất lệ phí tương ứng:

50 z-lô-ti – trong trường hợp cấp và đổi.

100 z-lô-ti – trong trường hợp đổi thẻ vì mất hoặc hư hại do lỗi của mình.

200 z-lô-ti – trong trường hợp lần mất hoặc hư hại tiếp theo do lỗi tại mình.

Giảm bớt ở mức 50% cho những người nước ngoài mà:

- 1) Ở trong tình huống khó khăn về vật chất.
- 2) Mục đích cư trú là học trong trường trung cấp và đại học ở Ba Lan hoặc tham gia tập huấn và thực tập nghề được thực hiện trong phạm vi những chương trình của Liên minh Châu Âu trên lãnh thổ Ba Lan.
- 3) Trẻ em đến 16 tuổi (trong ngày nộp đơn).

15. Có thể đi lại trong khu vực khối Schengen không cần thị thực khi có giấy phép cư trú ở Ba lan không?

Người nước ngoài có giấy phép tạm cư, định cư hoặc cư trú dài hạn WE có thể đi lại và ở trên lãnh thổ khu vực Schengen không cần có thị thực Schengen trong thời gian không quá ba tháng trong vòng nửa năm, nếu như đồng thời thỏa mãn những điều kiện nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ khu vực Schengen. Các điều kiện đó là:

- Người nước ngoài có giấy thông hành có giá trị.
- Biết trình bày mục đích và các điều kiện của việc cư trú theo kế hoạch đồng thời có đủ phương tiện sinh sống hoặc khả năng có những phương tiện đó đúng với pháp luật.
- Không bị coi là người đe dọa trật tự công cộng, an toàn nội bộ, sức khỏe công cộng hoặc quan hệ quốc tế của bất cứ quốc gia thành viên nào.
- Không bị ghi nhập vào sổ nội địa của nước thành viên đó với mục đích từ chối cho nhập cảnh.

Người đó cũng phải có thẻ cư trú.

Chương V

Tác giả Ewa Ostaszewska

Lao động.

1. Giấy phép lao động.

Những người nước ngoài không trong Liên Minh Châu Âu sang Ba lan để làm việc phải có giấy phép thích hợp. Dù vậy pháp luật Ba lan có dự đoán một loạt những điều ngoại lệ của nguyên tắc đó. Những trường hợp ngoại lệ đó có thể chia thành hai nhóm chính. Nhóm đầu tiên là sự miễn trách nhiệm xin giấy phép lao động liên quan đến tình trạng giấy tờ hiện tại đã có của người nước ngoài ở Ba Lan (ví dụ là người cư trú dài hạn Châu Âu WE), nhóm thứ hai – đó là sự miễn việc đó theo những quy định riêng. Cũng cần biết là Ba Lan đã bắt đầu dần dần mở cửa thị trường lao động cho công dân các nước láng giềng (U-kra-in, Nga, Bạch Nga) và cho công dân Moldavi. Những người nước ngoài từ các nước đó có thể lao động ở Ba Lan một thời gian mà không cần giấy phép lao động (xem điểm 1.2 chương này)

Chú ý: những quy định liên quan đến tuyển dụng người nước ngoài hay thay đổi- nhất là những quy định có trong những sắc lệnh. Vậy nên kiểm tra xem những quy định cụ thể có còn áp dụng không. Thông tin về lĩnh vực này có thể tìm thấy, chẳng hạn trên trang WEB của Bộ Lao động và Chính sách Xã hội.

1.1. Ai được miễn trách nhiệm phải có giấy phép lao động ?

Trách nhiệm phải có giấy phép lao động những người sau được miễn:

- 1) Công dân nước thành viên Liên Minh Châu Âu và những thành viên gia đình mình
- 2) Những công dân các nước trong khối Kinh Tế Châu Âu và cả Thụy Sĩ cùng những thành viên gia đình mình.
- 3) Những người có giấy phép định cư ở Ba Lan,
- 4) Những người có giấy phép cư trú dài hạn Châu Âu (WE) trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan
- 5) Những người có thực trạng là người cư trú dài hạn Châu Âu (WE) ở nước khác mà có giấy phép tạm cư (vì lý do chẳng hạn với ý định lao động hoặc kinh doanh),
- 6) Những người có Thẻ Người Ba Lan,
- 7) Những người mà như những hợp đồng quốc tế hoặc những quy định riêng cho phép lao động không cần có giấy phép lao động.

Ngoài ra, trên cơ sở những quy định riêng¹², những người được miễn sự cần thiết có giấy phép lao động là:

- 1) Công dân Thổ Nhĩ Kỳ sau ba năm làm việc hợp pháp ở Ba Lan, trong cùng một nghề và với điều kiện là đăng ký xuất lao động qua cơ quan tuyển dụng hoặc sau bốn năm làm việc ở Ba Lan -thì không có giới hạn gì,
- 2) Những giáo viên dạy ngoại ngữ ở những đơn vị của hệ thống giáo dục,
- 3) Những người tốt nghiệp các trường phổ thông Ba Lan,
- 4) Những người tham gia việc trao đổi văn hóa –giáo dục,
- 5) Công dân những nước giáp biên giới với Ba Lan và những nước mà Cộng hòa Ba Lan hợp tác cùng trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, có văn bản của công ty/hãng xác nhận ý định tuyển vào làm việc, đã được đăng ký trong Phòng Lao Động Huyện- đến 6 tháng trong vòng 12 tháng,
- 6) Công dân các nước mà đã ký kết hợp đồng về tự do đi lại cho những người từ Cộng Đồng Chung Châu Âu.

Chú ý: trên đây chỉ kể ra những lý do mà người nước ngoài hay được miễn nhất trách nhiệm có giấy phép lao động. Danh sách chi tiết những tình huống khi nào không cần xin giấy phép lao động cho người nước ngoài có trong luật về khuyến mại tuyển dụng và các cơ quan thị trường lao động ra ngày 20 tháng tư năm 2004 và những sắc lệnh kèm theo của Bộ Lao Động và Chính Sách Xã hội¹³. Trong tình huống khi chưa rõ ràng là người này phải xin giấy phép lao động hay không thì thông tin chi tiết có thể hỏi ở các phòng lao động tỉnh.

1.2. Dễ dàng hơn cho công dân Bạch Nga, U-kra-in, Nga và Moldavi trong việc bắt đầu lao động.

Như trên đã nhắc tới, Ba lan đã bắt đầu mở cửa thị trường lao động của mình cho người nước ngoài từ những nước láng giềng. Theo những quy định đã đưa vào từ tháng hai 2009 thì công dân Nga, U-kra-in, Bạch Nga và cả Moldavi có thể lao động ở Ba Lan không cần có giấy phép lao động trong thời gian 6 tháng trong thời kỳ 12 tháng. Để có thể tuyển người nước ngoài làm việc trong những điều kiện trên, ông chủ/chủ hãng phải tiến hành đăng ký bản xác nhận. Để làm mục đích đó bản xác nhận đó cùng bản sao nộp ở phòng lao động huyện đúng với nơi có trụ sở công ty hoặc chỗ ở (của chủ hãng), tiếp theo chuyển tờ khai đăng ký đó cho nhân viên tương lai. Thủ tục đó không mất tiền và một lần đến ủy ban là được giải quyết xong. Người nước ngoài có giấy tờ đó có thể xin thị thực tại lãnh sự quán Ba Lan. Bản xác nhận có thể tải từ trang WEB của Sở lao Động Tỉnh ở Vác Sa Va (www.wup.mazowsze.pl).

Chú ý: những quy định trên có tính chất thí điểm. Theo như những dự định thì những quy định đó áp dụng đến cuối năm 2010. Khi quyết định hình thức này cần kiểm tra xem những quy định đó còn có hiệu lực không.

¹² Sắc lệnh của Bộ Trưởng Bộ Lao Động và Chính sách Xã hội ngày 2.02.2009 r. về việc người nước ngoài lao động không cần có giấy phép lao động, Quyết định số 1/80 Của Hội Đồng Nhóm EWG – Thổ Nhĩ Kỳ ngày 19 tháng chín năm 1980.

¹³ Những văn bản pháp lý trong phần danh mục tài liệu.

1.3. Các loại giấy phép lao động.

Có năm loại giấy phép lao động, được tách ra phụ thuộc vào vấn đề người nước ngoài làm việc ở chỗ ai.

Loại A – người nước ngoài làm việc ở Ba Lan trên cơ sở hợp đồng với công ty (chủ công ty) mà trụ sở hoặc nơi ở nằm ở Ba Lan;

Loại B – người nước ngoài thực hiện chức vụ trong ban quản trị của xí nghiệp hoặc công ty góp vốn đang tổ chức được ghi nhập vào danh bạ các doanh nghiệp và cư trú ở Ba Lan thời gian tổng cộng hơn 6 tháng trong vòng 12 tháng liên tục.

Loại C – người nước ngoài làm việc cho công ty nước ngoài và được cử đến lãnh thổ Ba Lan trong thời gian vượt quá 30 ngày trong năm theo lịch;

Loại D – người nước ngoài làm việc cho công ty nước ngoài không có chi nhánh hoặc hình thức tổ chức hoạt động khác trên lãnh thổ Ba Lan và được cử đến Ba Lan với mục đích thực hiện dịch vụ có tính chất tạm thời và cơ hội (dịch vụ xuất khẩu);

Loại E – người nước ngoài làm việc cho công ty nước ngoài và được cử đến Ba Lan trong thời gian vượt quá 3 tháng trong vòng 6 tháng liên tục với mục đích khác với mục đích đã chỉ ra ở các loại giấy phép B-D.

2. Thủ tục xin giấy phép lao động

2.1. Ai đi xin cấp giấy phép lao động ?

Giấy phép lao động cấp cho một người nước ngoài cụ thể. Người chủ công việc tương lai là người đi xin giấy phép lao động cho người nước ngoài – chủ hãng nộp tất cả những giấy tờ cần thiết lên Sở Lao Động Tỉnh – hoặc ở chi nhánh của Sở. Chủ hãng có thể đích danh làm việc đó, qua người được ủy quyền hoặc gửi qua bưu điện. Đơn xin cấp giấy phép lao động có thể lấy ở trụ sở của Sở hoặc trên trang WEB. Sau khi có giấy phép lao động, chủ hãng có trách nhiệm ký kết với nhân viên hợp đồng thích ứng.

2.2. Ai cấp giấy phép lao động?

Theo nguyên tắc thì giấy phép lao động do tỉnh trưởng cấp, nhưng rất thường xuyên là nhiệm vụ đó do Sở Lao Động Tỉnh thực hiện (WUP) và khi đó đơn xin nộp ở trụ sở của Sở hoặc chi nhánh của Sở Lao Động Tỉnh. Trong trường hợp khi chủ hãng xin cấp giấy phép:

- 1) Loại A và B – đơn nộp lên Sở Lao Động đúng theo trụ sở của công ty hoặc chỗ ở của chủ công việc của người nước ngoài;
- 2) Loại C – đơn nộp lên Sở Lao Động Tỉnh đúng với nơi công ty có trụ sở, nơi mà người nước ngoài được cử sang;
- 3) Loại D – đơn nộp lên Sở Lao Động Tỉnh đúng với nơi làm việc chính mà người nước ngoài làm việc trên lãnh thổ Ba Lan.
- 4) Loại E – đúng với nơi làm việc chính của người nước ngoài ở Ba Lan

Trong trường hợp thay đổi địa chỉ ở hoặc địa chỉ trụ sở công ty, đơn xin kéo dài giấy phép lao động nộp lên tỉnh trưởng đúng với địa chỉ thời điểm nộp đơn. Trong trường hợp khi đặc tính công việc mà người nước ngoài làm việc không cho phép chỉ ra nơi làm việc chính, giấy phép sẽ do tỉnh trưởng tỉnh Vác sa va cấp (Sở Lao Động Tỉnh tại Vác Sa Va).

2.3. Những điều kiện gì phải thỏa mãn để xin được giấy phép lao động loại A?

Để được nhận giấy phép lao động loại A, những điều kiện sau phải thỏa mãn:

- 1) mức lương mà sẽ được xác định trên hợp đồng với người nước ngoài không thấp hơn lương của những nhân viên làm công việc giống thể và trên cương vị giống như vậy;
- 2) chủ công việc / chủ công ty không có khả năng tuyển dụng cho cương vị đó từ những thất nghiệp đã đăng ký đang tìm việc làm. Những thông tin/ chỉ tiêu trong phạm vi này do huyện trưởng trình bày cho tỉnh trưởng.

Huyện trưởng chuẩn bị những thông tin đó dựa vào danh sách đăng ký thất nghiệp và việc tìm nhân viên được tiến hành đặc biệt cho chủ công việc/ chủ công ty đang xin việc làm cho người nước ngoài (khi phân tích các danh sách thấy là không có khả năng tiến hành tìm nhân viên, khi đó tự nhiên là không tiến hành việc đó).

Trong trường hợp đầu tiên thủ tục kéo dài không quá 7 ngày. Trong trường hợp tìm nhân viên – không quá 14 ngày kể từ ngày giới thiệu công việc cho những người thất nghiệp và những người tìm việc làm.

Thông tin / tiêu chuẩn ở huyện không cần thiết khi mà:

- 1) Người nước ngoài trước khi nộp đơn xin giấy phép lao động 3 năm đã tốt nghiệp trường học hoặc trường đại học có trụ sở ở Ba Lan, Thụy sĩ hoặc một nước khác trong Khu Vực Kinh Tế Châu Âu(EOG),
- 2) Người nước ngoài trước khi nộp đơn xin cấp giấy phép cư trú 3 năm đã ở Ba Lan hợp pháp (trừ trường hợp khi người nước ngoài đã bị bắt giữ, bị giam trong trại có bảo vệ, trong trại giam để trục xuất, đối với người đó đã được áp dụng hình thức phòng ngừa là lệnh cấm ra khỏi Ba Lan hoặc bị mất quyền tự do vì việc thi hành những quyết định đã được ban hành trên cơ sở pháp luật),
- 3) Người nước ngoài là thành viên gia đình nhân viên của đại diện ngoại giao, văn phòng lãnh sự, tổ chức quốc tế hoặc đại diện của tổ chức đó thực hiện công việc ở Cộng hòa Ba Lan trên cơ sở những hợp đồng và thỏa thuận quốc tế,
- 4) Người nước ngoài thực hiện công việc là người phục vụ trong nhà riêng của những nhân viên đại diện ngoại giao, văn phòng lãnh sự, tổ chức quốc tế hoặc đại diện của những tổ chức đó,
- 5) Nghề mà người nước ngoài phải thực hiện công việc hoặc loại công việc mà sẽ giao cho người nước ngoài có trên danh sách những nghề và loại công việc không đòi hỏi phải có thông tin/ chỉ tiêu của huyện khi xin cấp giấy phép lao động (những nghề đó tỉnh trưởng xác định dựa vào việc phân tích thị trường lao động của địa phương đó),

- 6) Người nước ngoài được ủy quyền đại diện cho công ty nước ngoài ở chi nhánh của công ty này hoặc phòng đại diện ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan,
- 7) Người nước ngoài là công dân nước láng giềng với Ba Lan hoặc nước mà Ba Lan hợp tác về lĩnh vực xuất khẩu lao động trong phạm vi hợp tác vì mục đích biến đổi, được xác lập giữa nước này và Liên Minh Châu Âu, thực hiện công việc chăm sóc- y tá hoặc công việc gia đình cho tư nhân trong kinh tế phụ gia đình,
- 8) Người nước ngoài là công dân nước láng giềng với Ba Lan hoặc nước mà Ba Lan hợp tác về lĩnh vực xuất khẩu lao động trong phạm vi hợp tác vì mục đích biến đổi, được xác lập giữa nước này và Liên Minh Châu Âu, người đó đã làm việc cho chủ công việc/chủ hãng đó trên cơ sở giấy xác nhận ý định giao việc cho người nước ngoài cùng một việc đó (ít nhất 3 tháng) trong thời gian trực tiếp trước khi nộp đơn (xem điểm 1.2 chương này)
- 9) Người nước ngoài là huấn luyện viên thể thao hoặc là vận động viên thể thao, thực hiện công việc cho các câu lạc bộ thể thao và tổ chức khác mà những tổ chức đó có hoạt động điều lệ là tuyên chuyên thể dục thể thao,
- 10) Người nước ngoài là bác sĩ hoặc bác sĩ răng đang thực tập hoặc đang thực hiện chương trình làm chuyên môn,
- 11) Giấy phép lao động vẫn cho một người nước ngoài đó và trên cùng một cương vị cũ,
- 12) Không có sự cần thiết đó theo những quy định riêng,

2.4. Những điều kiện gì phải thỏa mãn để xin được giấy phép lao động loại B?

Trong trường hợp giấy phép lao động loại B, tình trường cấp giấy phép nếu như công ty mà người nước ngoài là thành viên ban quản trị thỏa mãn:

- 1) Năm thuế vụ trước khi nộp đơn công ty đã đạt mức lãi không ít hơn 12 lần mức lương trung bình trong tỉnh trong quý ba năm trước đồng thời tuyển dụng ít nhất là hai nhân viên không bị trách nhiệm có giấy phép lao động theo hợp đồng vô thời hạn cả biên chế và đã làm việc ít nhất một năm trước lúc nộp đơn,

Hoặc

- 2) Chứng minh có phương tiện hoặc những hoạt động cho phép thỏa mãn trong tương lai những điều kiện đã được xác định ở điểm 1, đặc biệt là đang có những hoạt động dẫn đến tăng cường đầu tư, chuyển giao công nghệ, đưa vào những đổi mới hoặc tạo ra chỗ làm việc.

Chú ý: Trong những tình huống có lý do trên thị trường lao động tình trường có thể giới hạn trong giấy phép lao động phạm vi những nhiệm vụ do người nước ngoài thực hiện đến vai trò lãnh đạo và đại diện.

2.5. Những điều kiện gì phải thỏa mãn để xin được giấy phép lao động loại C-E?

Trong trường hợp giấy phép loại C-E, tình trạng cấp giấy phép nêu như:

- 1) Những điều kiện tuyển dụng sẽ không kém lợi hơn theo những quy định của Bộ Luật Lao Động và những quy định khác về quyền lợi và trách nhiệm của nhân viên,
- 2) Mức lương mà người nước ngoài được quyền hưởng vì thực hiện công việc sẽ không ít hơn 30% mức lương trung bình hàng tháng trong tỉnh,
- 3) Chủ công việc/ chủ hãng nước ngoài chỉ ra người ở Ba Lan, có giấy tờ khẳng định thỏa mãn những trách nhiệm ở điểm 1 và 2 và được ủy quyền đại diện cho chủ công việc/chủ công ty trước tình trạng nêu như thời gian được cử sang của người nước ngoài vượt 30 ngày.

Trong trường hợp nộp đơn xin cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài không đủ cả biên chế hoặc trên cơ sở hợp đồng pháp lý dân sự (hợp đồng ủy thác, hợp đồng tác phẩm), tình trạng lưu ý đến mức lương được xác định trong hợp đồng với người nước ngoài tỉ lệ với mức thời gian hoặc thời kỳ phỏng đoán thực hiện những trách nhiệm như hợp đồng.

2.6. Giấy phép lao động cấp cho thời gian bao lâu?

Giấy phép lao động được cấp cho thời gian cụ thể, không lâu hơn 3 năm và có thể được kéo dài. Trong trường hợp khi người nước ngoài làm chức vụ trong ban quản trị của công ty pháp nhân mà tại thời điểm ngày nộp đơn đang tuyển dụng trên 25 nhân viên, tình trạng có thể cấp giấy phép lao động cho thời gian không trên 5 năm. Trong trường hợp công ty nước ngoài cử người nước ngoài đi sang phái đoàn với mục đích dịch vụ xuất khẩu thì tình trạng cấp giấy phép lao động cho thời gian đi phái đoàn.

2.7. Khi nào cần phải nộp đơn xin giấy phép hoặc kéo dài giấy phép lao động?

Chủ công ty/ chủ công việc giao công việc cho người nước ngoài phải nộp đơn chậm nhất là 30 ngày trước khi có kế hoạch tuyển dụng người nước ngoài hoặc trong trường hợp kéo dài thì 30 ngày trước khi hết hạn giấy phép cũ.

2.8. Những giấy tờ gì cần thiết để có giấy phép lao động

Những giấy tờ cần nộp khi xin giấy phép lao động cho người nước ngoài khác nhau phụ thuộc vào loại giấy phép.

Xin giấy phép bao giờ cũng phải nộp:

- 1) Đơn xin cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài (*),
- 2) Phô tô copy giấy thông hành của người nước ngoài có trong đơn (những trang có ghi dữ liệu)
- 3) Phô tô copy những giấy tờ khẳng định người nước ngoài thỏa mãn những đòi hỏi liên quan đến thực hiện nghề nghiệp đó (chỉ khi thực hiện nghề đó hoặc giữ chức

vụ đó đòi hỏi phải có giấy phép thêm hoặc sự đồng ý của cơ quan chức năng, ví dụ liên đoàn nghiệp vụ),

- 4) Phô tô copy những giấy tờ khẳng định người nước ngoài thỏa mãn những điều kiện đã xác định ở điểm 2.3 chương này,
- 5) Phô tô copy biên lai nộp lệ phí cho việc cấp giấy phép (mức những lệ phí – xem điểm 2.11),
- 6) Những giấy tờ khẳng định thỏa mãn những đòi hỏi được xác định trong những quy định riêng mà sẽ cần để xét đơn,
- 7) Phụ lục cho đơn xin giấy phép liên quan đến PKD¹⁴ của công ty và tình trạng tuyển dụng/ số nhân viên (*).

Trong trường hợp chủ công ty không nộp đích danh mà chỉ qua người được ủy quyền thì phải kèm vào đó bản chính giấy ủy quyền.

Thêm vào:

• **Cho đơn xin giấy phép loại A** cần kèm theo:

- 1) Văn bản hiện tại từ Danh Bạ Tòa Án Toàn quốc đăng ký công ty KRS hoặc của danh bạ thích hợp khác xác nhận hay giấy đăng ký kinh doanh (khi đối tác giao công việc cho người nước ngoài là công ty pháp nhân, đơn vị tổ chức không có tính pháp nhân hoặc cá thể kinh doanh),

Hoặc

- 2) Phô tô copy chứng minh thư nhân dân hoặc phô to copy tất cả các trang có nội dung của giấy thông hành (khi đối tác giao công việc cho người nước ngoài là dân thường),

Hoặc

- 3) Hợp đồng của công ty (trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn đang tổ chức) hoặc phô tô copy các văn bản công chứng về việc thành lập công ty (trong trường hợp công ty cổ phần đang giai đoạn tổ chức)
- 4) Thông tin/chỉ tiêu của huyện (xem điểm 2.3 chương này);

• **Cho đơn xin giấy phép loại B** cần kèm theo:

- 1) Văn bản hiện tại từ Danh Bạ Tòa Án Toàn quốc đăng ký công ty KRS hoặc của danh bạ thích hợp xác nhận hay giấy đăng ký kinh doanh (khi đối tác giao công việc cho người nước ngoài là công ty pháp nhân, đơn vị tổ chức không có tính pháp nhân hoặc cá thể kinh doanh),

Hoặc

- 2) Hợp đồng của công ty (trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn đang giai đoạn tổ chức) hoặc phô tô copy các văn bản công chứng về việc thành lập công ty (trong trường hợp công ty cổ phần đang giai đoạn tổ chức),

¹⁴ PKD – Bảng Phân Hạng các Hoạt Động Ba lan

- 3) Hồ sơ copy tờ khai thuế về mức lãi xuất hoặc lỗ của đối tượng giao công việc cho người nước ngoài của năm trước năm nộp đơn cùng với những thông tin về tình trạng nhân viên cho thời gian một năm trước khi nộp đơn hoặc thông tin về những phương tiện công ty có hoặc những hoạt động cho phép thỏa mãn những điều kiện đã nêu ra ở điểm 2.4.2 của chương này,
- 4) Thông tin về tình trạng nhân viên làm việc trong đối tác giao công việc cho người nước ngoài(*);
 - **Cho đơn xin giấy phép loại C** cần kèm theo:
 - 1) Giấy tờ từ danh bạ thích ứng khẳng định tình trạng pháp lý và hình thức hoặc tính chất hoạt động của công ty nước ngoài,
 - 2) Văn bản hiện tại ngày nộp đơn từ Danh Bạ Tòa Án Toàn quốc đăng ký công ty KRS hoặc từ danh bạ thích ứng khác hoặc trích từ đăng ký kinh doanh (liên quan đến chi nhánh hoặc xí nghiệp của công ty nước ngoài, đối tượng phụ thuộc của công ty nước ngoài hoặc đối tượng giằng buộc bằng hợp đồng hợp tác dài hạn với công ty nước ngoài),
 - 3) Thư giới thiệu công tác,
 - 4) Hồ sơ copy hợp đồng hợp tác dài hạn với công ty nước ngoài;
 - **Cho đơn xin giấy phép loại D** cần kèm theo:
 - 1) Giấy tờ từ danh bạ thích ứng khẳng định tình trạng pháp lý và hình thức hoặc tính chất hoạt động của công ty nước ngoài,
 - 2) Hồ sơ copy hợp đồng mà trên cơ sở đó dịch vụ được thực hiện trên lãnh thổ CH Ba Lan hoặc một phần hợp đồng xác định đối tượng trách nhiệm của công ty nước ngoài; nếu như hợp đồng đó vẫn chưa được ký kết, cần kèm thêm giấy xác nhận phạm vi của hợp đồng đó (khi đó hồ sơ copy một phần bản hợp đồng đó công ty nước ngoài cung cấp ngay lập tức sau khi ký kết),
 - 3) Thư giới thiệu công tác,
 - 4) Danh sách những người nước ngoài sẽ thực hiện dịch vụ xuất khẩu đó;
 - **Cho đơn xin giấy phép loại E** cần kèm theo:
 - 1) Giấy tờ từ danh bạ thích ứng khẳng định tình trạng pháp lý và hình thức hoặc tính chất hoạt động của công ty nước ngoài

Chú ý: những thông tin có ký hiệu (*) cần phải trình bày trên những mẫu thích hợp, những mẫu đó có thể tải từ trang internet của Sở Lao Động Tỉnh Thủ đô Vá sa va: <http://wup.mazowsze.pl/new/?phtml=1333075390>

2.9. Những giấy tờ gì cần thiết để kéo dài giấy phép lao động?

Kèm theo đơn xin kéo dài giấy phép lao động cho người nước ngoài nộp thêm:

- 1) nếu như đã có những thay đổi trong nội dung những giấy tờ trước đã nộp cùng với đơn xin cấp giấy phép thì nộp những giấy tờ mới đó,
- 2) hồ sơ copy biên lai trả tiền lệ phí cho việc cấp hoặc kéo dài giấy phép lao động.

2.10. Giấy phép lao động được cấp ở hình thức gì?

Giấy phép được viết thành ba bản như nhau. Một bản để lại chỗ tỉnh trưởng, hai bản chủ công ty nhận, sau đó bản giao cho nhân viên người nước ngoài một bản.

2.11. Cần phải trả bao nhiêu tiền cho việc cấp giấy phép lao động?

Chủ công ty/chủ công việc trả một lần cho việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài với mức:

50 z-lô-ti – trong trường hợp giao công việc trong thời gian không quá 3 tháng;

100 z-lô-ti – trong trường hợp định giao cho người nước ngoài thực hiện công việc trong thời gian lâu hơn 3 tháng;

200 z-lô-ti – trong trường hợp định cử người nước ngoài đi phái đoàn sang Ba Lan với mục đích thực hiện dịch vụ xuất khẩu¹⁵.

Trong trường hợp nộp đơn xin kéo dài giấy phép lao động thì chủ công ty/chủ công việc trả tương ứng bằng một nửa mức tiền như trên.

2.12. Thủ tục cấp giấy phép lao động kéo dài bao lâu?

Đơn xin cấp giấy phép tuyển dụng người nước ngoài ở Ba Lan nộp cùng với cả bộ những giấy tờ đòi hỏi được xét ngay không chậm trễ theo Bộ Luật Hành chính, không lâu hơn một tháng, còn trong những trường hợp đặc biệt phức tạp thì đến hai tháng kể từ lúc bắt đầu thụ lý. Quá trình thụ lý có thể bị kéo dài, còn về thời hạn giải quyết mới thì mỗi lần đương sự phải được cơ quan thẩm quyền đang thụ lý thông báo bằng văn bản.

3. Từ chối cấp giấy phép lao động.

3.1. Khi nào Tỉnh trưởng từ chối cấp giấy phép lao động?

Tồn tại một loạt những yếu tố mà khi đó Tỉnh trưởng cấp quyết định từ chối cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài. Một phần trong đó liên quan đến chủ công ty/chủ công việc muốn xin giấy phép lao động cho người nước ngoài. Những yếu tố quan trọng nhất là:

- 1) Không thỏa mãn những đòi hỏi bắt buộc để được nhận giấy phép (xem điểm 2.3, 2.4, 2.5),
- 2) Trong quá trình thụ lý về cấp giấy phép đưa ra những thông tin không thật, trình bày dữ liệu cá nhân giả, giấy tờ, bằng chứng giả,
- 3) Trong quá khứ đã có vi phạm liên quan đến tuyển dụng người nước ngoài (ví dụ dẫn người nước ngoài tới làm việc bất hợp pháp, đòi hỏi người nước ngoài phải chi cho việc thực hiện những thủ tục để xin giấy phép lao động hoặc một giấy tờ khác cho phép lao động, bắt người khác phải tuyển dụng bất hợp pháp người nước ngoài),

¹⁵ Sắc lệnh của Bộ trưởng Bộ Lao động và Chính Sách xã hội về việc mức lệ phí trả khi nộp đơn xin cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài ban hành ngày 17 tháng mười năm 2007(Công báo số 195, phần 1409)

- 4) Phạt chủ công ty/chủ công việc vì vi phạm ác tâm hoặc cố tình xâm phạm những quyền lợi của nhân viên về mối quan hệ lao động hoặc bảo hiểm xã hội, không thông báo những dữ liệu đòi hỏi hoặc thông báo những dữ liệu không đúng có mục đích ảnh hưởng đến quyền lợi hay mức quyền lợi, gây cho nhân viên những nguy hiểm trực tiếp mất tính mạng hoặc bị tàn tật nặng, không thông báo cho cơ quan chức năng về tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp,
- 5) Phạt chủ công ty/chủ công việc vì hành vi buôn người.

Chủ công ty/chủ công việc cũng không được nhận giấy phép cho người không đủ thỏa mãn những đòi hỏi về trình độ nghề nghiệp quy định và đã bị phạt vì vi phạm liên quan đến việc thụ lý cấp giấy phép lao động.

Tỉnh trưởng cấp quyết định từ chối cấp giấy phép cũng trong trường hợp khi những dữ liệu của người trong đơn đã được đưa vào trong danh sách những người nước ngoài mà sự cư trú của họ trên lãnh thổ Cộng hòa Ba lan không được khuyến khích.

3.2. Có thể khiếu nại được quyết định về từ chối cấp giấy phép lao động không?

Được quyền khiếu nại quyết định của tỉnh trưởng lên bộ trưởng bộ lao động và chính sách xã hội thông qua cơ quan của tỉnh trưởng, nơi đã cấp giấy phép lao động. Thời hạn nộp đơn khiếu nại là 14 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Trong đơn khiếu nại cần viết là đương sự không đồng ý với quyết định từ chối và trình bày lý do tại sao không đồng ý.

4. Khi nào Tỉnh trưởng có thể hủy giấy phép lao động?

Tỉnh trưởng có thể hủy giấy phép lao động nếu như:

- 1) Những hoàn cảnh hoặc bằng chứng liên quan đến quyết định đã cấp đã bị thay đổi,
- 2) Hết lý do mà nhờ vậy trước đó được cấp giấy phép lao động,
- 3) Người nước ngoài không bắt đầu công việc hoặc đã kết thúc việc đó,
- 4) Chủ công ty/chủ công việc không thi hành trách nhiệm của mình,
- 5) Nếu cơ quan khác, nơi đã cấp giấy đồng ý cho người nước ngoài làm một chức vụ cụ thể, hành nghề hoặc hoạt động khác rút lại giấy đồng ý,
- 6) Người nước ngoài ngừng công việc trong thời gian quá 3 tháng,
- 7) Nhận được thông tin là dữ liệu của người nước ngoài có trong danh sách những người nước ngoài mà sự cư trú trên lãnh thổ Cộng Hòa Ba lan không được khuyến khích.

Chương VI

Tác giả *Karolina Rusilowicz*

Thuế.

1. Đón những thuế gì ở Ba Lan?

Ở Ba Lan chúng ta phân biệt các loại thuế như sau: thuế trực tiếp và gián tiếp.

Phân loại cơ bản các thuế như sau:

1) Trực tiếp:

- Thuế thu nhập của cá nhân,
- Thuế thu nhập của các công ty pháp nhân,
- Thuế thừa kế và được cho tặng,
- Thuế những việc dân sự,
- Thuế nông nghiệp,
- Thuế rừng,
- Thuế bất động sản,
- Thuế phương tiện vận tải;

2) Gián tiếp:

- Thuế thặng dư cho hàng hóa và dịch vụ (VAT),
- Thuế môn bài,
- Thuế các trò chơi cá cược.

Thuế trực tiếp trả được đưa trực tiếp về cơ quan thuế vụ, ngược lại mức thuế đó còn có mối quan hệ chặt chẽ với người trả thuế. Ngược lại thuế gián tiếp gần như được tự động trả ngay – ngay khi mua quyền lợi (thuế VAT được tính luôn vào giá của nhiều mặt hàng) hoặc dịch vụ.

Vì khuôn khổ của biên soạn có hạn nên phần liên quan đến thuế sẽ được tập trung dành cho thuế thu nhập cá nhân.

2. Số Nhận dạng Thuế (NIP) – là cái gì và làm thế nào để có nó?

NIP là số nhận dạng thuế, số đó mỗi người đóng thuế đều có trách nhiệm phải có, không phụ thuộc đó là dân thường hay là tổ chức pháp nhân hoặc là một đơn vị có hình thức tổ chức khác. Số này cần trong nhiều trường hợp, trước tiên là trong mọi việc thanh toán thuế.

Cấp số NIP tiến hành trên cơ sở thông báo đăng ký nhận dạng nộp cho Sở thuế đúng với chỗ ở của người trả thuế. Giám đốc Sở thuế cấp quyết định về việc cho số NIP. Thông báo đăng ký nhận dạng làm trên mẫu tờ khai có thể lấy được ở Sở Thuế và trên trang Internet của Bộ Tài chính (www.mf.gov.pl). Điều đó chỉ làm một lần, không quan trọng loại thuế và số loại thuế mà người trả thuế đóng, hình thức thuế, số lượng và chủng loại hoạt động kinh doanh và số lượng công ty đang hoạt động. Vì những lẽ đó, mỗi người trả thuế chỉ có một số NIP. Trong trường hợp thay đổi những dữ liệu đã ghi trong tờ thông báo đăng ký (ví dụ đổi địa chỉ, số tài khoản, họ v.v, thì người trả thuế có trách nhiệm thông báo đăng ký cập nhập mới, sử dụng tờ khai thích hợp NIP, những tờ khai đó có ở các Sở thuế và trên trang Internet của Bộ tài Chính (www.mf.gov.pl).

Thủ tục thông báo khác nhau phụ thuộc vào đối tượng và loại thuế¹⁶. Người thường khi là đối tượng trả thuế, tiến hành thông báo đăng ký nhận dạng trực tiếp (có nghĩa là tự mình nộp tờ khai ở Sở Thuế) hoặc gián tiếp qua người trả tiền thuế (nghĩa là công ty/chủ công việc bởi vì chính họ là người trả thuế của công nhân những khoản thu nhập của mình). Đăng ký như vậy ở chỗ làm việc đầu tiên. Sau đây chỉ đơn giản là đưa cho công ty/chủ công việc hay những bên thuê ủy thác tiếp số NIP của mình.

Những đối tượng trả thuế bắt đầu hoạt động kinh doanh phải tự mình tiến hành thông báo. Những người dân thường mở hoạt động kinh doanh có thể nộp thông báo đăng ký hoặc thông báo thay đổi cùng với đơn xin ghi nhập vào danh bạ hoạt động kinh doanh.

3. Ai phải trả thuế thu nhập cá nhân và trả khoản gì?

Tất cả những người dân có thu nhập phải có trách nhiệm trả thuế thu nhập của cá nhân. Ngoại lệ của nguyên tắc đó là những thu nhập được miễn thuế và những thu nhập mà được từ bỏ thu thuế. Cũng cần biết rằng hai vợ chồng có thể cùng đánh thuế chung cho thu nhập của mình. Nhờ vậy kết cục hai vợ chồng có thể trả ít thuế hơn, đặc biệt là khi mà thu nhập của hai vợ chồng có sự chênh lệch lớn (hoặc là một trong hai người không đi làm).

Những người dân có chỗ ở ở Ba Lan chịu gánh nặng trách nhiệm thuế không giới hạn. Điều đó có nghĩa là những người đó bị trách nhiệm đánh thuế ở Ba Lan toàn bộ những khoản thu nhập không cần biết là những thu nhập đó là ở đâu. Vì thế một thông tin quan trọng là có phải ở nước sở tại của người nước ngoài quy định „ hai lần đánh thuế” không?. Một người coi là có chỗ ở ở Ba Lan nếu như trọng tâm những quyền lợi cuộc đời ở đây và ở đây nhiều hơn 183 ngày trong một năm thuế. Những người dân không có chỗ ở ở Ba Lan, chỉ bị trách nhiệm thuế phần thu nhập (doanh thu) có được trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan (trách nhiệm thuế có giới hạn).

16 Những nguyên tắc cụ thể được luật ngày 13 tháng mười năm 1995 quy định về nguyên tắc đăng ký và nhận dạng đối tượng trả thuế và người trả tiền thuế (Công báo năm 2004 r. Số 269, phần.2681 cùng những thay đổi sau này)

4. Những gì bị đánh thuế thu nhập cá nhân?

Theo nguyên tắc thì mọi thu nhập bị trách nhiệm đánh thuế thu nhập, nhưng thu nhập đó được pháp luật dự phòng những trường hợp ngoại lệ cụ thể.

Những thu nhập (doanh thu) được coi là đạt được ở Ba Lan, đặc biệt là những thu nhập từ:

- 1) Công việc làm ở Ba lan trên cơ sở làm công vụ, làm thuê, làm ủy thác và việc hợp tác xã, bất kể nơi trả tiền lương ở đâu.
- 2) Những hoạt động đích danh thực hiện trên lãnh thổ Ba Lan, không quan trọng nơi trả tiền lương ở đâu
- 3) hoạt động kinh doanh ở Ba Lan,
- 4) bất động sản nằm ở Ba Lan, kể cả bán bất động sản đó.

Cần thiết nhấn mạnh là thu nhập là phần chênh lệch khi lấy tổng số doanh thu trừ những chi phí để đạt được doanh thu đó đạt được trong năm trả thuế.

Nếu đối tượng trả thuế có nhiều hơn một nguồn thu nhập thì đối tượng đánh thuế trong năm trả thuế này là **tổng số các thu nhập của tất cả các nguồn thu nhập**.

Đây là những ví dụ các nguồn thu nhập:

- Theo hợp đồng lao động, tiền lương hưu
- Hoạt động do đích danh thực hiện,
- Kinh doanh ngoài nghề nông nghiệp,
- Cho thuê, cho thuê lại, cho sử dụng, cho sử dụng lại cùng những hợp đồng khác có tính chất tương tự,
- Tiền vốn và các quyền tài sản,
- Bán lấy tiền, ví dụ bất động sản hoặc một phần bất động sản đó cùng với cổ phần trong bất động sản.

5. Tính toán và trả thuế thu nhập cá nhân thế nào?

Cách tính thuế thu nhập cá nhân phụ thuộc vào nguồn doanh thu nào đã đạt được thu nhập đó.

Những thu nhập từ việc làm thuê, lương hưu, hay hoạt động kinh doanh bị đánh thuế theo mức thang tăng dần. Ví dụ, theo mức thang quy định cho năm 2009 thì khi thu nhập ít hơn 85 528 z-lô-ti, thuế sẽ là 18% tổng số thu nhập này trừ đi số tiền được trừ thuế là 556 z01ô-ti và 02 xu. Khi thu nhập cao hơn 85 528,z-lô-ti, thuế sẽ là 14 839 z-lô-ti 02 xu, cộng với 32% số tiền vênh cao hơn số 85 528 z-lô-ti.

Cơ sở tính thuế bằng tiền z-lô-ti		Thuế là
Trên	Đến	
	85 528	18% trừ đi số tiền được giảm thuế 556 z-lô-ti 02 xu
85 528		14 839 z-lô-ti 02 xu + 32% phần vênh hơn 85 528 z-lô-ti

Các cách thu thuế thu nhập cá nhân. Thông thường thì thuế này trong năm thuế vụ được trừ vào lương qua người trả thuế (ví dụ công ty/ chủ công việc) bằng hình thức tạm ứng (ví dụ thu nhập từ công việc làm thuê) hoặc trả thuế ứng gói gọn.

Đối tượng trả thuế cũng có thể trả thuế thu nhập cá nhân trong năm thuế vụ trực tiếp ở hình thức tạm ứng. Điều đó xảy ra khi hoạt động kinh doanh (đó là hoạt động kinh doanh ngoài nghề nông nghiệp). Những đối tượng trả thuế khi đó có trách nhiệm trả tạm ứng cho thời kỳ từ tháng một đến tháng mười một, trong thời hạn đến ngày 20 hàng tháng cho thuế của tháng trước đó, bằng cách trả tiền đó vào tài khoản của sở thuế đúng với nơi ở của đối tượng trả thuế.

Sau khi kết thúc hết năm thuế vụ, trong thời hạn đến 30 tháng tư năm tiếp theo, tất cả những đối tượng trả thuế có trách nhiệm nộp lên sở thuế phù hợp với nơi ở của mình tờ khai mức thu nhập đã đạt được (hoặc bị thua lỗ) trong năm thuế vụ (có nghĩa là: tờ khai cho năm thuế vụ 2009 cần phải nộp đến thời hạn là ngày 30 tháng tư năm 2010).

Khai thuế nộp theo mẫu trên tờ khai PIT (xem điểm 6 của chương này). Tiếp theo tờ khai được sở thuế kiểm tra. Việc thanh toán thực hiện đồng thời lưu ý đến những phần tạm ứng đã trả. Nếu tổng số tiền tạm trả trước ít hơn số tiền thuế phải trả, khi đó đối tượng trả thuế cần phải trả thêm phần tiền thiếu, ví dụ trả vào tài khoản của sở thuế. Ngược lại khi tổng số tiền trả trước cao hơn thì được nhận phần tiền thuế trả thừa. Sở thuế sẽ trả lại tiền cho đối tượng trả thuế trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nộp tờ khai thuế (tiền sẽ được chuyển khoản vào tài khoản mà đối tượng trả thuế đã đưa ra trên tờ thông báo NIP; trong trường hợp không có tài khoản tiền sẽ được gửi về địa chỉ ở thông qua bưu điện). Cần biết là trong hệ thống thuế ba lan có tồn tại những khoản ưu đãi thuế. Đó là các hình thức miễn khác nhau, trừ thuế, giảm thuế hoặc làm giảm đi, mà khi áp dụng những ưu đãi đó sẽ làm giảm tổng số bị đánh thuế hoặc mức thuế. Chẳng hạn có ưu đãi cho trẻ con, Internet. Có thể trừ vào thuế khoản cho tặng, ví dụ cho hoạt động của các nhà thờ và những tổ chức tín ngưỡng hoặc tổ chức lợi ích xã hội. Mức ưu đãi và các loại ưu đãi có tính biến động, vậy nên cần kiểm tra xem trong năm đó có những ưu đãi gì. Những đối tượng trả thuế mà sẽ trả thuế theo mức thang thuế tăng dần, nếu thỏa mãn những điều kiện được pháp luật cho phép, có thể sử dụng hình thức đóng thuế chung với vợ/ chồng và hình thức đóng thuế ưu đãi cho những người một mình nuôi con.

6. Tờ khai PIT là gì?

Tờ khai PIT là mẫu tờ khai cần nộp khai báo thuế. Phân biệt các loại mẫu tờ khai PIT là PIT-36, PIT 36L, PIT-37, PIT-38 i PIT-39.

Mẫu tờ khai hay dùng nhất là PIT-37. Những đối tượng trả thuế thỏa mãn tất cả những điều kiện sau đây thì dùng mẫu này để khai báo thuế:

- 1) Đã có những thu nhập chi thông qua người trả thuế (ví dụ công ty/ chủ công việc),
- 2) Đã có những thu nhập từ nguồn nằm ở Ba Lan, những nguồn đó bị đánh thuế theo nguyên tắc chung với sự áp dụng thang thuế tăng dần, đặc biệt là từ lương hoặc những thu nhập khác từ việc công vụ, làm thuê (trong đó có làm thuê có tính chất hợp tác xã), cả những hợp đồng ủy thác, đảm nhận trách nhiệm xã hội, hoạt động thể thao,
- 3) Không làm kinh doanh ngoài nghề nông nghiệp và những chi nhánh chuyên môn sản xuất nông nghiệp được đánh thuế trên những nguyên tắc chung với sự áp dụng thang thuế tăng dần,
- 4) Không có trách nhiệm tính thêm vào những thu nhập của những đứa con nhỏ tuổi,
- 5) Không giảm thu nhập bằng cách trừ phần thua lỗ của những năm trước.

Nếu đối tượng trả thuế đã có thậm chí một loại thu nhập không thuộc vào PIT 37 khi đó tất cả các thu nhập đánh thuế theo thang thuế cần phải đưa vào PIT-36 (PIT-37 lúc đó không nộp).

Ngược lại những đối tượng trả thuế, những người đã đạt được doanh thu (thu nhập) được đánh thuế trên nguyên tắc chung với sự áp dụng mức thang thuế và không làm tờ khai PIT-37 vì những thu nhập (thua lỗ) của mình không nằm trong phạm vi tờ khai này thì những người đó khai thuế trên tờ khai PIT – 36. Tờ khai này trước hết do những đối tượng trả thuế sau nộp:

- đã hoạt động kinh doanh ngoài nghề nông nghiệp hoặc những chi nhánh chuyên môn sản xuất nông nghiệp đã được đánh thuế theo mức thang thuế
- đã đạt được những doanh thu vì cho thuê, cho thuê lại, cho sử dụng, cho sử dụng lại hoặc từ những hợp đồng khác có tính chất tương tự
- đã có những thu nhập từ nước ngoài.

7. Ai nộp khai báo thuế?

Tất cả các đối tượng trả thuế mà đã có một thu nhập nào đó trong năm thuế vụ đều có trách nhiệm nộp tờ khai thuế cả năm PIT, thậm chí khi kết quả cuối cùng bị thua lỗ hoặc là vừa tròn về số không. Những đối tượng trả thuế làm kinh doanh có trách nhiệm cả khi không đạt được bất cứ thu nhập gì, nhưng cả năm đã treo hoạt động kinh doanh.

Chỉ những đối tượng trả thuế, những người không có một doanh thu và thu nhập nào (nói chung không làm được xu nào) thì có thể không nộp khai thuế cả năm, và đồng thời không có thông báo ở sở thuế về hoạt động kinh doanh, và cả những đối tượng trả thuế mà chỉ có duy nhất mỗi thu nhập được miễn thuế Ba Lan đã đạt được ở nước ngoài.

Một số đối tượng trả thuế được người trả tiền thuế nộp thay cho tờ khai cả năm (chủ công ty/ chủ công việc làm việc đó theo đề nghị của nhân viên, cơ quan trợ cấp mất sức, ví dụ Sở Bảo Hiểm Xã hội ZUS, nếu như đối tượng trả thuế không tự mình nộp tờ khai).

Trách nhiệm nộp tờ khai thuế cả năm là cho cả những người có chỗ ở ở Ba Lan (gọi là những người cư trú thuế ba lan) cũng như những người không có chỗ ở ở Ba Lan (gọi là những người cư trú thuế nước ngoài). Cần lưu ý đến vấn đề có hoặc không có doanh thu hay thu nhập bị đánh thuế ở Ba Lan theo những hợp đồng quốc tế và luật thuế ba lan.

8. Khi nào và nộp tờ khai thuế thế nào?

Cần phải nộp đến thời hạn là:

- **30 tháng tư** cho PIT-36, PIT-36L, PIT-37, PIT.38 hoặc
- **31 tháng một** cho PIT-28.

Những người có chỗ ở ở nước ngoài (những người cư trú thuế nước ngoài) mà:

- Có thu nhập không qua trung gian người trả tiền thuế (ví dụ chủ công việc/công ty)

Hoặc

- Có thu nhập thông qua người trả tiền thuế, khi mà người trả tiền thuế không có trách nhiệm làm tính toán thuế cả năm cho người đó (ví dụ như: chủ công việc/ chủ hãng, cơ quan trợ cấp mất sức, Bảo hiểm Xã hội ZUS),

Hoặc

- Có thu nhập do đầu tư vốn

Có trách nhiệm nộp tờ khai cả năm trước khi ra khỏi lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan. Trong trường hợp đó thì thời hạn nộp có thể sớm hơn nhiều thời hạn 30 tháng tư.

Tờ khai thuế có thể nộp bằng các cách:

- Trực tiếp tại sở thuế;
- Qua bưu điện (bằng thư bình thường- khi đó thời điểm nộp được coi là ngày thư đến sở thuế, bằng thư bảo đảm- khi đó thời điểm nộp được coi là ngày gửi thư ở Bưu Điện Ba Lan;
- Trực tiếp tại phòng lãnh sự Ba Lan (lệ phí gửi thường là 18 euro);

Chú ý: bưu phẩm gửi từ nước ngoài được coi như là thư bình thường – ngày thư vào tới sở thuế mới được tính chính thức. Đối tượng trả thuế tự chịu trách nhiệm do có khả năng chậm trễ hoặc mất bưu phẩm dọc đường. Vậy nên đó là hình thức nộp tờ khai cả năm rất không chắc chắn.

Một số sở thuế đặt trước tòa nhà trụ sở những hòm thư cho những tờ khai vào đêm ngày cuối cùng thời hạn nộp tờ khai. Những hòm thư đó được lấy đi lúc nửa đêm cùng với lúc hết hạn nộp tờ khai. Khả năng đó chỉ nên sử dụng chỉ khi hết cách, khi mà sở thuế cùng với bưu điện đã đóng cửa và những đối tượng trả thuế có thể bị phạt vì nộp muộn. Vậy nên kiểm tra sau mấy ngày xem tờ khai có bị thất lạc không và đã chuyển vào sở thuế chưa. Để chắc chắn nên đi đến chỗ mà bưu điện vẫn còn mở cửa và gửi tờ khai bằng thư bảo đảm.

Hiện nay đã có khả năng nộp e-PIT bằng con đường điện tử với chữ ký điện tử. Cũng có thể nộp tờ khai PIT-37 không cần chữ ký điện tử, chỉ khi đưa những dữ liệu cá nhân, như số thuế NIP, số công dân Pesel, v.v.

Đôi khi điền tờ khai thuế có thể gây ra một số khó khăn – nhất là cho những người lần đầu tiên khai hoặc không biết tiếng Ba Lan. Vậy cần nên biết là có những công ty làm dịch vụ điền tờ khai PIT (bình thường giá dịch vụ đó là mấy chục z-lô-ti). Nếu như tờ khai do chuyên gia chuẩn bị, nên có chữ ký của người ấy trên bản sao tờ khai lưu lại cho mình với mục đích có thể phải kiện đòi bồi thường vì đã điền sai tờ khai. Ngoài ra khi gần đến thời kỳ thanh toán thuế, các báo chí khác nhau kèm vào báo thêm những đĩa CD với chương trình để thanh toán thuế. Hướng dẫn điền tờ khai như thế nào cũng có trên trang của Bộ tài chính.

Chú ý: trước khi nộp tờ khai nên làm bản sao cho mình dùng, và cũng kiểm tra xem có lỗi và nhầm lẫn tất nhiên gì không trong tờ khai. Những lỗi hay xảy ra nhất là:

- Lỗi tính toán (tổng cộng, tính thuế);
- Dữ liệu của đối tượng trả thuế sai (không khớp với những dữ liệu trong tờ thông báo cuối cùng NIP);
- Không có chữ ký và số thuế NIP của đối tượng trả thuế ;
- Những con số không hợp nhau trong tờ khai hiện tại và tờ khai của những năm trước (ví dụ số trừ thuế hay thua lỗ);
- Trừ thuế vượt quá mức cho phép.

Trong trường hợp có nghi vấn về tờ khai có làm đúng không sở thuế có thể gọi lên để trình bày những giải thích cần thiết hoặc bổ xung thêm tờ khai trong thời hạn quy định, khi đó sở thuế chỉ ra nguyên nhân những thắc mắc về độ tin cậy của những dữ liệu trong đó.

Sở thuế có thể đòi trình bày giải thích nguyên nhân không nộp tờ khai hoặc yêu cầu nộp tờ khai nếu như tờ khai chưa nộp mặc dù người đó có trách nhiệm như vậy trong thời hạn quy định.

9. Cái gì sẽ xảy ra khi đối tượng trả thuế không nộp tờ khai thuế đúng thời hạn?

Đối tượng trả thuế mà đã không nộp đúng thời hạn tờ khai cả năm có hai khả năng giải quyết tình huống:

- Có thể thông báo cho sở thuế về việc không nộp tờ khai, đồng thời chuyển đến tất cả những giấy tờ cần thiết để xác định cơ sở đánh thuế và mức thuế phải đóng, và cũng trả ngay thuế hoặc trong thời hạn do sở thuế đã định và trả cùng với lãi xuất vì trả muộn; trong trường hợp đó đối tượng trả thuế không bị phạt mà chỉ trả thêm phần trăm trả muộn,
- Có thể nộp tờ khai thuế sau thời hạn, bằng cách đó đã vi phạm luật thuế, điều đó gắn với hình phạt ở số tiền thường là vài trăm z-lô-ti phụ thuộc vào tình trạng thu nhập và tài sản của đối tượng trả thuế.

Khả năng đầu tiên gây ra việc bắt đầu xử lý thuế, cũng có thể bị kiểm tra thuế. Khả năng thứ hai không đòi hỏi kiểm tra hay xử lý thuế, khi mà bản thân đối tượng trả thuế đã thể hiện cơ sở đánh thuế và mức thuế phải trả. Nhưng điều bất lợi là hình phạt. Khả năng thứ ba „thốt ra” khỏi tình huống là không làm bất cứ hành động gì và chờ cho đến khi sở thuế ghi nhận sự việc không nộp tờ khai. Lúc đó sở thuế định hình phạt cho đối tượng trả thuế và ra quyết định bắt đầu xử lý thuế nhằm mục đích xác định trách nhiệm thuế.

Đối tượng trả thuế chậm trễ với việc nộp tờ khai và trả khoản thuế như kết quả của tờ khai sẽ phải trả ngoài khoản thuế chính đó là số phần trăm lãi suất vì trả muộn.

Tiếp theo là hình phạt vì không trả thuế đúng thời hạn có thể là từ một phần mười đến hai mươi lần mức lương tối thiểu. Ví dụ mức lương tối thiểu là 1 276 z-lô-ti. Tiền phạt có thể là thậm chí 25 520 z-lô-ti (ít nhất là 127 z-lô-ti 60 xu). Nhưng nếu đối tượng trả thuế kèm theo tờ khai, nộp sau thời hạn, vẫn bản được gọi là thành thật hối hận, đồng thời giải thích lý do chậm trễ, thì có thể tránh được hình phạt theo luật phạt thuế. Khi nộp tờ khai ngay sau thời hạn, ví dụ tháng 4 hay tháng 5 tháng năm, nên viết đơn xin lên sở thuế thôi không phạt và chỉ ra những hoàn cảnh cụ thể đã làm vượt thời hạn. Các sở thuế thường hay thôi không phạt.

10. Tính tiền netto thế nào, tức là thu nhập cầm tay được bao nhiêu tiền

Thông thường số tiền lương mà nhân viên thỏa thuận với chủ công việc / chủ công ty là số tiền Brutto. Vậy thì để có số tiền netto, có nghĩa là số tiền mà nhân viên đó được nhận „đến tay” cần lấy số tiền brutto trừ đi các khoản bảo hiểm hưu chí, mất sức, ốm đau, y tế (xem chương Bảo hiểm) cùng với phần thuế tạm trả trước. Ví dụ là trong trường hợp người được tuyển làm việc văn phòng, người đó được lương brutto là 3000 z-lô-ti, số tiền netto sẽ là 2156,72 z-lô-ti

Số tiền lương brutto	3000,00
Khôan bảo hiểm hưu chí	- 292,80
Khôan bảo hiểm mất sức	- 45,00
Khôan bảo hiểm ốm đau	- 73,50
Khôan bảo hiểm y tế	- 232,98
Thuế(tạm trả trước)	- 199,00
Tiền lương netto	2156,72

Tính toán các khoản bảo hiểm tương đối phức tạp, thêm vào đó những quy định trong phạm vi này thay đổi thường xuyên, vì thế cần biết là trên Internet có những bảng tính tiền lương, nhờ đó có thể tự tính thu nhập của mình (ví dụ trên trang www.pracuj.pl hoặc www.infor.pl).

Chương VII

Tác giả *Ewa Ostaszewska*

Bảo hiểm.

1. Bảo hiểm xã hội.

1.1. Những loại Bảo hiểm xã hội gì ở Ba Lan?

Bảo hiểm xã hội bao gồm:

- 1) Bảo hiểm hưu trí – từ bảo hiểm này sẽ được trả tiền hưu trí sau này,
- 2) Bảo hiểm trợ cấp mất sức – từ bảo hiểm này sẽ được trả trợ cấp có thể xảy ra, trong đó có cả trợ cấp gia đình, được trả cho thành viên gia đình sau khi người có bảo hiểm bị chết.
- 3) Bảo hiểm ốm đau – là bảo hiểm khi bị ốm đau và sinh đẻ, trang trải chi phí ở bệnh viện,
- 4) Bảo hiểm tai nạn – bảo hiểm tình huống tại nạn lao động và những bệnh nghề nghiệp.

Hệ thống bảo hiểm hưu trí ở Ba Lan gồm có 3 cột trụ:

- cột trụ I, là Sở Bảo hiểm xã hội (ZUS),
- cột trụ II Quỹ Hưu trí Mở (OFE),
- cột trụ III là Tài khoản Hưu trí Cá nhân và Chương Trình Hưu Trí Nhân viên.

Trong phạm vi cột trụ I, vai trò chính do Sở Bảo hiểm xã hội ZUS đảm nhận, bởi vì chính Sở quản lý những tài khoản cá nhân của những người được bảo hiểm và trả tiền hưu trí. Khoản bảo hiểm cho cột trụ I và II là bắt buộc. Bảo hiểm theo cột trụ III là tự nguyện.

1.2 Ai có bảo hiểm trách nhiệm hưu trí và bảo hiểm trách nhiệm trợ cấp?

Những người trên địa bàn Ba Lan là nhân viên, làm việc trên cơ sở hợp đồng đại lý, hợp đồng ủy thác hay hợp đồng khác về làm dịch vụ thì bị bảo hiểm trách nhiệm hưu trí và trợ cấp.

Trong tình huống khi một người đồng thời làm việc ở vài nơi thì người đó phải được bảo hiểm ở chỗ làm việc đầu tiên. Song người đó có thể tự nguyện theo như đề nghị của mình để được bảo hiểm hưu trí và trợ cấp ở những chỗ còn lại (tất cả hoặc chỉ những chỗ lựa chọn) hoặc thay đổi loại bảo hiểm.

1.3 Ai có trách nhiệm bảo hiểm ốm đau ?

Tất cả nhân viên phải có bảo hiểm ốm đau. Những người làm công việc ủy thác tại nhà, làm việc trên cơ sở hợp đồng ủy thác, hợp đồng đại lý hoặc hợp đồng khác về thực hiện dịch vụ, những người làm kinh doanh ngoài nghề nông nghiệp cùng những người cùng làm việc với mình, giáo sĩ, những người đang thi hành án tù hoặc bị tạm giam (làm việc có lương) được tự nguyện bảo hiểm ốm đau theo đề nghị của mình.

1.4 Ai phải bảo hiểm tai nạn?

Những người có bảo hiểm hưu trí và trợ cấp phải có bảo hiểm tai nạn. Những người thực hiện hợp đồng ủy thác và thực hiện công việc ngoài trụ sở hoặc nơi hoạt động của người ủy thác không phải bảo hiểm tai nạn.

1.5 Trong những khoảng thời gian nào bị bảo hiểm trách nhiệm: hưu trí, trợ cấp, ốm đau, và tai nạn?

Những người bắt buộc có bảo hiểm hưu trí, trợ cấp, ốm đau và tai nạn trong những khoảng thời gian sau:

- 1) Nhân viên – kể từ ngày làm việc đến ngày kết thúc làm việc;
- 2) Những người làm công việc ủy thác (tức là được lương theo công việc thực sự đã làm) và những người nhận việc ủy thác – kể từ ngày xác định trong hợp đồng là ngày bắt đầu công việc đến ngày phá hợp đồng hoặc hết hợp đồng này.

1.6 Ai trả tiền lệ phí bảo hiểm ?

Khóan tiền lệ phí bảo hiểm hưu trí do người được bảo hiểm (tức là những nhân viên, những người được tuyển làm việc, những người nhận việc ủy thác) và người trả tiền bảo hiểm (tức là chủ yếu là công ty/ chủ công việc) trả mỗi bên một nửa.

Khóan tiền lệ phí bảo hiểm trợ cấp hai bên trả đều phải trả, cả người được bảo hiểm (1,5% mức cơ sở bảo hiểm), cũng như người trả tiền bảo hiểm-công ty (4,5% mức cơ sở bảo hiểm). Khóan tiền bảo hiểm ốm đau hoàn toàn do người được bảo hiểm đóng. Ngược lại khóan tiền bảo hiểm tai nạn do người trả tiền bảo hiểm trả (chủ công ty).

Các khóan tiền lệ phí bảo hiểm hưu trí, trợ cấp, tai nạn và ốm đau của người được bảo hiểm do người trả tiền bảo hiểm/ công ty/ tính và trừ vào thu nhập và trả vào cho Sở Bảo hiểm xã hội (ZUS). Các khóan tiền lệ phí bảo hiểm được trả hàng tháng đến ngày 15 của tháng. Cũng hàng tháng người trả tiền bàn giao cho người được bảo hiểm báo cáo về những khóan mà người trả tiền đã trả. Giấy đó gọi phổ thông là ZUS RMUA. Trong giấy đó có cả thông tin về khóan tiền lệ phí bảo hiểm y tế do người trả tiền trả. (xem điểm 3 chương này)

„Thực sự” những khóan tiền lệ phí bảo hiểm nộp cho sở ZUS thường do công ty trả – công ty trả phần tiền lệ phí bảo hiểm của mình và phần tiền lệ phí bảo hiểm của nhân viên được trừ vào lương của nhân viên. Vậy thường nói là công ty là người trả tiền lệ phí bảo hiểm. Người trả lệ phí bảo hiểm có thể là chính nhân viên, nếu như chịu trách nhiệm tự trả lệ phí bảo hiểm xã hội cho bản thân (tự quản lý hoạt động, tự nguyện bảo hiểm).

1.7 Tính tiền bảo hiểm thế nào?

Cơ sở mức tiền lệ phí bảo hiểm cho nhân viên là thu nhập của họ. Mức tiền lệ phí cho bảo hiểm hưu trí, trợ cấp và ốm đau được thể hiện bằng tỉ lệ phần trăm như nhau cho tất cả những người được bảo hiểm. Ngược lại tỉ lệ phần trăm tiền bảo hiểm tai nạn khác nhau cho từng người trả tiền bảo hiểm và xác định phụ thuộc vào mức độ nguy hiểm nghề nghiệp và hậu quả của những nguy hiểm đó.

Tỉ lệ phần trăm những tiền lệ phí bảo hiểm là:

- 1) 19,52% cơ sở mức tính – cho bảo hiểm hưu trí (phần tiền lệ phí bảo hiểm hưu trí xuất phát từ người được bảo hiểm là 7,3% cơ sở mức tiền nộp, do sở ZUS trả vào Quỹ bảo hiểm Hưu trí Mở do người có bảo hiểm lựa chọn),
- 2) 6,00% cơ sở mức tính – cho bảo hiểm trợ cấp;
- 3) 2,45% cơ sở mức tính – cho bảo hiểm ốm đau;
- 4) từ 0,40% đến 8,12% cơ sở mức tính – cho bảo hiểm tai nạn.

Với lương 3000 z-lô-ti một tháng, mức tiền bảo hiểm do nhân viên trả và công ty trả như bảng sau¹⁷:

Quỹ:	CÔNG TY		NHÂN VIÊN		TỔNG CỘNG	
	%	z-lô-ti	%	z-lô-ti	%	z-lô-ti
• hưu trí	9,76	292,80	9,76	292,80	19,52	585,60
• trong trường hợp tham gia cột trụ thứ hai:				<i>cột trụ I</i>	12,22	366,60
				<i>cột trụ II</i>	7,30	219,00
• trợ cấp	4,50	135,00	1,50	45,00	6,00	180,00
• ốm đau	0,00	0,00	2,45	73,50	2,45	73,50
• tai nạn	0,67	20,10	0,00	0,00	0,67	20,10
• lao động	2,45	73,50	0,00	0,00	2,45	73,50
• FGSP (quỹ những quyền lợi được bảo đảm của nhân viên)	0,10	3,00	0,00	0,00	0,10	3,00
TỔNG CỘNG:	17,48	524,40	13,71	411,30	31,19	935,70

Chú ý: trên đây không lưu ý đến những khoản bảo hiểm do công ty trả vào quỹ lao động và quỹ những quyền lợi được bảo đảm của nhân viên, đó là những quỹ không nằm trong bảo hiểm xã hội

1.8 Ai và khi nào thông báo người được bảo hiểm lên sở bảo hiểm ZUS?

Trách nhiệm thông báo lên Bảo hiểm xã hội là của người trả tiền bảo hiểm/ công ty. Công ty phải làm điều đó trong thời hạn 7 ngày kể từ lúc người được bảo hiểm bắt đầu làm việc. Trên cơ sở thông báo bảo hiểm xã hội đầu tiên sẽ được thành lập tài khoản

¹⁷ Bảng tính được cài trên trang www.infor.pl

trong Sở Bảo hiểm xã hội (ZUS). Sở bảo hiểm quản lý tài khoản của những người được bảo hiểm, mà mỗi tài khoản được ký hiệu bằng số PESEL.

Nếu người được bảo hiểm không có số PESEL, không đưa số đó hoặc số đã đưa có sự nghi ngờ là không chuẩn, thì tài khoản được ký hiệu bằng số NIP, còn nếu cũng không có số này thì được ký hiệu bằng se ri và số chứng minh thư hoặc hộ chiếu. Trên tài khoản của người được bảo hiểm có lưu trữ những thông tin về mức tiền lệ phí nộp bảo hiểm hưu trí được điều chỉnh giá trị, trừ tiền lệ phí cho quỹ hưu trí mở.

1.9 Kiểm tra thế nào sự đúng đắn trả tiền lệ phí bảo hiểm ?

Như trước đã đề cập đến, người trả tiền hàng tháng bàn giao cho người được bảo hiểm báo cáo về những tiền lệ phí bảo hiểm trả cho người đó. Trong tình huống khi những dữ liệu trong báo cáo này không đúng với tình trạng thực tế, người được bảo hiểm viết văn bản cho người trả tiền đề nghị sửa thông tin có trong báo cáo hàng tháng, trong thời hạn 3 tháng kể từ lúc nhận được báo cáo. Về sự việc đó sẽ thông báo cho sở bảo hiểm ZUS. Trong trường hợp người trả tiền bảo hiểm không chiếu cố đến sự khiếu nại trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được đơn, thì theo đề nghị của người được bảo hiểm, sở ZUS sau khi đã tiến hành thủ tục làm sáng tỏ thì sẽ ra quyết định.

Những người (được bảo hiểm) sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 1948 thì sở ZUS có trách nhiệm hàng năm gửi thông báo về tổng số những khoản tiền lệ phí bảo hiểm đã được ghi sổ vào tài khoản của người được bảo hiểm, theo tình trạng của ngày 31 tháng mười hai năm trước. Thông báo đó được gọi là „ thông báo về tình trạng tài khoản”.

Trong thông báo về tình trạng tài khoản, Sở Bảo hiểm thông báo thêm mức:

- 1) Vốn ban đầu được chỉnh giá trị theo tình trạng ngày 31 tháng mười hai năm trước, trong trường hợp khi đã được tính vốn ban đầu cho người được bảo hiểm,
- 2) Dự tính mức lương hưu,
- 3) Mức tiền lệ phí bảo hiểm hưu trí, trừ khoản bảo hiểm trả vào quỹ hưu trí mở,
- 4) Mức tiền bảo hiểm trả vào quỹ hưu trí mở được hưởng và số tiền đã trả vào đó.

Dự tính mức lương hưu thông báo cho người được bảo hiểm, người mà vào ngày 31 tháng mười hai năm trước đã kết thúc ít nhất 35 tuổi. Đó là dự tính mức lương hưu, mức có thể có khi ở tuổi về hưu là 60 tuổi đối với phụ nữ và 65 tuổi đối với đàn ông theo tình trạng tài khoản của người được bảo hiểm.

2. Những thông tin thêm liên quan đến bảo hiểm hưu trí.

2.1 Cột trụ II là gì và đăng ký vào đấy thế nào ?

Như trước đã nhắc đến, ở Ba Lan tiền lệ phí bảo hiểm hưu trí bắt buộc phải đóng vào Sở bảo hiểm và vào một trong những Quỹ Hưu trí Mở (viết tắt OFE). Bảo hiểm trong OFE chính là bảo hiểm gọi là Cột trụ II. Phần tiền là 7,5% mức cơ sở tiền bảo hiểm được chuyển sang những tài khoản riêng trong OFE. Hiện nay trên thị trường Ba Lan có tồn tại mười bốn hội bảo hiểm hưu trí phổ thông, những hội có quản lý quỹ hưu trí.

Các quỹ bảo hiểm gom tiền và gửi ở ngân hàng để trả cho những thành viên của quỹ khi họ đến tuổi về hưu. OFE cũng trả lương hưu định kỳ vốn, khoán đó những người có quyền cụ thể được hưu trí trong quỹ Quỹ Bảo hiểm Xã hội được hưởng. Đó là hai loại lương hưu định kỳ vốn – định kỳ (đến lúc hết tuổi 65) và đến tận khi chết (sau khi kết thúc 65 tuổi).

2.2 Ai bắt buộc phải chọn Cột trụ II?

Bất cứ ai đi làm đều bắt buộc phải chọn một trong những quỹ hưu trí mở. Trong thực tế sẽ như thế này: người muốn vào quỹ đó đến một quỹ bảo hiểm hưu trí và ở đó ký kết hợp đồng. Phần lớn các hội bảo hiểm áp dụng những hình thức thuận tiện cho những thành viên tương lai của mình: có thể vào hội bằng cách điền những tờ khai trên Internet hoặc hẹn gặp riêng với đại diện của hội bảo hiểm đó (thực tế là những đại diện đó đến tận nhà những người quan tâm đến việc này). Có thể liên hệ với các đại diện đó trên trang internet của các quỹ hưu trí mở. Khi ký hợp đồng với OFE cần có theo người giấy chứng minh thư và số PESEL.

Quỹ hưu trí cần chọn đến thời hạn mừng 10 tháng bảy trong năm, phụ thuộc vào thời điểm bắt đầu làm việc. Nếu người được bảo hiểm không thực hiện trách nhiệm ký hợp đồng trong thời hạn đó, sở ZUS tự định quỹ hưu trí mở bằng cách bốc thăm.

Việc bốc thăm của sở ZUS vào các Quỹ Hưu trí Mở được tiến hành hai lần một năm- 31 tháng bảy và 31 tháng một. Trong việc bốc thăm đó chỉ những Quỹ Hưu trí mà chiếm thị trường ít hơn 10% mới được tham gia, như vậy những quỹ đạt được lãi xuất trên mức trung bình sẽ không được tham gia bốc thăm. Việc bốc thăm liên quan đến những người đã bắt đầu làm việc. Trên các trang internet có thể tìm thấy bảng xếp hạng các Hội Hưu trí. Cần biết là có khả năng đổi hãng bảo hiểm và chuyển tiền bảo hiểm từ một quỹ này sang quỹ khác. Quỹ có trách nhiệm (ít nhất một lần một năm và theo như đòi hỏi của thành viên) thông báo xác định bằng văn bản cho hội viên giá trị tiền đã gom được trong tài khoản của người đó.

2.3 Cột trụ III là cái gì?

Cột trụ III là hình thức tiết kiệm tự nguyện cho tương lai. Phân biệt hai hình thức tiết kiệm như vậy: Tài khoản Hưu trí Cá nhân (viết tắt tiếng Ba Lan- IKE) và Chương trình Hưu trí Nhân viên (PPE).

Để bắt đầu tiết kiệm trong Tài khoản Hưu trí Cá nhân, cần ký hợp đồng thích hợp với quỹ đầu tư, hoặc với phòng môi giới chứng khoán, hoặc sở bảo hiểm hoặc nhà băng. Quyền đóng tiền vào IKE là của những ai có trách nhiệm thuế không giới hạn (người có chỗ ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan, có trách nhiệm trả thuế toàn bộ thu nhập của mình không quan trọng là nguồn thu nhập ở đâu) trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan, đã hết 16 tuổi. Trên tài khoản IKE chỉ được gom tiết kiệm của một người.

Trong hợp đồng dẫn tài khoản IKE có thể chỉ ra một người hoặc nhiều người mà sẽ được nhận trả những tiền đã gom trong tài khoản IKE trong trường hợp người mở tài khoản IKE bị chết. Bất cứ lúc nào cũng có thể thay đổi người được thừa kế tiền. Nếu như đã chỉ ra nhiều hơn một người thì tất cả những người đó được thừa kế các phần

bằng nhau. Việc trả tiền đã gom trong tài khoản IKE được thực hiện theo đề nghị của người tiết kiệm. (sau khi thỏa mãn những điều kiện xác định trong hợp đồng) hoặc trong trường hợp người tiết kiệm bị chết – thì theo đề nghị của người được ủy quyền.

Việc trả tiền có thể được trả toàn bộ một lần hoặc trả thành nhiều phần phụ thuộc vào đề nghị của người tiết kiệm hoặc của người được ủy quyền. Tiền trả vào tài khoản IKE trong một năm theo lịch không được vượt quá số tiền tương đương với ba lần mức lương dự đoán trong kinh tế quốc gia trong năm đó. Người tiết kiệm có quyền được miễn thuế. Tồn tại khả năng thay đổi cơ quan tài chính đang quản lý tài khoản IKE.

Chương trình Hưu trí Nhân viên là hình thức tiết kiệm có tổ chức theo nhóm cho hưu trí tương lai, được công ty tự nguyện thành lập. Những người làm việc ở mấy công ty có chương trình như thế có thể trong cùng một thời gian tham gia nhiều hơn một chương trình. Những người làm việc tại một công ty, không ít hơn 3 tháng có quyền tham gia chương trình đó, trừ phi hợp đồng công đoàn quyết định khác đi. Những người đã kết thúc tuổi 70 không được tham gia chương trình.

Các chương trình có thể được tiến hành theo một trong những hình thức sau:

- 1) Quỹ hưu trí;
- 2) Các hợp đồng về việc công ty / chủ công việc chuyển tiền nộp quỹ của nhân viên sang quỹ đầu tư;
- 3) Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tập thể với hãng bảo hiểm ở hình thức bảo hiểm tập thể nhân thọ với quỹ bảo hiểm vốn;
- 4) Quản trị đầu tư nước ngoài.

Trên cơ sở văn bản tuyên bố của nhân viên về việc tham gia chương trình, nhân viên sẽ được tham gia vào chương trình theo những điều kiện được xác định trong hợp đồng công đoàn.

3. Bảo hiểm y tế.

Ở Ba lan tồn tại ý tế công cộng, ở đây tất cả những người được bảo hiểm trong Quỹ Y tế Quốc gia (NFZ) có thể sử dụng. Những người làm việc bắt buộc có bảo hiểm y tế và đó chính là bảo hiểm ở NFZ. Tiền đóng bảo hiểm y tế trừ vào lương và do người trả tiền bảo hiểm, thông thường hay là công ty/chủ công việc/ thực hiện.

3.1 Có thể tự nguyện bảo hiểm trong quỹ NFZ không?

Những người làm việc bắt buộc có bảo hiểm y tế. Bảo hiểm của họ cũng bao gồm những thành viên gia đình gần nhất – vợ/ chồng và con cái. Người nước ngoài không nằm trong bảo hiểm đó, mà sống ở Ba lan có thể tự nguyện bảo hiểm trên cơ sở đơn xin nộp cho Quỹ Y tế Quốc gia (NFZ). Khả năng đó có thể sử dụng ví dụ những người sang Ba Lan thực tập, học đại học, lớp học tiếng, giáo sĩ và những trường hợp tương tự. Người đó được bảo hiểm y tế cùng ngày ký hợp đồng giữa người đó với Quỹ, và sẽ hết bảo hiểm đó khi hết hợp đồng hoặc khi ngừng trả tiền lệ phí bảo hiểm.

Người được tự nguyện bảo hiểm bắt buộc phải thông báo cho Quỹ những thành viên gia đình bằng cách nộp tờ khai ZUS ZCNA. Tiền lệ phí bảo hiểm cho mỗi tháng phải trả đến thời hạn ngày 15 tháng tiếp theo (ví dụ cho tháng bảy là 15 tháng tám). Tiền bảo hiểm tự nguyện y tế cần trả vào tài khoản của sở ZUS – vào số tài khoản với số cuối là 52.

3.2 Tiền bảo hiểm y tế là bao nhiêu ?

Cơ sở mức tính tiền lệ phí trả là số tiền khai thu nhập hàng tháng, không ít hơn số tiền tương ứng với mức lương trung bình. Tiền bảo hiểm y tế trong năm 2009 là 9 % cơ sở mức tính tiền. Tiền bảo hiểm có tính chất hàng tháng và không chia lẻ được.

Chú ý: cần nhớ là mức tiền lệ phí bảo hiểm hàng năm thay đổi.

3.3 Những dịch vụ y tế gì người được bảo hiểm có quyền hưởng?

Những người được bảo hiểm trách nhiệm hoặc tự nguyện trong Quỹ Y tế Quốc gia có quyền hưởng một loạt những dịch vụ y tế. Điều đó thường được gọi là „gói dịch vụ”. Trong gói đó có:

- 1) Khám bệnh chẩn đoán, trong đó có chẩn đoán y học phòng thí nghiệm,
- 2) Những dịch vụ để giữ sức khỏe, phòng bệnh và phát hiện sớm bệnh tật, trong đó có cả tiêm chủng phòng chống bắt buộc,
- 3) Chăm sóc y tế cơ bản,
- 4) Dịch vụ trong mỗi trường giảng dạy và chăm sóc,
- 5) Dịch vụ điều trị chuyên môn ở trạm xá,
- 6) Chữa hồi phục sức khỏe,
- 7) Dịch vụ về răng,
- 8) Chữa bệnh ở bệnh viện,
- 9) Dịch vụ chuyên môn cao,
- 10) Chữa bệnh tại nhà bệnh nhân,
- 11) Khám bệnh và điều trị bệnh tâm lý,
- 12) Khám bệnh và điều trị bệnh ngôn khẩu,
- 13) Dịch vụ y tá và chăm sóc,
- 14) Chăm sóc giảm đau và nhà tế bần,
- 15) Chăm sóc và chống nom người tàn tật,
- 16) Chống nom người phụ nữ lúc có thai, sinh nở và ở cũ,
- 17) Chống nom người phụ nữ lúc cho con bú bằng sữa mẹ .
- 18) Chăm sóc trước khi sinh bào thai và chăm sóc đứa trẻ sơ sinh cùng với đánh giá tình trạng sức khỏe và sự phát triển của đứa trẻ sơ sinh,
- 19) Chăm sóc đứa trẻ khỏe mạnh, trong đó có đánh giá tình trạng sức khỏe và sự phát triển của đứa trẻ đến lúc 18 tuổi.

- 20) Chữa bệnh tại khu tỉnh dưỡng,
- 21) Cung cấp đồ chữa bệnh, đồ y và những phương tiện hỗ trợ,
- 22) Vận tải y tế,
- 23) Cấp cứu y tế.

Chú ý: số lượng những dịch vụ trong gói sau một thời gian lại bị thay đổi.

3.4 Những dịch vụ gì không được bảo đảm ?

Những người được bảo hiểm trong quỹ NFZ không được hưởng miễn phí các dịch vụ sau:

- 1) Tiêm chủng không nằm trong phạm vi những tiêm chủng bắt buộc;
- 2) Phẫu thuật mổ hình dạng và phẫu thuật mỹ thuật trong những trường hợp không phải là hậu quả của khuyết tật bẩm sinh, vết thương, bệnh hoặc hậu quả của việc chữa bệnh đó;
- 3) Phẫu thuật đổi giới tính;
- 4) Dịch vụ trong phạm vi chăm cứu, trừ dịch vụ chữa đau triền miên;
- 5) Điều trị chữa bệnh phương pháp tự nhiên và phục hồi sức khỏe trong bệnh viện nghỉ an dưỡng, nhà nghỉ an dưỡng và chữa bệnh trạm xã an dưỡng không liên quan đến bệnh chính đã là lí do giới thiệu đi điều trị an dưỡng;
- 6) Khám chữa bệnh tinh dục trong phạm vi điều trị chăm sóc chuyên môn trạm xã, trừ những người ở mức độ tàn tật nặng;
- 7) Khám chữa tâm lý ;
- 8) Điều trị phương pháp lạnh;
- 9) Tiêm chủng tự tạo;
- 10) Điều trị điện từ cùng với áp dụng từ trường liên tục;
- 11) Điều trị la se;
- 12) Trị liệu bấm huyệt;
- 13) Trị liệu bằng sử dụng thú vật;
- 14) Trấn đoán và trị liệu trong phạm vi y học không chính thống, nhân dân, đông y.

3.5 Chọn trạm xá và bác sỹ trong phạm vi bảo hiểm trong quỹ NFZ.

Người được bảo hiểm có quyền chọn cho mình trạm xá, nơi sẽ trực thuộc vào, trong số trạm xá hoạt động trên cơ sở hợp tác với quỹ NFZ. Khi ghi tên đến một trạm xá, cần lựa chọn bác sỹ đỡ đầu, y tá và bà đỡ. Có thể thực hiện những thay đổi trong phạm vi đó nhưng không quá hai lần trong một năm . Trong trường hợp mỗi lần thay đổi tiếp theo phải trả lệ phí là 80 z-lô-ti. Điều đó không liên quan đến trường hợp thay đổi nơi ở và tình huống khi bác sỹ, y tá và bà đỡ đã được lựa chọn ngừng không làm dịch vụ y tế cơ bản nữa và những nguyên nhân khác không lệ thuộc vào ý định của người được bảo hiểm.

3.6 Giấy khăng định có quyền hưởng dịch vụ y tế là gì?

Thẻ bảo hiểm y tế hoặc những giấy tờ khác là giấy khăng định quyền của người được bảo hiểm để hưởng những dịch vụ y tế và cho phép khăng định thực hiện dịch vụ y tế ở Ba Lan. Thẻ bảo hiểm y tế được chi nhánh tỉnh Quỹ Y tế Quốc Gia cấp không mất tiền. Trong trường hợp bị mất thẻ bảo hiểm y tế thì việc cấp thẻ mới sẽ phải trả lệ phí ở mức bằng 1,5% mức lương tối thiểu. Thẻ bảo hiểm y tế có thể có vai trò như Thẻ Bảo hiểm Y tế Châu Âu.

Để có thể sử dụng y tế công cộng có thể trình bày bằng chứng có bảo hiểm trong quỹ NFZ khác. Những giấy tờ đó là:

- 1) Cho người làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động:
 - Bản in tờ thông báo khai bảo hiểm y tế cùng với báo cáo hiện tại hàng tháng ZUS RMUA có chứng thực do công ty/ chủ công việc/ cấp (điều đó không liên quan đến những người nghỉ phép không lương trên 30 ngày),
 - Giấy chứng nhận hiện tại của công ty,
 - Chứng minh thư bảo hiểm với ngày tháng hiện tại và đóng dấu công ty;
- 2) Cho những người hoạt động kinh doanh:
 - Bản in tờ thông báo khai bảo hiểm y tế cùng với biên lai hiện tại đã trả tiền lệ phí bảo hiểm y tế ;
- 3) Cho những người có bảo hiểm ở quỹ bảo hiểm nông nghiệp KRUS:
 - Giấy chứng nhận hoặc chứng minh thư bảo hiểm hiện tại có đóng dấu của quỹ bảo hiểm KRUS (biên lai trả tiền lệ phí bảo hiểm trong trường hợp hoạt động những chuyên ngành sản xuất nông nghiệp).
- 4) Cho người hưu trí và người có trợ cấp mất sức:
 - Giấy chứng minh thư của người hưu trí/ người có trợ cấp mất sức (trong trường hợp chứng minh thư do sở bảo hiểm ZUS cấp thì phải có ký hiệu của chi nhánh của quỹ NFZ tỉnh, số thứ 3 và thứ 4 trong số của chứng minh thư)
 - Giấy chứng nhận của sở ZUS hoặc KRUS
 - Phiếu nhận tiền hưu trí hoặc trợ cấp hiện tại (hiện nay sở ZUS cấp mỗi năm một lần);
- 5) Cho những người đăng ký là người thất nghiệp:
 - Giấy chứng nhận hiện tại của Phòng Lao động về thông báo khai bảo hiểm y tế;
- 6) Cho những người tự nguyện bảo hiểm:
 - Hợp đồng ký kết với quỹ NFZ và giấy tờ của sở ZUS khăng định thông báo khai bảo hiểm y tế cùng với biên lai hiện tại đã trả tiền lệ phí bảo hiểm y tế;

7) Cho thành viên gia đình của người được bảo hiểm:

- Biên lai trả tiền lệ phí bảo hiểm mà người trả tiền chính đã trả cùng với tờ thông báo khai bảo hiểm cho thành viên gia đình (ví dụ tờ khai: ZUS RMUA + ZUS ZCZA lub ZUS ZCNA),
- Chứng minh thư bảo hiểm gia đình với ngày hiện tại và có dấu của công ty
- Giấy chứng nhận hiện tại do công ty cấp,
- Chứng minh thư của người hưu trí/ người được trợ cấp mất sức có ghi trong đó những thành viên gia đình được bảo hiểm, khẳng định thực hiện thông báo vào ngày mùng 1 tháng một năm 1999 hoặc sau đó cùng với đoạn phiếu lĩnh tiền hiện tại (chỉ liên quan đến quỹ KRUS, trong những trường hợp còn lại người trả tiền bảo hiểm cấp giấy xác nhận về những thành viên gia đình được thông báo để có bảo hiểm y tế);

8) Cho học sinh và sinh viên

- Giấy tờ như cho những thành viên khác của gia đình cùng giấy chứng minh thư học trò hoặc sinh viên (cho những người sau 18 tuổi).

Chú ý: trong trường hợp đột xuất, giấy bảo hiểm phải trình bày không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu được giúp đỡ y tế, (khi người ốm tiếp tục ở bệnh viện), hoặc trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc được giúp đỡ dịch vụ y tế.

3.7 Giới thiệu đến bác sĩ chuyên môn và khám nghiệm.

Khi đến một số các bác sĩ chuyên môn thì cần phải có giấy giới thiệu của bác sĩ chăm sóc đỡ đầu. Cũng như thế cho những khám nghiệm chẩn đoán, trong đó có chẩn đoán y học phòng thí nghiệm (được phân hạng như là một dịch vụ được bảo đảm), được thực hiện trên cơ sở giấy giới thiệu của bác sĩ.

Giấy giới thiệu đòi hỏi cho các dịch vụ sau:

- 1) Bác sĩ phụ khoa và phụ sản;
- 2) Bác sĩ răng;
- 3) Bác sĩ da liễu;
- 4) Bác sĩ hoa liễu;
- 5) Bác sĩ u, biểu;
- 6) Bác sĩ mắt;
- 7) Bác sĩ tâm lý;
- 8) Cho những người bị lao;
- 9) Cho những người bị nhiễm vi rus HIV;
- 10) Cho nạn nhân mù mắt do những hoạt động chiến tranh ;
- 11) Cho những người nghiện bị lệ thuộc vào rượu, chất kích thích và chất tác động tâm lý – trong phạm vi điều trị cai nghiện;

3.8 Điều trị bệnh viện.

Người được bảo hiểm có quyền điều trị ở bệnh viện, nơi đã ký hợp đồng làm dịch vụ y tế, trên cơ sở giấy giới thiệu của bác sĩ y tế đa khoa, bác sĩ chuyên môn. Trong đó có cả bác sĩ tư, nếu như mục đích điều trị không thể đạt được bằng phương pháp điều trị tại chỗ trạm xá. Trong tình trạng cấp cứu dịch vụ y tế được làm không cần đòi hỏi giấy giới thiệu.

3.9 Y tế ngoài hệ thống công cộng.

Ở Ba Lan tồn tại khả năng sử dụng y tế tư nhân – khi đó phải trả tiền cho mỗi lần sử dụng dịch vụ cụ thể. Điều trị tư nhân được phổ thông hóa ở Ba Lan. Những dịch vụ đó do các bác sĩ làm riêng tại phòng khám của mình (có thể tìm liên hệ với họ qua số danh bạ điện thoại hoặc internet), cũng như cả những điểm y tế. Cũng cần lưu ý là một số điểm làm dịch vụ trong phạm vi bảo hiểm trong quỹ NFZ cùng với những dịch vụ theo thị trường (mất tiền). Khi sử dụng trợ giúp y tế ở đó cần đánh dấu là muốn sử dụng sự trợ giúp mất tiền hay là trong phạm vi bảo hiểm NFZ. Cũng có thể mua cả cụm dịch vụ trong những điểm y tế cá nhân, những chỗ làm dịch vụ cho khách lẻ cũng như khách tập đoàn. Các cụm dịch vụ khác nhau về giá cả và phạm vi dịch vụ có trong đó. Thường xuyên xảy ra là những công ty lớn cho nhân viên của mình dịch vụ xã hội chính là ở dạng bảo hiểm thêm trong y tế tư nhân.

4. Những bảo hiểm khác.

4.1 Những bảo hiểm khác nào có tính chất trách nhiệm?

Những bảo hiểm trách nhiệm là:

- 1) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của những chủ xe cơ giới (ví dụ xe ô tô, xe máy, xe mô tô v.v). Bảo hiểm đó thường được gọi là bảo hiểm OC của chủ xe cơ giới,
- 2) Bảo hiểm các tòa nhà có trong thành phần kinh tế nông nghiệp về hỏa hoạn và những rủi ro số phận.

4.2 Bảo hiểm OC là gì?

Bảo hiểm Oc là bảo hiểm mà mỗi chủ xe cơ giới (ô tô, xe máy, v.v) phải mua. Từ bảo hiểm này sẽ được chi cho những thiệt hại có thể có vì việc chuyển động của phương tiện đó. Bảo hiểm OC của các chủ xe cơ giới bao cả bảo hiểm dân sự cho người đã gây ra thiệt hại khi lái xe đó trong thời gian khi hợp đồng trách nhiệm bảo hiểm vẫn còn giá trị.

Bảo hiểm OC của những chủ xe cơ giới bao gồm những tai nạn xảy ra trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan. Cũng có thể bao gồm cả những tai nạn xảy ra ở trên lãnh thổ những nước khác trên nguyên tắc hỗ tương.

4.3 Ở đâu và ký hợp đồng bảo hiểm OC cho thời gian bao lâu?

Những bảo hiểm xe được phần lớn các hãng bảo hiểm lớn chào. Để ký hợp đồng bảo hiểm cần đến một trong các hãng hoặc hẹn với đại diện (người đại lý bảo hiểm).

Hợp đồng ký cho thời gian 12 tháng hoặc ngắn hơn 12 tháng nếu xe cơ giới là:

- 1) Xe đăng ký cố định,
- 2) Xe đăng ký tạm thời,
- 3) Xe đăng ký ở nước ngoài,
- 4) Xe chạy chậm,
- 5) Xe có tính chất lịch sử.

Trách nhiệm của hãng bảo hiểm bắt đầu từ lúc ký hợp đồng và trả tiền lệ phí bảo hiểm hoặc trả một đợt đầu tiền lệ phí bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm OC được tự động kéo dài. Để thôi bảo hiểm OC ở một hãng bảo hiểm cần phải huỷ hợp đồng trên văn bản – không chậm hơn một ngày trước ngày hết hạn thời gian 12 tháng mà hợp đồng bảo hiểm OC đã được ký kết. Nếu người đó không thông báo trên văn bản cho hãng bảo hiểm về việc huỷ hợp đồng thì coi như là hợp đồng được kéo dài thêm cho 12 tháng tiếp theo. Tự nhiên là phải trả tiền lệ phí bảo hiểm cho năm đó.

Trong trường hợp các xe cơ giới mà chủ xe đã ký hợp đồng bảo hiểm OC, thì những quyền lợi và trách nhiệm như theo hợp đồng đó có sẽ chuyển sang người mua xe. Hợp đồng bảo hiểm không còn hiệu lực khi hết thời hạn hợp đồng mà đã kí, trừ phi người mua phá hợp đồng trước khi hết 30 ngày kể từ ngày mua xe. Người bán xe có trách nhiệm bàn giao cho người mua xe giấy tờ khẳng định việc ký hợp đồng bảo hiểm OC đồng thời thông báo cho hãng bảo hiểm về việc đó trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bán xe đó và những dữ liệu cá nhân của người mua.

4.4 Bảo hiểm hai chiều autocasco (AC) là gì?

Autocasco (AC) là bảo hiểm tự nguyện dành cho các chủ xe cơ giới. bảo hiểm đó bao gồm bảo hiểm cho xe và các phần của xe khi bị hư hỏng, hủy hoại, mất cắp. Phạm vi bảo hiểm được xác định riêng theo từng hãng bảo hiểm.

4.5 Bảo hiểm NNW là gì?

Bảo hiểm NNW (cho hậu quả của những tai nạn rủi ro) là bảo hiểm tự nguyện dành cho chủ các xe cơ giới. Bảo hiểm đó dành cho người lái xe và hành khách. Đối tượng của bảo hiểm NNW là những hậu quả của những tai nạn rủi ro – thương tật cơ thể, thiệt hại sức khỏe không hoàn lại được hoặc người được bảo hiểm bị chết. Các hãng bảo hiểm cũng chào những bảo hiểm khác liên quan đến NNW, ví dụ bảo hiểm của những người tham gia đi trại, bảo hiểm cho thời gian đi ra nước ngoài.

4.6 Bảo hiểm nhà hoặc căn hộ.

Bảo hiểm căn hộ, nhà cùng tài sản có trong đó là bảo hiểm tự nguyện. Phạm vi bảo hiểm do các hãng bảo hiểm khác nhau chào rất khác nhau. Có thể bảo hiểm ví dụ cho việc trộm cắp, hỏa hoạn, lụt lội hay những rủi ro số phận khác. Người muốn bảo hiểm

nhà mình, căn hộ, tài sản, có thể chọn chỗ nào bảo hiểm hợp lý nhất cho mình.

Chú ý: cần biết là những hãng bảo hiểm lớn có bảng giá dịch vụ bảo hiểm rất rộng- tại chỗ đại lý bảo hiểm có thể ký kết phần lớn các hợp đồng bảo hiểm. Trong đó có cả bảo hiểm hưu trí (cột trụ II và III), cũng như bảo hiểm trách nhiệm dân sự (ví dụ OC của những chủ xe cơ giới, OC trong cuộc sống), bảo hiểm tài sản (căn hộ, nhà, Autocasco hai chiều) cùng những bảo hiểm cho những tai nạn rủi ro (NNW).

Chương VIII

Tác giả *Ewa Ostaszewska*

Trợ cấp xã hội

1. Ai được hưởng quyền lợi từ trợ cấp xã hội?

Quyền được hưởng những quyền lợi từ trợ cấp xã hội cho những người nước ngoài có chỗ ở và đang cư trú trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan trên cơ sở:

- 1) Giấy phép định cư,
- 2) Giấy phép cư trú dài hạn Cộng đồng Châu Âu WE,
- 3) Giấy phép tạm cư (được cho vì lý do định lao động hoặc làm ăn kinh doanh, học đại học, học nghề, hoặc về những lý do khác),
- 4) Giấy phép cư trú dài hạn Cộng đồng Châu Âu WE, được cấp ở một nước thành viên Liên minh Châu Âu khác,
- 5) Giấy đồng ý cho cư trú nhân đạo (những chỉ ở dạng chỗ cư thân, ăn uống, quần áo cần thiết và trợ cấp mục đích),
- 6) Cho các công dân các nước thành viên Liên minh Châu Âu, EFTA, khối Kinh Tế Châu Âu-EOG hoặc Thụy Sĩ cùng với những thành viên trong gia đình mà cũng có quyền cư trú hoặc quyền định cư trên lãnh thổ Cộng Hòa Ba Lan.

Quyền được trợ cấp ở hình thức giúp đỡ trong tình huống khủng hoảng, chỗ trú thân, ăn uống, những quần áo cần thiết và trợ cấp mục đích cũng cho người nước ngoài là nạn nhân của việc buôn bán người. Nhưng người đó phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Đang ở trên lãnh thổ Cộng Hòa Ba Lan,
- Đã hợp tác với cơ quan thẩm quyền để tiến hành xử lý trong việc chống buôn người .
- Đã cắt quan hệ với những người bị tình nghi là đã phạm pháp những hành động bị cấm có liên quan đến buôn người hoặc nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý việc buôn người xác nhận là người nước ngoài đó có thể là nạn nhân của việc buôn người.

2. Trong những tình huống nào thì được hưởng quyền trợ cấp xã hội?

Trợ cấp xã hội cấp cho những người và những gia đình đặc biệt vì lí do:

- 1) Nghèo khổ.
- 2) Côi cút.
- 3) Không nhà cửa.
- 4) Thất nghiệp.
- 5) Tàn tật.
- 6) Bệnh kéo dài lâu hoặc bệnh nặng.
- 7) Bạo lực trong gia đình.
- 8) Những nhu cầu để bảo vệ người mẹ hoặc gia đình đông con.
- 9) Bất lực trong những việc chăm sóc- giáo dục và phụ trách kinh tế gia đình, nhất là trong những gia đình thiếu bố/ mẹ hoặc đông con cái.
- 10) Thiếu trình độ trong việc thích nghi với cuộc sống đối với những thiếu niên bỏ đi khỏi những địa điểm chăm sóc – giáo dục.
- 11) Những khó khăn thích nghi với cuộc sống sau khi được thả ra từ nhà tù.
- 12) Nghiện rượu hoặc ma túy.
- 13) Những sự kiện số phận và tình huống khủng hoảng.
- 14) Sự thất bại cuộc sống hoặc môi trường.

3. Có những loại lợi ích gì từ trợ cấp xã hội?

Phân biệt hai loại giúp đỡ trợ cấp xã hội – giúp đỡ bằng tiền và không bằng tiền

Giúp đỡ bằng tiền:

- 1) Trợ cấp cố định,
- 2) Trợ cấp tạm thời,
- 3) Trợ cấp mục đích và trợ cấp đặc biệt theo mục đích,
- 4) Trợ cấp và cho vay để tự lập về kinh tế,
- 5) Giúp đỡ cho gia đình thay thế,
- 6) Giúp đỡ để tự lập và để tiếp tục học hành,
- 7) Tiền lương trả cho người đỡ đầu vì việc chăm sóc được tòa án công nhận

Giúp đỡ không bằng tiền:

- 1) Công việc xã hội.
- 2) Vé xe ứng trước.
- 3) Đóng tiền cho bảo hiểm y tế.
- 4) Đóng tiền cho bảo hiểm xã hội.

- 5) Giúp đỡ bằng hiện vật, trong đó để có thể tự lập về kinh tế.
- 6) Làm tang lễ.
- 7) Cố vấn chuyên môn.
- 8) Can thiệp trong tình huống khủng hoảng.
- 9) Chỗ ẩn náu.
- 10) Xuất ăn.
- 11) Quần áo cần thiết.
- 12) Các dịch vụ chăm sóc tại nhà, trong những trung tâm hỗ trợ và những cơ quan giúp đỡ gia đình.
- 13) Các dịch vụ chăm sóc chuyên môn tại nhà và trong những trung tâm hỗ trợ.
- 14) Chỗ ở được bảo vệ.
- 15) Ổ và dịch vụ trong những trung tâm giúp đỡ xã hội.
- 16) Chăm sóc và giáo dục trong gia đình thay thế và trong điểm chăm sóc – giáo dục.
- 17) Giúp đỡ để có những điều kiện nhà ở thích hợp, trong đó nhà có bảo vệ, giúp đỡ tìm việc làm, giúp đỡ trong việc trang trải kinh tế – ở hình thức hiện vật cho những người tự lập.
- 18) Đào tạo, cố vấn gia đình và điều trị gia đình do những trung tâm nhận nuôi- chăm sóc tiến hành.

4. Ai được hưởng trợ cấp cố định?

Trợ cấp cố định được hưởng:

- 1) Người đủ tuổi thành niên một mình trang trải cuộc sống, không có khả năng làm việc vì lý do tuổi tác hoặc hoàn toàn không có khả năng làm việc, nếu như thu nhập của người đó ít hơn chi tiêu thu nhập của người một mình trang trải cuộc sống,
- 2) Người đủ tuổi thành niên còn ở trong gia đình, không có khả năng làm việc vì lý do tuổi tác hoặc hoàn toàn không có khả năng làm việc, nếu như thu nhập của người đó, cũng như thu nhập tính cho mỗi đầu người trong gia đình đó ít hơn chi tiêu thu nhập tối thiểu cho đầu người trong gia đình.

5. Khi nào thì được hưởng trợ cấp định kỳ?

Trợ cấp định kỳ được hưởng, đặc biệt là vì lý do bệnh kéo dài, tàn tật, thất nghiệp được hưởng:

- 1) Người một mình trang trải cuộc sống mà thu nhập hàng tháng ít hơn chi tiêu thu nhập của người một mình trang trải cuộc sống (không vượt 477 z-lô-ti),
- 2) Gia đình mà thu nhập hàng tháng ít hơn chi tiêu thu nhập tối thiểu của gia đình (không vượt 351 z-lô-ti).

6. Khi nào được công nhận trợ cấp mục đích?

Trợ cấp mục đích có thể được công nhận nhằm mục đích đáp ứng những nhu cầu cần thiết, đặc biệt là trang trải một phần hoặc toàn bộ chi phí mua thực phẩm, thuốc thang và chữa bệnh, nhiên liệu sưởi, quần áo, đồ dùng gia đình cần thiết, tu sửa lật vạt trong nhà, và cả chi phí tang lễ. Trợ cấp mục đích có thể được công nhận bằng vé tín dụng.

7. Ai có quyền được chỗ ăn náu, ăn uống và quần áo?

Một người hoặc gia đình có quyền được chỗ ăn náu, ăn uống và quần áo cần thiết nếu như bị tước hết tất cả những cái đó. Cho chỗ ăn náu thực hiện bằng cách công nhận chỗ ngủ trong những nhà ngủ, ký túc xá, nhà cho người không nhà cửa và những chỗ khác cho mục đích đó. Công nhận quần áo cần thiết thực hiện bằng cách cung cấp cho người đang cần đồ lót, quần áo và giày dép thích ứng với nhu cầu cá nhân và thời vụ trong năm. Sự giúp đỡ nhất thời hoặc định kỳ bằng hình thức một suất ăn nóng một ngày cấp cho người mà tự mình cố gắng cũng không thể đảm bảo được cho mình.

8. Xin trợ cấp xã hội thế nào?

Trợ cấp xã hội được cấp theo kiến nghị của người quan tâm đến điều đó, đại diện pháp lý của người đó hoặc một người khác có sự đồng ý của người đó hoặc đại diện pháp lý của người đó. Trợ cấp xã hội có thể được cấp từ ủy ban. Trợ cấp xã hội cấp qua Trung tâm Trợ Cấp Xã hội đúng với chỗ ở của người xin. Điều đó có nghĩa là không thể đến bất cứ trung tâm trợ cấp xã hội nào.

Chương IX

Tác giả *Agata Forys*

Bảo vệ pháp lý – những vấn đề chọn lọc.

1. Hệ thống tòa án ở Ba Lan.

Theo Hiến chương Ba Lan, bất cứ ai nằm dưới quyền lực của chính quyền Cộng hòa Ba Lan (cả công dân Ba Lan cũng như người nước ngoài) có quyền được xử lý công bằng và rõ ràng việc của mình không có sự chậm trễ thiếu lý do qua tòa án thích hợp, không bị lệ thuộc, vô tư và độc lập. Quyền của mỗi người được xử lý công bằng và công khai sự việc trong thời hạn hợp lý qua tòa án độc lập và vô tư cũng được đảm bảo bởi Hiệp Định về bảo vệ quyền con người và quyền tự do cơ bản mà Ba Lan là thành viên.

1.1. Các loại tòa án.

Cơ quan thi hành Công bằng ở Ba lan là: Tòa án tối cao, Tòa án phổ thông, Tòa án hành chính và tòa án quân đội.

1.1.1. Tòa án tối cao (SN)

Tòa án Tối cao thi hành giám sát hoạt động của các tòa án phổ thông trong phạm vi phán quyết. Trong những việc hình sự thì Tòa án Tối Cao SN là tòa thẩm quyền xét hủy bản án, mà đó là hình thức chống án đối với bản án đã có hiệu lực của tòa án thượng thẩm kết thúc xử lý vụ việc. Pháp luật quy định những tình huống và các loại việc mà không được nộp đơn xin hủy bản án. Trong vụ việc dân sự thì hình thức tương đương là kiện hủy bản án, được phép kiện đối với bản án do tòa án cấp hai phán quyết trong một số loại việc hoặc đối với một số quyết định được pháp luật quy định. Xét hủy bản án và kiện hủy bản án phải được biên soạn bởi luật sư hoặc cố vấn pháp luật.

Tòa án Tối cáo không xem lại sự việc mà chỉ nghiên cứu xem tòa án phổ thông có áp dụng đúng pháp luật không khi đã ra phán quyết mà đã bị chống /kiện án.

1.1.2. Tòa án phổ thông-địa phương, vùng và thượng thẩm

Tòa án phổ thông là các tòa án địa phương, vùng và thượng thẩm. Các tòa án này thi hành công bằng trong phạm vi những việc không thuộc về thẩm quyền của những tòa án còn lại (Hành chính, quân đội và Tòa án Tối cao) và xử lý rất nhiều loại việc: dân sự, gia đình, trẻ em, những việc thuộc về lĩnh vực luật lao động và bảo hiểm xã hội, kinh tế, phá sản, việc phạt hình sự, phạt vi phạm nhỏ và hình phạt. Các tòa đó cũng làm các sổ chức bạ (sổ đỏ) và các danh bạ đăng ký. Các tòa án chia thành những phân viện phụ trách từng loại việc cụ thể, ví dụ phân viện dân sự, phân viện phạt, phân viện gia đình và trẻ em. Trong một số tòa án có phân viện những việc nhỏ, ở đó xét xử những vi phạm, và cả những việc phạt nhỏ và dân sự.

Quá trình xét xử tòa án gồm hai cấp, vậy nếu một người không hài lòng với việc xét xử của tòa án cấp một thì có thể nộp đơn khiếu nại, gọi là chống án trong trường hợp khiếu nại án, lên tòa án cấp hai. Tòa án cấp hai (xét khiếu nại) có thể vẫn giữ hiệu lực bản án hoặc thay đổi phán quyết bị khiếu nại, có thể hủy đi và chuyển sự việc về tòa cấp một để xét lại. Tòa án cấp một là tòa án địa phương và tòa án vùng – phụ thuộc vào loại sự việc.

Để việc xét xử có thể được bắt đầu trước tòa, cần thiết phải nộp văn bản kiện – đơn kiện, bản cáo trạng đến tòa án thích hợp. Đơn kiện có thể nộp trực tiếp cho tòa hoặc gửi bằng thư bảo đảm. Trong những việc dân sự tòa án thích hợp thường là tòa án theo chỗ ở của bên bị kiện, còn trong các việc phạt hình sự – theo tòa án nơi phạm pháp.

Tòa án Địa phương có ở tất cả các địa phương lớn. Ở những thành phố lớn, ví dụ Vác sa va, Lodz hay Krakow có mấy tòa địa phương, được thành lập cho một hoặc vài quận, hoạt động. Tòa án địa phương là tòa án cấp một trong tất cả các vụ việc mà không được dành riêng cho tòa án vùng. Ví dụ đó là những việc liên quan đến quyền lợi tài sản khi giá trị tranh chấp không vượt 75 000 z-lô-ti, về tiền nuôi con, các loại phạm pháp – trộm cắp, đánh nhau, và tất cả các vi phạm nhỏ.

Tòa án vùng có ở những thành phố lớn. Các tòa đó đồng thời vừa là tòa án cấp hai (xét những hình thức khiếu nại đối với những phán quyết của tòa án địa phương) và là tòa án cấp một, ví dụ trong các việc tội phạm nặng nhất, quyền tác giả, quyền tài sản khi giá trị tranh chấp vượt 75 000 z-lô-ti, li dị, li thân, nhận con nuôi, nhận đỡ đầu người không có khả năng pháp lý

Tòa án thượng thẩm chỉ là các tòa án cấp hai và xét những khiếu nại đối với những phán quyết của các tòa án vùng cấp ở giai đoạn sơ thẩm. Có 11 tòa thượng thẩm.

Chú ý: ngôn ngữ hành chính trước các tòa án phổ thông là tiếng Ba Lan. Người không nói tiếng Ba Lan ở mức cần thiết có quyền trình bày trước tòa bằng thứ tiếng mình biết và được sử dụng phiên dịch không mất tiền. Danh sách đầy đủ các tòa án phổ thông có địa chỉ và các số điện thoại có thể tải từ trang internet của Bộ Tư Pháp (www.ms.gov.pl).

Các Tòa án hành chính thi hành kiểm tra hoạt động hành chính công cộng dưới phương diện đúng như pháp luật. Các tòa án đó thích ứng trong nhiều việc liên quan đến cư trú của những người nước ngoài ở Ba Lan, như giấy phép cư trú hoặc trục xuất. Quá trình xét xử trước tòa hành chính là gồm hai cấp.

1.1.3. Các tòa án hành chính tỉnh (WSA)

Các tòa án hành chính tỉnh, ở Ba Lan có 14 tòa án đó, là những tòa án cấp một và xét đơn kiện quyết định của các cơ quan hành chính, nếu như trong việc đó đã hết những hình thức cho phép kháng nghị. Điều đó thường liên quan đến quyết định hoặc quyết nghị do cơ quan hành chính cấp hai cấp, và cả sự chậm trễ của các cơ quan hành chính. Đơn kiện cần nộp lên tòa án thích hợp đúng với trụ sở của cơ quan hành chính, nơi đã cấp quyết định hoặc quyết nghị bị kiện, ví dụ trong trường hợp kiện đối với quyết định của Giám đốc Ủy ban Những việc của Người nước ngoài có trụ sở ở Vác sa va thì tòa thích hợp sẽ là Tòa Án Hành chính ở Vác sa va (viết tắt là WSA).

Tòa án hành chính không thể thay đổi quyết định bị kiện, nhưng có thể không công nhận đơn kiện (nếu như công nhận là quyết định đã được cấp phù hợp với pháp luật), có thể lưu ý đến đơn kiện và hủy quyết định hoặc quyết nghị (vụ việc lúc đó cơ quan hành chính lại xét lần nữa) hoặc khẳng định là quyết định/quyết nghị không có giá trị hoặc khẳng định là đã được cấp với sự vi phạm luật pháp.

Được quyền kiện hủy quyết định đối với bản án hoặc quyết định kết thúc vụ việc do Tòa Án Hành chính Tỉnh ban hành lên Tòa An Hành chính Cao nhất (NSA). Đơn đó phải do luật sư hoặc cố vấn luật biên soạn.

1.1.4. Tòa án quân đội.

Tòa án quân đội là tòa án vùng và đơn vị. Các tòa án này xét xử các tội do binh lính và cán bộ quân đội vi phạm.

2. Phạm pháp.

2.1. Tôi có thể làm gì khi là nạn nhân của việc phạm pháp?

Phát hiện tội phạm và truy bắt thủ phạm do cảnh sát và viện kiểm sát làm, không phụ thuộc vào điều nạn nhân là người Ba Lan hay người nước ngoài. Vì thế nếu ai bị thành nạn nhân của việc phạm pháp thì cần thông báo về điều đó cho cảnh sát hoặc viện kiểm sát. Thông tin đó gọi là thông báo về việc phạm pháp. Thông báo đó có thể tùy trình bày bằng: lời (ví dụ điện thoại hoặc đích danh thông báo trong đồn cảnh sát hay đến viện kiểm sát- người khai lúc đó được phỏng vấn với tư cách nhân chứng, và nội dung cuộc nói chuyện phải được lập biên bản) hoặc viết trên văn bản (văn bản kể lại sự việc có thể gửi bưu điện hoặc để lại trong đồn cảnh sát hay viện kiểm sát. Nếu người bị thiệt hại không biết tiếng Ba Lan, các cơ quan truy bắt bắt buộc phải dịch lời khai miệng hoặc văn bản ra tiếng Ba Lan.

2.2. Những loại phạm pháp và tiếp theo hậu quả của nó là gì ?

Cần nhớ rằng không phải trong mọi trường hợp bản thân thông báo về việc phạm pháp đã đủ để bắt đầu xử lý. Điều đó gắn liền với chia loại phạm pháp tùy theo cách truy bắt, theo đó chúng ta phân biệt:

- **Những phạm pháp bị truy bắt từ chính quyền** – đó là những phạm pháp mà cảnh sát và viện kiểm sát có trách nhiệm truy bắt, nếu như thông tin về việc phạm pháp đó đã đến các cơ quan đó bằng cách nào đó (từ chính người bị thiệt hại, nhân chứng sự việc, qua phương tiện truyền thông). Trong hạng mục này gồm hầu hết các việc phạm pháp, ví dụ giết người, đánh phá, đánh người, làm khổ người khác, buôn người, hối lộ, và cả những tội gọi là phạm pháp vì thù hằn (gây ra cho những người vì lý do dân tộc, chủng tộc, tín ngưỡng, và tương tự như vậy). Trong trường hợp đó chỉ cần thông báo về việc phạm pháp – người bị thiệt hại không phải làm những hành động tiếp tục để các cơ quan truy bắt bắt đầu tiến hành xác minh sự việc .

- **Những phạm pháp bị truy theo kiến nghị** – trong trường hợp loại phạm pháp này cần thiết phải có kiến nghị của người bị thiệt hại yêu cầu truy bắt, đó là kiến nghị mà từ đó thấy là người bị thiệt hại muốn các cơ quan truy bắt xử lý việc của mình. Không có kiến nghị của người bị thiệt hại thì cảnh sát và công tố viên không thể tiến hành bất cứ hành động gì để làm sáng tỏ sự việc, ngược lại sau khi nộp kiến nghị đó thì vụ việc được tiến hành hết như trường hợp phạm pháp bị truy bắt từ chính quyền. Những phạm pháp thuộc loại bị truy bắt theo kiến nghị là, chẳng hạn hiếp dâm, lợi dụng sinh lý đối với người bất lực, thần kinh, bị lệ thuộc hoặc đang trong tình huống khủng hoảng, đe dọa, cố tình không trả tiền nuôi con, làm hủy hoại hoặc hư hỏng đồ vật của người khác, làm người khác bị nhiễm vi rus HIV, bệnh da liễu, bệnh lây, bệnh không chữa được và đe dọa tính mạng, và cả những phạm pháp khác nếu như đã bị vi phạm và làm thiệt hại cho người thân nhất, ví dụ trộm cắp, trộm cắp cùng phá cửa vào nhà, lừa đảo, làm tổn hại cơ thể hoặc gây ra rối loạn sức khỏe trong thời gian lâu hơn 7 ngày.
- **Phạm pháp bị truy từ việc tố cáo cá nhân** – cảnh sát và công tố viên không truy bắt những loại phạm pháp này vì nói chung mức độ gây tai hại không đáng kể. Thông báo về vi phạm hành vi như thế không làm cho các cơ quan truy bắt tiến hành xử lý. Chỉ trong trường hợp đặc biệt công tố viên có thể tiến hành hoặc tham gia vào vụ việc đang diễn ra nếu như lợi ích xã hội đòi hỏi điều đó. Song theo nguyên tắc thì nếu người bị thiệt hại muốn dẫn đến quy phạt tội phạm thì tự mình phải nộp bản cáo trạng cá nhân lên tòa. Loại phạm pháp đó, thường gọi là tội bị kiện cá nhân, không có nhiều, đó là: làm thương tích cơ thể hoặc gây ra rối loạn sức khỏe trong thời gian lâu hơn 7 ngày, vu khống, xúc phạm và vi phạm quyền bất khả xâm phạm cơ thể.

2.3. Từ đâu có thể biết là cảnh sát có xử lý việc được thông báo ?

Trong vòng 6 tuần từ lúc nộp thông báo về việc phạm pháp, người đã nộp thông báo đó phải được thông báo về việc bắt đầu hoặc từ chối bắt đầu xử lý vụ việc bởi cảnh sát và công tố viên. Trong trường hợp không có thông tin như thế thì người đó có quyền nộp khiếu nại lên công tố viên cấp trên hoặc được cử ra để giám sát cơ quan mà ở đó đã được nộp thông báo. Thông tin về công tố viên thụ lý vụ việc hay giám sát quá trình vụ việc, cũng như thủ trưởng của họ có thể lấy được ở viện kiểm sát thích ứng. Tuy vậy cần nhớ là vụ việc do cảnh sát và công tố viên thụ lý gọi là vụ việc chuẩn bị, không phải là công khai và các cơ quan điều tra không thông báo ngay cho ai, trong đó có người thông báo về việc phạm pháp, về hành trình của vụ việc.

Nếu như các cơ quan điều tra từ chối bắt đầu xử lý, tức là không truy tìm thủ phạm (ví dụ khi thủ phạm là người thần kinh không bình thường hoặc bị chết, mức độ tai hại xã hội không đáng kể, hoặc thiếu những bằng chứng đầy đủ về việc vi phạm của thủ phạm), thì người bị thiệt hại có thể nộp khiếu nại đối với quyết định về việc đó.. Hướng dẫn về vấn đề thời hạn và cách nộp khiếu nại phải được ghi trong quyết định.

Quá trình xử lý chuẩn bị kết thúc cùng với khi nộp lên tòa bản cáo trạng. Kể từ lúc đó việc đó sẽ diễn ra trước tòa án. Trong những tình huống do pháp luật quy định thì việc xử lý có thể bị đình chỉ (cũng cùng vì những lí do đã cho phép từ chối bắt đầu xử lý vụ việc).

2.4. Người bị thiệt hại có thể có luật sư không và nếu như không có khả năng thuê sự trợ giúp đó thì cần làm gì?

Trong quá trình xử lý trước cảnh sát, công tố viên và tòa án người bị thiệt hại có thể được luật sư đại diện và giúp đỡ, người đó đóng vai trò của **người được ủy quyền**¹⁸. Người được ủy quyền hành động thay mặt người bị thiệt hại và có những quyền như người bị thiệt hại. Nếu như người đó không đủ khả năng trả tiền cho người được ủy quyền tự chọn thì có thể đưa lên tòa án đơn xin chỉ định người được ủy quyền của nhà nước, người được ủy quyền này sẽ giúp đỡ cho người bị thiệt hại không mất tiền. Để tòa án đồng ý với đơn đó cần thỏa mãn hai điều kiện:

- 1) Không dùng người được ủy quyền tự chọn,
- và
- 2) Không thể chịu được gánh nặng chi phí đại diện đó để không bị ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng bản thân và gia đình. Điều đó có nghĩa là không chỉ những người không có thu nhập gì cả có thể có được sự giúp đỡ đó. Cả khi nếu người đó tuy là có một khoản tiền song việc thuê luật sư làm cho người đó không có khả năng nuôi gia đình nữa, và khi đó việc chỉ định người được ủy quyền của nhà nước là có thể được.

2.5. Phạm pháp vì lòng căm thù là gì?

Theo pháp luật Ba Lan thì dùng bạo lực hoặc đe dọa trái phép hoặc xúi bẩy người khác dùng những điều đó đối với những người hay nhóm người vì lý do gắn bó dân tộc, chủng tộc, màu da, chính trị, tín ngưỡng hoặc vì lý do không có tín ngưỡng là bị phạt và được coi là một phạm pháp riêng. Súc phạm chỗ công cộng hoặc vi phạm quyền bất khả xâm phạm thân thể vì những lý do kể trên, và cả xúi bẩy lòng căm thù vì khác biệt dân tộc, chủng tộc, màu da, tín ngưỡng hoặc không có tín ngưỡng thì là phạm pháp. Các phạm pháp đó gắn với nhau về động cơ hành động, là những thành kiến và thù địch đối với người bị thiệt hại vì lý do xuất thân chủng tộc, màu da hoặc theo tín ngưỡng đạo giáo và vì vậy các phạm pháp đó gọi là phạm pháp vì lòng căm thù (tiếng anh là hate crimes). Những phạm pháp đó bị truy bắt từ chính quyền, và thủ phạm những điều đó bị đe dọa hình phạt cao hơn hình phạt cho cùng một hành vi phạm pháp nhưng không vì động cơ lòng căm thù. Vì thế quan trọng là để khi thông báo về phạm pháp thì thông báo rõ ràng cho các cơ quan điều tra biết là phạm pháp đó có liên quan đến màu da, xuất thân hoặc tín ngưỡng của người bị thiệt hại. Điều đó cho phép phân hạng pháp lý đúng hành vi phạm pháp, nhờ vậy thủ phạm sẽ phải chịu trách nhiệm vì phạm pháp vì lý do lòng căm thù, chứ không phải, ví dụ là đánh người „bình thường”.

Có thể coi là phạm pháp những việc xúc phạm tín ngưỡng, ví dụ xúc phạm biểu tượng hoặc chỗ liên quan đến một tín ngưỡng, có ý xấu làm cản trở việc tiến hành lễ nhà thờ ở chỗ công cộng hoặc của tổ chức tín ngưỡng khác được pháp luật công nhận và giới hạn quyền lợi của một người vì người đó thuộc một tín ngưỡng hay không có tín ngưỡng đó.

¹⁸ Là người được ủy quyền của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương hoặc tổ chức xã hội, và cả của một cơ quan có tính pháp nhân khác, đơn vị tổ chức không có tính pháp nhân và những người làm kinh doanh có cũng thể là có văn pháp luật- trong những việc tranh chấp về tài sản.

2.6. Người nước ngoài với tư cách bị tố cáo.

Người nước ngoài bị tình nghi hoặc bị tố cáo về phạm pháp có quyền được sử dụng sự giúp đỡ miễn phí của phiên dịch, nếu như không nói tiếng Ba Lan ở mức độ cần thiết. Điều đó có nghĩa là phiên dịch phải được gọi đến tất cả những công việc có sự tham gia của người bị tố cáo (ví dụ phỏng vấn), còn các quyết định về giới thiệu tội danh hoặc thay đổi tội danh, bản cáo trạng cùng những phán quyết được quyền kháng án hoặc kết thúc việc xử lý phải được trao tay cùng với bản dịch. Nếu phán quyết kết thúc việc xử lý không được kháng án thì có thể chỉ dịch khi tuyên cáo, nếu người bị tố cáo đồng ý.

Người bị tố cáo mà không đủ sức chịu chi phí cho người bào chữa tự chọn, cũng có quyền kiến nghị với tòa án cho người bào chữa của nhà nước, nếu như chứng tỏ đúng cách đòi hỏi là không thể chịu được chi phí để không làm thiệt hại đến việc nuôi bản thân và gia đình cần thiết.

3. Bảo vệ trước sự kỳ thị.

3.1. Kỳ thị là gì?

Kỳ thị đó là đối xử tồi hơn đối với một người so với đối xử với người khác cũng nằm trong hoàn cảnh tương tự. Ví dụ một người được ông chủ cho lương kém hơn những đồng nghiệp khác của mình, dù cũng có những trách nhiệm nhân viên, quyền hạn, thâm niên, v.v giống như những người kia. Kỳ thị cũng là việc từ chối hoặc gây khó dễ cho một người được tiếp cận đến công việc, học hành, dịch vụ hay các phúc lợi xã hội. Lý do kỳ thị có thể khác nhau: chủng tộc xuất thân, hoặc màu da của người đó, tín ngưỡng, giới tính, xu hướng tình dục, v.v. Trong những trường hợp kể trên chúng ta tiếp cận với sự kỳ thị trực tiếp. Tuy vậy còn tồn tại kỳ thị gián tiếp – điều đó chúng ta tiếp cận khi nhìn ngoài thì những điều kiện, chỉ tiêu hoặc thực tế có vẻ trung gian những kết quả là không có lợi cho một người hoặc một nhóm. Ở đây nói về chỉ tiêu mà không có lý do khách quan. Ví dụ: chỉ tiêu tuổi tác khi cấp bằng lái xe (chỉ cấp cho những ai đủ tuổi thành niên) là có lý do, còn chỉ tiêu sở hữu (chỉ cấp bằng lái xe cho những ai có xe riêng) là không có lý do.

Theo Hiến Chương Ba Lan thì tất cả mọi người là bình đẳng trước pháp luật và có quyền được chính quyền đối xử như nhau. Không ai có thể bị kỳ thị vì bất cứ lý do gì trong cuộc sống chính trị, xã hội hoặc kinh tế. Mỗi người đang dưới quyền lực của chính quyền Cộng hòa Ba Lan có quyền sử dụng quyền lợi và tự do được Hiến Chương đảm bảo. Có thể có các ngoại lệ trong nguyên tắc đó đối với những người nước ngoài, nhưng những ngoại lệ đó phải được xác định trong pháp luật.

3.2. Kỳ thị trong việc làm.

Bộ luật lao động rõ ràng đưa vào điều cấm kỳ thị trực tiếp và gián tiếp trong việc tuyển dụng vì lý do giới tính, tuổi tác, độ tàn tật, màu da, đạo giáo, dân tộc, quan điểm chính trị, tham gia công đoàn, xuất thân chủng tộc, tín ngưỡng, xu hướng tình dục, và cả vì lý do tuyển dụng trong thời gian cụ thể hay vô thời hạn hoặc cả biên chế hay không cả biên chế.

Bộ luật nêu ra một trong những biểu hiện của sự kỳ thị là quấy rối, có nghĩa là cách đối xử mà hậu quả của nó là phạm đến lòng tự trọng hay sức phạm hoặc làm nhục nhân viên cùng với cử chỉ không chấp nhận được với tính chất tinh dục, có nghĩa là quấy rối tình dục.

Việc vi phạm nguyên tắc đối xử bình đẳng trong tuyển dụng là ông chủ/chủ công việc làm khác đi hoàn cảnh của nhân viên vì một hoặc vài lý do đã kể trên, mà hậu quả của nó là, chẳng hạn từ chối hoặc giải thể mối quan hệ lao động, tạo bảng lương bất lợi cho công việc hoặc các điều kiện tuyển dụng khác, bị bỏ qua khi nâng cấp hoặc khi công nhận những lợi ích liên quan đến công việc- trừ phi là ông chủ/chủ công việc chứng minh là đã hành động với những lý do khách quan.

Trong nguyên tắc đó có những ngoại lệ. Không bị coi là kỳ thị những hoạt động của ông chủ/chủ công việc, ví dụ vì từ chối tuyển dụng vì những lý do kể trên, nếu như điều đó có lý do vì loại công việc, các điều kiện thực hiện công việc đó hoặc đòi hỏi nghề nghiệp quy định với nhân viên, và cả việc áp dụng những hình thức phân biệt tình trạng pháp lý vì lý do bảo vệ cha mẹ, tuổi tác hoặc mức độ tàn tật của nhân viên. Nguyên tắc đối xử bình đẳng cũng không bị vi phạm khi kỳ thị có lợi, có nghĩa là phân biệt để nhằm mục đích cân bằng khả năng cho một người/một nhóm đang ở trong tình trạng xấu hơn. Cũng không phải là kỳ thị khi phân biệt nhân viên vì lý do tôn giáo, nếu vì loại và tính chất công việc đó thì tôn giáo và tín ngưỡng của nhân viên là yếu tố quan trọng, có lý do nghề nghiệp đòi hỏi.

Ngòai ra mỗi nhân viên có quyền được lương như nhau cho một công việc như nhau hoặc cho công việc có giá trị như nhau, có nghĩa là công việc đòi hỏi trình độ nghề nghiệp ngang nhau cùng với trách nhiệm và nỗ lực như nhau.

3.3. Bằng cách gì người bị kỳ thị có thể đòi quyền của mình?

Người đã bị ông chủ / công ty vi phạm nguyên tắc đối xử bình đẳng trong việc tuyển dụng có quyền đòi bồi thường với mức không ít hơn lương tối thiểu cho công việc. Điều quan trọng là việc nhân viên sử dụng những quyền của mình vì lý do vi phạm nguyên tắc đối xử bình đẳng không thể là lý do để ông chủ giải thể mối quan hệ lao động/đuổi việc.

Nhân viên có khả năng sử dụng giàn xếp hòa giải, đó là cách giải quyết sự việc thuận tình đôi bên. Bồi thường cũng có thể đòi qua tòa án, khi đó gửi đơn kiện ông chủ/ công ty lên tòa. Đơn kiện cần phải gửi tới tòa án đúng với chỗ ở của ông chủ (nếu là một người thường), của công ty (nếu đây là công ty pháp nhân, ví dụ công ty trách nhiệm HH) hoặc cho tòa án nơi công việc đó đã làm hoặc đang làm. Các việc liên quan đến kỳ thị trong tuyển dụng do các phân viện lao động trong các tòa án địa phương (tòa án lao động)¹⁹ xét xử. Được quyền kháng án lên tòa án vùng đối với bản án của tòa án địa phương.

Trong vụ việc trước tòa án, người bị kỳ thị có thể tự mình tham gia hoặc qua người được ủy quyền, người được ủy quyền không những có thể là luật sư mà còn có thể là

¹⁹ Trừ tình huống khi giá trị đối tượng tranh chấp vượt quá 75 000. Khi đó tòa án cấp một là tòa án vùng, còn tòa án cấp hai là tòa án thượng thẩm.

những người thân nhân nhất (bố mẹ, vợ/chồng, anh chị em, người nối dõi và những người đang quan hệ nhận con nuôi với đương sự cùng với người cùng tham dự tranh chấp, đại diện công đoàn nghề nghiệp, thanh tra lao động hoặc nhân viên của xí nghiệp nơi đương sự bị kỳ thị đã làm việc hay đang làm việc.

Nhân viên trong đa số các trường hợp được miễn lệ phí tòa án, ví dụ cho đơn kiện. Điều đó sẽ khác khi người đó đòi phán quyết đối với ông chủ/ công ty số tiền cao hơn 50000 z-lô-ti- lúc đó cần phải nộp lệ phí là 10% số tiền đòi hỏi. Nhân viên cũng phải nộp lệ phí khi đưa đơn kháng án, nhưng tiền này không lớn quá (hiện nay là mấy chục z-lô-ti). Ngoài các lệ phí đó, trong quá trình xét xử cũng phải chi các khoản khác (ví dụ tiền nhân chứng trình diện, thù lao của chuyên gia và phiên dịch). Nếu nhân viên thua kiện thì sẽ phải chịu những chi phí đó.

Các vấn đề liên quan đến kỳ thị trong việc làm cũng có thể thông báo đến Thanh Tra Lao động Quốc gia, đó là cơ quan giám sát và kiểm tra việc thi hành luật lao động.

Các Cục Thanh tra Vùng cung cấp tư vấn pháp luật giúp trong phạm vi luật lao động, và cả trợ giúp tư vấn qua điện thoại cho những việc liên quan đến kỳ thị. Dư liệu để liên hệ có trên trang internet của Thanh Tra Lao động Quốc gia (www.pip.gov.pl).

3.4. Bằng cách gì nạn nhân của sự kỳ thị không liên quan đến việc tuyển dụng có thể đòi quyền của mình?

Một số biểu hiện kỳ thị theo pháp luật Ba Lan là phạm pháp và vì thế bị truy bắt trong quá trình xét xử phạt hình sự (xem điểm 2.5 chương này). Ngoài ra có thể đòi quyền của mình trong vụ việc kiện dân sự, mà theo như nguyên tắc chung thì bất cứ ai, khi quyền lợi cá nhân bị xâm phạm, có thể đòi bồi thường hoặc bù đắp những tổn hại đã phải chịu hoặc thiệt thòi, và cũng có thể đòi tu sửa hư hỏng do người đó vì lỗi của mình gây ra.

4. Đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người.

4.1. Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người là gì và phụ trách những gì?

Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người (ETPC) là tòa án quốc tế, hoạt động trong phạm vi hệ thống Hội đồng Châu Âu – đó là tổ chức quốc tế bao gồm 47 nước. Trụ sở của Hội đồng thẩm phán ở Strasbourg ở Pháp. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm phán là đảm bảo chấp hành những quyết định của Hiệp ước về bảo vệ quyền con người và những tự do cơ bản, được gọi là Hiệp ước Châu Âu Quyền con người (EKPC) cùng với các biên bản của Hiệp cùng các nước là các bên của Hiệp ước²⁰. Nhiệm vụ đó được thực hiện trước hết là qua xét xử những đơn kiện liên quan đến xâm phạm quyền và tự do đã được ghi trong Hiệp ước và các biên bản của Hiệp ước.

20 Tất cả các nước trong Hội đồng Châu Âu là thành viên của Hiệp ước EKPC, nhưng một số nước trong đó không chấp nhận tất cả các biên bản của Hiệp ước. Danh sách các chữ ký và phê chuẩn có trên trang internet của Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người: www.echr.coe.int

4.2. Ai có thể nộp đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người (ETPC)?

Bất cứ ai, nhóm người, và cả cơ quan pháp nhân có thể nộp đơn kiện, nếu như coi mình là nạn nhân của việc xâm phạm các quyền đã có trong Hiệp ước hoặc trong các biên bản kèm theo của Hiệp ước cùng các nước thành viên Hiệp ước. Điều đó có nghĩa là cả người nước ngoài không phải là công dân của một trong các nước tham gia Hiệp ước, có thể nộp đơn kiện về xâm phạm các quyền hoặc tự do của mình bởi nhà nước Ba Lan trong phạm vi lãnh thổ của mình (có nghĩa là theo nguyên tắc trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan)

4.3. Đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người liên quan đến gì?

Đơn kiện chỉ liên quan đến hoạt động hoặc không hoạt động của chính quyền nhà nước, ví dụ của các cơ quan hành chính, tòa án hay nhân viên cảnh sát, chứ không phải là quyền của một người bị xâm phạm do những người khác gây ra hoặc các cơ quan tư nhân gây ra. Ngoài ra Hội đồng thẩm phán chỉ xem xét những việc xâm phạm các quyền và tự do được đảm bảo trong Hiệp ước EKPC và các biên bản của hiệp ước. Đó là quyền sống, tự do và an toàn cá nhân, quyền được kiện tụng công minh qua tòa, quyền được tôn trọng cuộc sống cá nhân và gia đình, tự do suy nghĩ, lương tâm và tín ngưỡng, phát biểu ý kiến, tụ tập và hiệp hội, quyền được có hình thức thực sự hợp lý để khiếu nại, quyền được tôn trọng tài sản, cấm tra tấn và đối xử không nhân đạo hoặc sỉ nhục hoặc phạt, cấm nô lệ và ép buộc làm việc, cấm kỳ thị với sự lợi dụng tự do và quyền đã ghi trong Hiệp ước, cấm trục xuất ồ ạt cả nhóm người nước ngoài.

4.4. Những điều kiện thủ tục gì phải thỏa mãn đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người ?

1) Đòi hỏi đã hết khả năng khiếu nại trong nước

Hội đồng thẩm phán có thể xem xét sự việc chỉ khi mà bên kiện đã sử dụng các hình thức khiếu nại thích ứng theo pháp luật Ba Lan dự tính. Điều đó có nghĩa là theo nguyên tắc thì gửi sự việc lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người cần nộp:

- kháng án và kiện hủy án (nếu được quyền đó) trong những việc dân sự,
- chống án và kiện hủy án (nếu được quyền) trong những việc phạt hình sự,
- khiếu nại lên cơ quan cấp hai, đơn kiện lên tòa án hành chính tỉnh trong những việc hành chính.

2) Thời hạn

Đơn kiện phải nộp trong vòng **sáu tháng** kể từ ngày cơ quan trong nước ra quyết định cuối cùng trong vụ việc. Trong nguyên tắc đó không có ngoại lệ, còn thời hạn không thể xin quay trở lại.

3) Sự việc trước chưa được Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người hoặc tòa án quốc tế khác xem xét

Sự việc không thể giống như sự việc mà đã được xét xử qua Hội đồng thẩm phán hoặc giống sự việc đã được đưa đến xem xét giải quyết theo thủ tục quốc tế khác, nếu như đơn kiện không có những thông tin mới, quan trọng.

Nếu như bất cứ một thủ tục nào không được thỏa mãn thì Hội đồng thẩm phán không xét đơn kiện và coi là không được phép. Quyết định của Hội đồng thẩm phán không kháng được nữa.

4.5. Bằng cách gì cần đưa đơn kiện?

Đơn kiện có thể tự biên soạn hoặc qua người được ủy quyền, còn việc nộp đơn kiện không mất tiền. Trong đơn cần phải giới thiệu những sự kiện và phân nàn quan trọng nhất và chỉ ra các quyền hoặc tự do đã bị xâm phạm. Đơn kiện phải ký. Cần phải nộp theo mẫu đơn chính thức, kèm theo phải có phô tô copy những quyết định, phán quyết quan trọng cho sự việc và gửi bưu điện trực tiếp đến địa chỉ của Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người²¹. Đơn kiện có thể làm bằng bất cứ tiếng gì của các nước thành viên tham gia Hiệp ước, vậy thì bằng tiếng Ba Lan, nhưng cũng có thể, ví dụ bằng tiếng Nga, U-krai-na hoặc Ormian

4.6. Việc xét xử trước Hội đồng thẩm phán sẽ như thế nào?

Nếu như Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người chấp nhận là các đòi hỏi thủ tục đã được thỏa mãn, sẽ gửi cho chính phủ liên quan đến hoạt động hoặc không hoạt động bị kiện với đề nghị trình bày quan điểm về những phân nàn trong đơn. Đó là giai đoạn liên hệ của đơn kiện. Trong giai đoạn này vụ việc được tiến hành trong một thứ tiếng chính thức của Hội đồng thẩm phán, có nghĩa là tiếng Anh hoặc tiếng Pháp và theo nguyên tắc thì bên kiện phải liên lạc với Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người bằng một trong các thứ tiếng đó, trừ phi Giám đốc của Viện Tối cao hoặc Viện Tối cao cho phép đương sự tiếp tục vụ việc bằng thứ tiếng mà đơn đã được viết. Ngoài ra bên kiện phải lập người được ủy quyền (luật sư, cố vấn pháp lý), người sẽ đại diện cho mình trước Hội đồng thẩm phán. Nếu bên kiện không có đủ tiền để trang trải toàn bộ hoặc một phần chi phí của vụ việc, Giám đốc Viện của Hội đồng thẩm phán thích ứng có thể công nhận cho bên kiện, theo như đơn đề nghị của bên kiện hoặc từ hội đồng, sự giúp đỡ pháp lý miễn phí. Nếu Hội đồng thẩm phán khẳng định là đã xảy ra việc xâm phạm Hiệp ước hoặc các biên bản của Hiệp ước bởi chính phủ đó, sẽ ra bản án khẳng định sự xâm phạm và công nhận sự bồi thường có lý cho bên bị thiệt hại. Đó là một số tiền để bù đắp sự mất mát đã bị vì việc quyền bị xâm phạm. Bởi vì Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người không phải là cơ quan xét khiếu nại, nên không thể thay đổi hay hủy quyết định hoặc bản án của chính quyền trong nước. Cũng không thay đổi được quy định pháp luật mà trên cơ sở đó đã ra quyết định xâm phạm quyền con người. Bản án của Hội đồng Thẩm phán Châu Âu về quyền con người do Hội đồng các bộ trưởng Hội đồng Châu Âu chịu trách nhiệm thi hành.

21 European Court of Human Rights, Council of Europe, 67075 Strasbourg-Cedex, France.

5. Người phát ngôn quyền công dân.

5.1. Người phát ngôn quyền công dân là ai và phụ trách việc gì?

Người phát ngôn quyền công dân (RPO) là cơ quan bảo vệ pháp lý, độc lập trong hoạt động của mình và không lệ thuộc vào các cơ quan nhà nước khác. Nhiệm vụ của Người phát ngôn quyền công dân là đứng ra bảo vệ tự do và quyền con người và công dân được xác định trong Hiến chương và những văn bản pháp lý khác áp dụng ở Ba Lan. Trong những việc được xét Người phát ngôn quyền công dân xem xét hậu quả của sự hoạt động hay không hoạt động, có nghĩa là sự không hoạt động của các cơ quan, tổ chức và vụ việc có trách nhiệm chấp hành và thực hiện tự do và quyền con người và công dân có xảy ra xâm phạm quyền hay nguyên tắc cùng chung sống và công bằng xã hội không.

Người phát ngôn quyền công dân có sự hỗ trợ của những người thay thế trong việc thực hiện những nhiệm vụ được giao, văn phòng của Người phát ngôn quyền công dân, và cả của ba Người ủy quyền Địa phương: ở G-dań-sk, Ka-to-wi-ce và Wro-claw.

5.2 Người nước ngoài có thể được sự giúp đỡ của Người phát ngôn quyền công dân không?

Người nước ngoài đang ở dưới quyền lực của chính quyền Cộng hòa Ba Lan – trong thực tế là người nước ngoài đang ở Ba lan- có thể đến xin Người phát ngôn quyền công dân giúp.

Trong văn phòng của Người phát ngôn quyền công dân thì các việc của người nước ngoài do Nhóm Hành chính Công cộng, Y tế và Bảo vệ Quyền của Người nước ngoài phụ trách. Trong thẩm quyền của nhóm đó có các việc liên quan đến, chẳng hạn:

- Quyền của người nước ngoài liên quan đến sự cư trú của họ ở Ba Lan, tuyển dụng, bảo vệ y tế, học hành và đào tạo ở Ba Lan và xin quốc tịch Ba lan,
- Quyền của người tị nạn và những người xin cấp chứng nhận tị nạn,
- Quyền hồi hương,
- Chất lượng phục vụ ở biên giới và sự kiểm tra cửa khẩu.

5.3 Nộp đơn cho người phát ngôn quyền công dân thế nào và đơn cần ghi những gì?

Đơn nộp lên Người phát ngôn Quyền công dân có thể thay mặt cá nhân viết hoặc thay mặt người khác bị xâm phạm quyền. Đơn không đòi hỏi phải giữ hình thức cụ thể, nhưng phải có những thông tin chính mà sẽ cho phép Người phát ngôn xem nhận với vấn đề được trình bày, Đó là:

- Tên và họ của người nộp đơn cùng với của người mà tự do và quyền lợi đã bị xâm phạm và bằng cách gì bị xâm phạm – các đơn nặc danh sẽ không được xem xét,
- Địa chỉ để gửi thư từ liên hệ,
- Xác định đối tượng của sự việc- sự việc liên quan đến điều gì, quyền tự do gì và quyền gì bị xâm phạm và xâm phạm như thế nào,
- Phô tô copy những giấy tờ khẳng định những hoàn cảnh đã trình bày.

Đơn đó được miễn phí. Có thể gửi đơn qua bưu điện đến địa chỉ của Người phát ngôn hoặc điền tờ khai điện tử từ trang internet của Người phát ngôn.

5.4 Người phát ngôn hành động bằng cách gì?

Người phát ngôn xem nhận tất cả những đơn gửi đến cho mình, sau đó quyết định có phụ trách việc đó không. Người phát ngôn cũng có thể không xử lý vụ việc mà chỉ dừng lại ở hình thức chỉ ra cho người nộp đơn những phương tiện hoạt động hoặc là chuyển sự việc sang cơ quan theo đúng thẩm quyền. Người phát ngôn thông báo cho người liên quan đến sự việc về quyết định của mình. Pháp luật không quy định trong thời hạn nào Người phát ngôn cần phải trả lời. Không có quyền gì khiếu nại sự từ chối giải quyết sự việc của Người phát ngôn. Trong trường hợp nhận giải quyết sự việc thì Người phát ngôn Kiểm tra những sự kiện kê ra trong đơn. Người phát ngôn có thể tự tiến hành vụ việc hoặc đề nghị các cơ quan thích ứng khác xem xét, cũng có thể xem xét sự việc tại chỗ và đòi hỏi hồ sơ của sự việc hoặc thông tin về tình trạng của sự việc từ bất cứ cơ quan nào.

Sau khi xem xét sự việc Người phát ngôn có thể công nhận là trong sự việc này không xảy ra việc xâm phạm quyền và tự do của người chủ đơn. Ngược lại trong trường hợp khẳng định là quyền và tự do của chủ đơn đã bị xâm phạm thì Người phát ngôn có thể gửi diễn thuyết đến cơ quan, tổ chức hoặc vụ viện thích ứng, chỗ mà những xâm phạm nhân quyền như thế đã xảy ra hoặc gửi đến cơ quan cấp cao hơn các cơ quan đó. Trong diễn thuyết Người phát ngôn trình bày ý kiến và kết luận về cách giải quyết sự việc, và cũng có thể đòi hỏi bắt đầu vụ việc xử lý kỷ luật hoặc áp dụng hình thức phạt công vụ. Cơ quan, nơi nhận bản diễn thuyết phải thông báo cho Người phát ngôn muộn nhất là trong vòng 30 ngày về những hoạt động đã tiến hành hoặc quan điểm của mình.

Người phát ngôn có thể quyết định những hoạt động khác, ví dụ nộp đơn kiện hủy án hoặc đơn đòi hủy quyết định lên Tòa án Tối cao và đơn kiện lên Tòa án hành chính tỉnh hoặc Tòa án Hành chính Tối cao, đòi tiến hành xét xử trong vụ việc dân sự hoặc hành chính hoặc tham gia vào vụ việc đang diễn ra. Người phát ngôn cũng có thể đề nghị xem xét luật có đúng với Hiến chương không hoặc với đơn đề nghị sáng kiến lập pháp.

Trong mọi tình huống Người phát ngôn thông báo cho chủ đơn về những hoạt động đã tiến hành hoặc khẳng định là không xảy ra xâm phạm quyền và tự do con người.

5.5 Người phát ngôn không phụ trách điều gì?

Cần nhớ là Người phát ngôn không thay thế cho những cơ quan chức năng (các cơ quan hành chính, tòa án, v.v) để giải quyết bản chất của sự việc nằm trong thẩm quyền của những cơ quan đó, đặc biệt là khi quá trình vụ việc hành chính hay tòa án vẫn chưa kết thúc. Người phát ngôn không can thiệp vào tranh chấp giữa những cá thể, bởi vì mặt bằng hoạt động của Người phát ngôn là sự xâm phạm quyền và tự do bởi các cơ quan chính quyền công cộng.

Đơn gửi lên Người phát ngôn không thay thế cho những biện pháp khiếu nại bình thường, ví dụ chống án trong vụ việc phạt hình sự hay khiếu nại đối với quyết định hành chính bất lợi.

6 Người phát ngôn quyền của trẻ em

6.1 Người phát ngôn quyền của trẻ em là ai và phụ trách việc gì?

Người phát ngôn quyền của trẻ em (RPD) đứng giữ gìn quyền của trẻ em được xác định trong Hiến chương, Hiệp ước về quyền của trẻ em và những quy định khác của pháp luật, và cũng hoạt động để bảo vệ những quyền đó (đặc biệt là quyền sống và bảo vệ sức khỏe, quyền dạy dỗ gia đình, quyền có điều kiện sinh hoạt đầy đủ và quyền học hành). Người phát ngôn tiến hành những hoạt động dẫn đến bảo vệ trẻ em trước bạo lực, dã man, bóc lột, đòi truy, không được quan tâm và bị đối xử tồi tệ. Trẻ em được coi là một con người kể từ khi bắt đầu được thụ thai đến khi đủ tuổi thành niên. Điều đó có nghĩa là trẻ em người nước ngoài hoặc bố mẹ của chúng có thể xin Người phát ngôn giúp đỡ.

6.2 Bằng cách gì có thể liên hệ được với Người phát ngôn

Để xin sự giúp đỡ của Người phát ngôn cần liên hệ với Văn phòng của Người phát ngôn quyền của trẻ em bằng thư, điện thoại hay qua bưu điện điện tử. Cũng có thể thông báo sự việc trực tiếp tại Văn phòng.

Ngoài ra Người phát ngôn có số Điện thoại Tin Cây (0 800 12 12 12 – đó là số không mất tiền gọi từ máy tương). Số đó được hình thành với ý tưởng cho trẻ em, những cháu có vấn đề, không tự khắc phục được, và không biết có thể cầu ai giúp đỡ. Những người lớn cũng có thể sử dụng số đó khi biết về vấn đề của đứa trẻ và muốn thông báo.

6.3 Bằng cách gì Người phát ngôn hoạt động

Cách hoạt động của Người phát ngôn quyền của trẻ em dưới nhiều điểm tương tự như Người phát ngôn Quyền Công dân (xem điểm 5 chương này), nhưng phạm vi hoạt động cho phép của Người phát ngôn quyền của trẻ em hẹp hơn.

Người phát ngôn tiến hành hoạt động theo sáng kiến của mình, lưu ý đến những thông tin đã đến với mình và chỉ ra việc xâm phạm quyền hoặc lợi ích của trẻ em. Trong mọi trường hợp Người phát ngôn quyền của trẻ em thông báo cho người hoặc tổ chức mà đã thông báo về việc xâm phạm quyền hoặc lợi ích của trẻ em về quan điểm của mình và trong trường hợp tiến hành hoạt động – về những hiệu quả. Các quy định không xác định thời hạn mà Người phát ngôn quyền của trẻ em cần phải trả lời cho người đã thông báo, và cũng không dự phòng khả năng khiếu nại quan điểm của Người phát ngôn.

Người phát ngôn có thể xem xét mọi việc tại chỗ và đòi hỏi trình bày giải thích, cung cấp thông tin và cho tiếp cận hồ sơ từ các cơ quan chính quyền công cộng, các tổ chức và vụ viện khác. Các cơ quan đó có trách nhiệm cùng hợp tác với Người phát ngôn và cung cấp mọi sự giúp đỡ, thông tin và giải thích. Sau khi xem xét sự việc Người phát ngôn có thể kiến nghị đến cơ quan, tổ chức hay vụ viện thích ứng về việc tiến hành hoạt động cho trẻ em trong phạm vi thẩm quyền của mình. Các cơ quan đó có trách nhiệm thông báo cho Người phát ngôn quyền của trẻ em về những hoạt động đã tiến hành hay quan điểm của mình muộn nhất là trong vòng 30 ngày. Ngoài ra, trong trường hợp Người phát ngôn khẳng định có sự xâm phạm bởi những cơ quan đó quyền lợi của trẻ em thì có thể đòi hỏi tiến hành xử lý kỷ luật hoặc áp dụng hình phạt công vụ.

Người phát ngôn trên còn có một loạt quyền khác. Những quyền đó gần giống như những quyền của Người phát ngôn Quyền Công dân.

Chú ý: Người phát ngôn phụ trách những việc cá biệt nếu như những việc đó trước đây không được giải quyết bằng cách đúng đắn mặc dù đã sử dụng những khả năng pháp lý cho phép. Người phát ngôn không thay thế những cơ quan chuyên môn phụ trách việc bảo vệ quyền của trẻ em, nhưng can thiệp khi mà những thủ tục đã có đến nay hóa ra không có hiệu quả hoặc là bị từ bỏ.

Phụ lục 1

Các nhà thờ và tổ chức tín ngưỡng.

Nhà thờ Chính thống Độc lập Ba lan
Đường Al. Solidarności 52
03-402 Warszawa
tel. (022) 619-08-86

Nhà thờ Tin lành Cải cách tại Cộng hòa Ba lan
Đường Al. Solidarności 76a
00-145 Warszawa
tel. (022) 831-45-22

Nhà thờ Tin lành Augsburgski tại Cộng hòa Ba lan
Phố: ul. Miodowa 21
00-246 Warszawa
tel. (022) 887-02-00

Nhà thờ Tin lành Giám lý tại Cộng hòa Ba lan
Phố: ul. Mokotowska 12
00-561 Warszawa
tel. (022) 628-53-28

Nhà thờ Tin lành Thiên phú tại Cộng hòa Ba lan
Phố ul. Sienna 68/70
00-825 Warszawa
tel. (022) 624-85-75

Nhà thờ Chúa Gie su Phục sinh Ngày Thứ Bảy tại Cộng hòa Ba lan
Phố:ul. Foksal 8
00-366 Warszawa
tel. (022) 3131431

Nhà thờ Thiên chúa Rửa tội tại Cộng hòa Ba lan
Phố ul. Waliców 25
00-865 Warszawa
tel. (022) 624-27-83

Nhà thờ Cứu Thế Quân tại Cộng hòa Ba lan
03-735 Warszawa
phố: ul. Ząbkowska 38 lok.4/36

Nhà thờ Kitô giáo Ormian tại Cộng hòa Ba lan
90-638 Łódź
phố: ul. Piotrowska 182 m. 549

Phụ lục

Hiệp hội Đạo Hồi tại Cộng hòa Ba lan

Phố: ul. Grzybowa 42

15-052 Białystok

tel. (085) 664 35 16

Liên đoàn Hồi giáo tại Cộng hòa Ba lan

01-046 warszawa

phố ul. niska 25 m 43

Hiệp hội các xã tín ngưỡng Do thái tại Cộng hòa Ba lan

Phố ul. Twarda 6

00-950 Warszawa

tel. (022) 620-43-24

Hiệp Hội Đạo Phật Ba lan

96-313 Jaktorów

Grabnik 4

Hiệp hội Quốc Tế Tư tưởng của Krishna

05-500 Piaseczno Mysiadło

ul. Zakręt 11

Tháp Canh – Hiệp hội Nhân chứng Jehowy

05-830 Nadarzyn

ul. Warszawska 14

Phụ lục 2

Địa chỉ các ủy ban tỉnh.

Dolnośląski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Wrocław)

www.duw.pl

Pl. Powstańców Warszawy 1, 50-951 Wrocław;

tel.: (0-71) 344 22 15, 340 60 00.

Kujawsko – Pomorski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Bydgoszcz)

www.uwoj.bydgoszcz.pl

ul. Jagiellońska 3, 85-950 Bydgoszcz;

tel.: (0-52) 34 97 780.

Lubelski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Lublin)

www.lublin.uw.gov.pl

ul. Spokojna 4, 20-914 Lublin;

tel.: (0-81) 532 45 43.

Lubuski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Gorzów và Zielona Góra)

www.wojewodalubuski.pl

ul. Jagiellończyka 8, 66-400 Gorzów Wielkopolski;

tel.: (0-95) 720 22 10, 721 56 00.

Łódzki Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Łódź)

www.uw.lodz.pl

ul. Piotrkowska 104, 90-925 Łódź;

tel.: (0-42) 633 17 60, 632 90 40.

Małopolski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Kraków)

www.malopolska.uw.gov.pl

ul. Basztowa 22, 31-156 Kraków;

tel.: (0-12) 422 58 00, 616 02 00.

Mazowiecki Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Warszawa)

www.mazowsze.uw.gov.pl

Pl. Bankowy 3/5, 00-950 Warszawa;

tel.: (0-22) 620 13 97, 695 69 97.

Opolski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Opole)

www.opole.uw.gov.pl

ul. Piastowska 14, 45-082 Opole;

tel.: (0-77) 454 55 20, 452 41 00.

Podkarpacki Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Rzeszów)

www.rzeszow.uw.gov.pl

ul. Grunwaldzka 15, 35-959 Rzeszów;

tel.: (0-17) 862 30 32, 862 75 11.

Podlaski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Bia-ly-stok)
www.bialystok.uw.gov.pl
ul. Mickiewicza 3, 15-213 Białystok;
tel.: (0-85) 741 59 78.

Pomorski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh G-dan-sk)
www.uw.gda.pl
ul. Okopowa 21/27, 80-958 Gdańsk;
tel.: (0-58) 301 19 00, 307 70 11.

Śląski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Ka- to- wi-ce)
www.katowice.uw.gov.pl
ul. Jagiellońska 25, 40-032 Katowice;
tel.: (0-32) 255 40 37, 255 41 61.

Świętokrzyski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Kiel-ce)
www.kielce.uw.gov.pl
Al. IX Wieków Kielc 3, 25-516 Kielce;
tel.: (0-41) 344 29 56, 342 11 15.

Warmińsko – Mazurski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Ol-sztyn)
www.uw.olsztyn.pl
Al. Piłsudskiego 7/9, 10-959 Olsztyn
tel.: (0-89) 523-22-00

Wielkopolski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Po-znan)
www.poznan.uw.gov.pl
Al. Niepodległości 16/18, 61-713 Poznań;
tel.: (0-61) 854-10-71

Zachodniopomorski Urząd Wojewódzki (Ủy ban Tỉnh Sz-cze-cin)
zuw.szczecin.uw.gov.pl
Wały Chrobrego 4, 70-502 Szczecin;
tel.: (0-91) 430-32-00, 430-33-00, 430-33-15.

Phụ lục 3

Các cơ quan và các tổ chức giúp đỡ người nước ngoài

Biuro Rzecznika Praw Obywatelskich (Văn phòng Người Phát Ngôn Quyền Công Dân)

Aleja Solidarności 77

00-090 Warszawa

Tel: (022) 55 17 700

E-mail: rzecznik@rpo.gov.pl

Biuro Rzecznika Praw Dziecka (Văn phòng Người Phát Ngôn Quyền Trẻ em)

ul. Śniadeckich 10

00-656 Warszawa

Tel: (0 22) 696 55 45

E-mail: rpd@brpd.gov.pl

IOM Międzynarodowa Organizacja do Spraw Migracji

(Tổ chức Quốc Tế về Việc Di dân)

ul. Mariensztat 8, 00-302 Warszawa

tel: (022) 538 91 69

e-mail: iomwarsaw@iom.int www.iom.pl

Helsińska Fundacja Praw Człowieka (Tổ chức Bảo Vệ Quyền Con người Helsinki)

Ul. Zgoda 11

00-018 Warszawa

Tel: (022) 556 44 40

E-mail: hfhr@hfhrpol.waw.pl

Stowarzyszenie Interwencji Prawnej (Hội Can thiệp Pháp lý)

Aleja 3-go Maja 12 lok. 510

00-391 Warszawa

Tel: (022) 621 51 65

E-mail: interwencja@interwencjaprawna.pl

Fundacja Instytut na rzecz Państwa Prawa (Quỹ Tổ chức cho Nhà nước Pháp luật)

Ul. F. Chopina 14/70

20-023 Lublin

Tel: (0 81) 743 68 05

E-mail: fundacja@fipp.org.pl

www.fipp.org.pl

Ośrodek Migranta Fu Shenfu (Trung Tâm Cửa Người Di Dân Fu Shenfu)

Ul. Ostrobramska 98

04-118 Warszawa

Tel: (022) 610 02 52

E-mail: osrodek@migrant.pl

Phụ lục

Polskie Forum Migracyjne (Diễn đàn Di Dân Ba lan)

Ul. Orła Białego 44 a

05-080 Izabelin

Tel: (0) 605 888 753

E-mail: info@forummigracyjne.org

Polska Akcja Humanitarna (Hoạt Động Nhân Đạo Ba lan)

ul. Szpitalna 5 lok. 3

00-031 Warszawa

Tel. (0 22) 828-88-82

E-mail: pah@pah.org.p

Caritas (Tổ chức Từ Thiện Caritas)

Ul. Skwer Kard. Stefana Wyszyńskiego 9

01-015 Warszawa

Tel: 022 334 85 00

E-mail: Caritas@caritas.pl

Uniwersytecka Poradnia Prawna Uniwersytetu Jagiellońskiego (Phòng Tư vấn Pháp luật Đại học Tổng hợp Của Trường Tổng Hợp Jagiellonski)

Sekcja Praw Człowieka (Bộ phận Quyền Con người)

Al. Zygmunta Krasińskiego 18

30-101 Kraków

Tel: (012) 430 19 97

www.upc.uj.edu.pl/sekcja

Stowarzyszenie Praw Człowieka im. Haliny Niec (Hiệp hội Quyền Con Người mang tên Ha-li-na Niec)

Ul. Sobieskiego 7/3

31-136 Kraków

Tel: (012) 633 72 23

E-mail: Office@niecassociation.org

Fundacja „Ocalenie” (Quỹ „Cứu vớt”)

ul. Ordynacka 9 / 21 (II piętro)

00-384 Warszawa

Tel: +48 22 828 50 54

fundacja@ocalenie.org.pl

www.ocalenie.org.pl

Polski Czerwony Krzyż (Chữ Thập Đỏ Ba lan)

Ul. Mokotowska 14

Warszawa

Tel: (022) 326 12 00

www.pck.org.pl

Phụ lục 4

Các tổ chức của người nước ngoài

Polsko-Sudańskie Stowarzyszenie na rzecz Współpracy i Przyjaźni Nil-Wisła
(Hiệp hội Ba Lan – Su đăng vì Hợp tác và Hữu Nghị Nil-Wisla)

ul. Zwycięzców 19
03-936 Warszawa
tel. +48 695 572 282
e-mail: nil-wisla@o2.pl

Indian Association of Poland (Hiệp hội Ấn độ Ba lan)

ul. Chmielna 132/134
00-850 Warszawa
tel: (4822) 520 28 00
tel. kom.: (48) 602 666 666
www.iap.org.pl

Ośrodek Medytacyjny Stupa House (Trung tâm Luyện Tâm Stupa House)

ul. Ożarowska 65/67
Warszawa
tel: +4822 877 34 08
e-mail: biuro@fsh.pl

Fundacja Ormiańska KZKO (Quỹ Ormian KZKO)

ul. Broniewskiego 54/83
01-716 Warszawa
Adres korespondencyjny:
ul. Filtrowa 83 / 21
02-032 Warszawa
tel. (0) 696 586 108
e-mail: marta@fundacjaormianska.pl
www.fundacjaormianska.pl

Fundacja Afryka Inaczej (Quỹ Châu Phi Khác)

Email: fundacja@afryka.org
www.afryka.org/fundacja

Centrum Kultury Afrykańskiej Motema Africa (Trung Tâm Văn Hóa Châu Phi
Motema Africa)

Al. 3 Maja 16/18a
Warszawa
Tel. 501 053 716
Africana2006@yahoo.fr
AfricanCenter2007@yahoo.pl

Phụ lục

Towarzystwo Społeczno-Kulturalne Wietnamczyków w Polsce (Hội Văn hóa- Xã hội của những Người Việt tại Ba lan)

Ul. Marszałkowska 45

00-648 Warszawa

Phụ lục 5

Những hoàn cảnh là cơ sở cấp giấy phép tạm cư, theo pháp luật ra ngày 13 tháng sáu năm 2003 về người nước ngoài (Công báo năm 2003, số 128, mục 128 cùng những thay đổi sau này)

Điều. 53.

1. Giấy phép tạm cư cấp cho người nước ngoài mà:
 - 1) Có giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận của chủ công ty về ý định giao việc làm cho người nước ngoài nếu như giấy phép lao động không phải là bắt buộc;
 - 2) Dẫn hoạt động kinh doanh trên cơ sở các quy định hiện hành trong lĩnh vực này ở Cộng hòa Ba Lan, có lợi cho nền kinh tế quốc gia, và đặc biệt là dẫn đến tăng cường đầu tư, chuyên giao công nghệ, đưa vào những đổi mới hoặc tạo ra chỗ làm việc mới,
 - 3) Là người có tác phẩm nghệ thuật được công nhận có ý định tiếp tục hoạt động sáng tạo trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan,
 - 4) Tham gia những lớp học và thực tập nghề nghiệp được thực hiện trong phạm vi các chương trình của Liên minh Châu Âu,
 - 5) Có ý định sống cùng với thân nhân là nhân viên xuất khẩu lao động, được nói đến trong Thẻ Xã hội Châu Âu,
 - 6) Là vợ/chồng của công dân Ba Lan
 - 7) Là thân nhân gia đình của người nước ngoài, như nói ở điều 54, sang lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan hoặc đang ở trên lãnh thổ này với mục đích đoàn tụ với gia đình,
 - 8) Là con nhỏ tuổi của người nước ngoài sinh ra trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan, đang ở trên lãnh thổ này không có ai chăm sóc,
 - 9) Là vợ/chồng hoặc con đủ tuổi thành niên của người nước ngoài, như nói ở điều 54, và đã ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan ít nhất trong thời gian 5 năm trên cơ sở các giấy phép tạm cư được cấp vì những hoàn cảnh nói ở điểm số 7,
 - 10) Đang ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan trên cơ sở giấy phép tạm cư được cấp vì những hoàn cảnh nói ở điểm số 7, trong trường hợp góa vợ/ chồng, li dị, ly thân hay người thân nhân hoặc người nối dõi gần nhất chết, khi lý do là lợi ích đặc biệt quan trọng của người nước ngoài,
 - 11) Đang ở trên lãnh thổ hòa Ba Lan trên cơ sở giấy phép tạm cư được cấp vì những hoàn cảnh nói ở điểm số 6, trong trường hợp góa vợ/chồng hoặc li dị, khi lý do là lợi ích đặc biệt quan trọng của người nước ngoài,
 - 12) Là con nhỏ tuổi sinh ra trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan của người nước ngoài có giấy phép tạm cư

- 13) Có giấy phép cư trú dài hạn Châu Âu WE, do một nước thành viên khác của Liên minh Châu Âu cấp, và có ý định làm việc hoặc hoạt động kinh doanh trên cơ sở những quy định hiện hành trong lĩnh vực này ở Cộng hòa Ba Lan, bắt đầu học hay tiếp tục học đại học hoặc học nghề hoặc chứng minh là có những hoàn cảnh khác có lý do để sống trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan.
- 14) Là thành viên gia đình của người nước ngoài nói ở điểm 13, đã cùng ở với người đó trên lãnh thổ một nước thành viên Liên minh Châu Âu khác, đi cùng người đó hoặc muốn đoàn tụ với người đó,
- 15) Là nạn nhân việc buôn người hiểu như quyết định của Hội đồng ngày 19 tháng bảy năm 2002 về việc chống buôn bán người và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
 - a) Đang ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan,
 - b) Đã hợp tác với cơ quan thẩm quyền tiến hành xử lý về việc chống buôn bán người
 - c) Cắt quan hệ với những người bị tình nghi về vi phạm hành động bị cấm liên quan đến buôn bán người,
- 16) Sang lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan hoặc đang ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan với mục đích bắt đầu học hay tiếp tục đại học hệ chính quy hay nghiên cứu sinh trên lãnh thổ này, cũng cả trong trường hợp khi đã bắt đầu học đại học trên lãnh thổ một nước thành viên Liên minh Châu Âu khác và muốn tiếp tục học hay bổ xung thêm trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan .
- 17) Là nhà khoa học đến hay đang ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan với mục đích nghiên cứu khoa học trên cơ sở hợp đồng về nhận vào với mục đích thực hiện dự án nghiên cứu, ký kết với cơ sở khoa học được bộ trưởng phù hợp cho các việc khoa học duyệt .
- 18) Có giấy tờ cư trú, như nói ở trong điều 1 mục 2 điểm a. của sắc lệnh của Hội Đồng Châu Âu (WE) số 1030/2002 ra ngày 13 tháng sáu năm 2002 xác định một mẫu đồng nhất giấy tờ cư trú cho công dân các nước thứ ba (Công báo của UE L 157 ngày 15.06.2002 trang 1-7), cùng với ghi trú „nhà khoa học”, do một nước thành viên Liên minh Châu Âu khác cấp, nếu như hợp đồng về nhận vào với mục đích
- 19) Có quyền làm việc trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan trên những nguyên tắc được xác định trong những văn bản pháp lý do các cơ quan được lập ra trên cơ sở hiệu lực của Hiệp định thành lập hội giữa Cộng đồng Kinh tế Châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ, ký kết tại An-ka-ra ngày 12 tháng chín 1963 (Công báo WE L 217 ngày 29.12.1964, trang 3687) – nếu như hoàn cảnh là cơ sở xin giấy phép đó, cho lý do để ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan trong thời gian dài hơn 3 tháng.

Điều. 53a.

1. Giấy phép tạm cư có thể cấp cho người nước ngoài khi:
 - 1) Định bắt đầu hay tiếp tục:
 - a) Học
 - b) Học nghề.
 - 2) Vì mối quan hệ gắn bó có tính chất gia đình có ý định đến với công dân Ba Lan hay công dân của một nước thành viên Liên minh Châu Âu, một nước thành viên Hiệp định Châu Âu về Tự do Thương mại (EFTA) – các bên của hợp đồng về Khu vực Kinh Tế Châu Âu hay Liên hiệp Thụy sỹ, đang sống trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan hoặc ở cùng với người đó.
 - 3) Là người gia sĩ, thành viên của tu viện hoặc là người thực hiện chức năng tôn giáo trong các nhà thờ và các tổ chức tín ngưỡng, mà hiện trạng pháp lý của các tổ chức đó được khẳng định bằng hợp đồng quốc tế hay các tổ chức đó hoạt động trên cơ sở ghi nhập vào danh bạ các nhà thờ và những tổ chức tín ngưỡng khác, và việc cư trú của người đó trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan liên quan đến chức năng thực hiện hay chuẩn bị cho chức năng đó,
 - 4) Chứng minh là có những hoàn cảnh khác – nếu hoàn cảnh là cơ sở xin giấy phép, cho lí do để ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan trong thời gian dài hơn 3 tháng.
2. Giấy phép tạm cư có thể cấp cho người nước ngoài đang ở trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan bất hợp pháp, nếu như:
 - 1) Quy định của pháp luật Ba Lan đòi hỏi người nước ngoài phải trình diện đích danh trước cơ quan chính quyền công cộng
 - 2) Hoàn cảnh cá nhân đặc biệt đòi hỏi sự có mặt của người nước ngoài trên lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan
 - 3) Lợi ích của Cộng hòa Ba Lan đòi hỏi như vậy;
 - 4) Cơ quan thẩm quyền tiến hành xử lý trong việc chống buôn người khẳng định là người nước ngoài là nạn nhân của việc mua bán người hiểu theo quyết định chung của Hội đồng ngày 19 tháng bảy năm 2002 về việc chống buôn người (Công báo WE L 203 ngày 1.08.2002, trang 1, Công báo UE Ba Lan số đặc biệt, chương 19, phần 6, trang 52)

Phụ lục 6

Thư mục.

Danh sách các văn bản pháp luật quan trọng nhất

Luật về người nước ngoài ra ngày 13 tháng sáu năm 2003

Luật về cho bảo hộ người nước ngoài trên lãnh thổ Cộng hòa Ba lan (bản in đồng nhất) ra ngày 13 tháng sáu năm 2003

Luật về nhập khẩu vào lãnh thổ Cộng hòa Ba Lan, cư trú và ra khỏi lãnh thổ này của công dân các nước thành viên Liên minh Châu Âu và những thành viên gia đình của họ, ra ngày 14 tháng bảy năm 2006.

Luật về khuyến mại tuyển dụng và các cơ quan thị trường lao động ra ngày 20 tháng tư năm 2004

Sắc lệnh của Bộ trưởng Bộ Lao động và Chính sách Xã hội về việc cấp giấy phép lao động ra ngày 29 tháng một năm 2009 (công báo năm 2009, Số 161 phần 84)

Sắc lệnh ngày 29 tháng một năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động và Chính sách Xã hội về việc quy định những trường hợp, khi giấy phép lao động cho người nước ngoài được cấp không phụ thuộc vào những điều kiện cụ thể của việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài (Công báo năm 2009 Số 16, phần 85);

Sắc lệnh ngày 30 tháng tám năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động và Chính sách Xã hội về việc người nước ngoài lao động không cần thiết phải có giấy phép lao động (Công báo năm 2006, số 156, phần 1116, lần thay đổi cuối cùng Công báo năm 2009, Số 21 phần 114);

Luật này 12 tháng ba năm 2004 về trợ cấp xã hội

Luật ngày 13 tháng mười năm 1998 về hệ thống bảo hiểm xã hội

Danh sách các trang internet đã được sử dụng khi biên soạn quyển sách này

Ủy ban Những việc của người nước ngoài: www.udsc.gov.pl

Phòng Lao Động Thành phố Vác sa va: www.wup.mazowsze.pl

Ủy ban Thành phố Vác sa va: www.mazowieckie.pl

Bộ Tư Pháp: www.ms.gov.pl

Thanh tra Lao Động Quốc gia: www.pip.gov.pl

Hội Đồng Châu Âu: www.coe.int/T/pl/Com/about_coe/

Hội đồng Thẩm Phán Châu Âu: www.echr.coe.int

Người Phát Ngôn Quyền Công Dân: www.rpo.gov.pl

Người Phát ngôn Quyền của Trẻ em: www.brpd.gov.pl

Bộ Tài chính: www.mf.gov.pl

Bộ Lao Động và Chính Sách Xã hội: www.mpips.gov.pl

www.pit.pl

www.pokrzywdzeni.gov.pl

<http://www.prezydent.pl/nasz-kraj/informacje-o-polsce/>

<http://www.polacy.gov.pl/>

Các văn bản đã được phát hành:

Tác giả Witold Klaus, Katarzyna Wencel, „Kỳ thị người nước ngoài ở Ba Lan. Chẩn đoán tình hình”, Hiệp hội Can thiệp Pháp lý – Phân tích, Báo cáo, Thử nghiệm, số 7/2008

Của Bộ Tài chính, „Các tòa án ở Ba Lan. Có những loại gì? Xét xử những việc gì?”, tháng tám 2004

Tác giả Katarzyna Łakoma, „Những chỉ dẫn thực tế liên quan đến nộp Đơn kiện lên Hội đồng Thẩm phán Châu Âu Quyền Con người ở Strasburg”, Phòng Thông tin của Hội đồng Châu Âu, Vác sa va 2007

Độc giả chính của cuốn sách này là những người di dân hợp pháp ngoài Liên minh Châu Âu đi đến Ba Lan với ý định làm việc và ở lại đây một thời gian dài. Cũng vì vậy nội dung chính của quyển sách là những thông tin trong lĩnh vực hợp pháp hóa cư trú, giấy phép lao động, hệ thống thuế má, bảo hiểm và bảo vệ pháp lý. Để thuận tiện tra cứu trong những đề tài đó, trong cuốn sách đã bố trí từ điển nhỏ những khái niệm và viết tắt quan trọng nhất thường dùng trong cuộc sống khi đề cập đến những đề tài trên và danh mục các ủy ban quan trọng cùng với chỉ dẫn cơ quan đó phụ trách việc gì. Toàn bộ biên soạn được bổ xung bằng những thông tin vắn tắt về Ba Lan, về thể chế chính trị, hành chính, những ngày lễ tết, những ngày nghỉ làm việc, cũng như danh sách các tổ chức của những người di dân hay tổ chức giúp đỡ người di dân cùng các nhà thờ và tổ chức tín ngưỡng chọn lọc.

Nhiều thông tin có trong cuốn sách này có thể dành cho người nước ngoài trong phạm vi rộng hơn những độc giả chính đã nêu ra. Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách sẽ giúp cho những người đi đến Ba Lan chủ động được trong những tình huống thực tế phức tạp quanh co liên quan đến pháp luật Ba Lan, và nhờ vậy dẫn đến sự hòa hợp nhanh chóng và dễ dàng với xã hội Ba Lan

Cuốn sách được hình thành trong phạm vi dự án *Di dân ở Ba Lan- thông tin và sự giúp đỡ pháp luật*.

Dự án này được cùng tài trợ bởi tài chính của Ủy Ban Châu Âu trong phạm vi Chương trình Châu Âu Vì Đồng hóa Công Dân Các Nước thứ Ba cùng với ngân sách nhà nước. Nhà xuất bản chịu toàn bộ trách nhiệm về nội dung trong cuốn sách này. Ủy ban Châu Âu không chịu trách nhiệm về nội dung của sách và cách sử dụng những thông tin được tiếp cận.